

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



THÔNG DIỆP

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Đỗ Quang Hiển

Chủ tịch HĐQT SHB

Kính thưa Quý vị!

Thay mặt HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể CBNV Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội (SHB), tôi chân thành gửi tới Quý vị cổ đông các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân, những người bạn thân thiết đã và đang đồng hành cùng SHB lời chào trân trọng lời cảm ơn chân thành và những lời chúc tốt đẹp nhất!

Thưa Quý vị,

Năm 2017 đã qua, Quý I/2018 đã kết thúc, SHB đã bước sang tuổi 25 với mục tiêu và tham vọng lớn hơn, cao hơn những năm trước: Từ Top 5 tiến lên Top 3 các ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam – (không có vốn nhà nước chi phối).

Chúng tôi hiểu rằng mục tiêu này là thách thức nhưng đây là động lực mạnh mẽ thúc đẩy chúng ta cùng nắm chặt tay nhau đoàn kết, quyết tâm thực hiện vì sự thịnh vượng và thành công của mỗi chúng ta, của SHB; không ngừng nâng cao uy tín và vị thế của SHB trong ngành tài chính – ngân hàng tại Việt Nam, Lào, Campuchia, đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước Việt Nam, Lào và Campuchia.

Thưa Quý vị!

Với mục tiêu chiến lược trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng vào năm 2020, trong 25 năm hình thành và phát triển, SHB luôn xây dựng mục tiêu chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn có định hướng lâu dài với chiến lược cạnh tranh là luôn tạo ra sự khác biệt. SHB đã không ngừng tăng trưởng toàn diện qua từng năm và đứng vững Top 5 các Ngân hàng TMCP lớn nhất Việt Nam (không có vốn nhà nước chi phối); hoạt động luôn minh bạch, an toàn, bền vững, được Ngân hàng nhà nước luôn xếp loại A trong nhiều năm qua; được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động Hạng Nhì, Hạng Ba; được các tổ chức tài chính, phi tài chính trên thế giới trao tặng nhiều giải thưởng Ngân hàng có uy tín lớn. Đồng thời, lợi nhuận SHB luôn ổn định qua các năm, cổ tức chia cho các cổ đông đảm bảo trong nhiều năm với tỷ lệ chia luôn bằng hoặc cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

Đạt được những thành tích tốt đẹp trên, đó là nhờ sự đoàn kết - quyết tâm và nỗ lực không ngừng của toàn thể CBNV, sự quan tâm hỗ trợ của các cấp, các ngành và Ngân hàng nhà nước, sự hợp tác đầu tư của Quý cổ đông, sự tin tưởng hợp tác đồng hành của các đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và người dân trong cả nước, người dân tại Lào, Campuchia.

Một lần nữa, tôi chân thành cảm ơn sự hợp tác quý báu của toàn thể Quý vị!

Thưa Quý vị!

Phát huy truyền thống tốt đẹp trong 25 năm qua, SHB sẽ không ngừng đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, nâng cao năng lực quản trị điều hành; phát triển an toàn, minh bạch và bền vững; hướng đến đạt các chuẩn mực của ngân hàng quốc tế; thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện thành công mục tiêu chiến lược đã đề ra vì sự phồn vinh của SHB, vì lợi ích tối đa của cổ đông, đối tác chiến lược, các doanh nghiệp – doanh nhân và sự thịnh vượng của đất nước

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc, thành công!

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Quang Hiến

TẦM NHÌN

Trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam, khu vực và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế

SỨ MỆNH

Là ngân hàng hàng đầu Việt Nam cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng hiện đại, tiện ích theo chuẩn quốc tế, đem lại lợi ích cao nhất cho cổ đông, khách hàng, đối tác ... góp phần vào sự thịnh vượng của đất nước.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Lợi ích của cổ đông

SHB luôn cam kết bảo toàn và gia tăng giá trị ngân hàng; không ngừng tăng trưởng đi đôi với phát triển an toàn bền vững, đem lại lợi ích tối đa, tạo nên sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư, khách hàng, đối tác... cũng như SHB.

Trọng tâm là khách hàng

Am hiểu tận tường, kết nối, hướng tới khách hàng và thị trường với phong cách phục vụ chuyên nghiệp, các sản phẩm dịch vụ hiện đại, đa dạng, tiện ích là những gì tốt đẹp nhất mà SHB dành cho các khách hàng.

Văn hóa doanh nghiệp

SHB luôn giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB với tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động để tạo ra sức mạnh tập thể, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Liêm chính và minh bạch

Minh bạch, trung thực trong mọi hoạt động cùng với nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro, kiểm toán, kiểm soát nội bộ là nhiệm vụ tối quan trọng để SHB tạo được niềm tin từ khách hàng và đối tác.

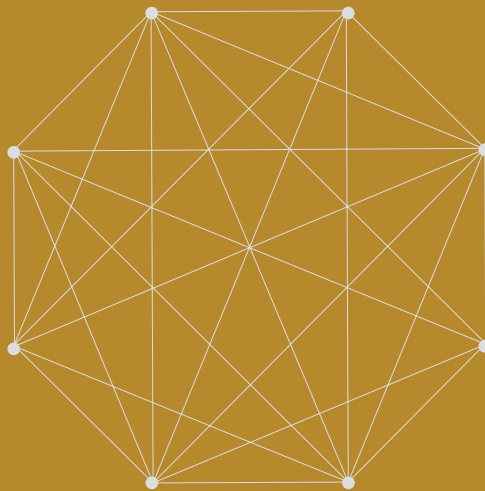
Không ngừng đổi mới

SHB không ngừng lắng nghe, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đổi mới, sáng tạo nhằm tạo lợi thế cạnh tranh và sự khác biệt.

Giá trị thương hiệu

Là Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng, SHB có bản sắc riêng, có uy tín, vị thế trong nước và quốc tế.

Thương hiệu là tài sản, là vinh dự của CBNV Ngân hàng.



THÔNG TIN CHUNG

* Thông tin khái quát

Tên giao dịch:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800278630 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng kí thay đổi lần thứ 25 ngày 08/03/2017

Vốn điều lệ: 12.036.161.100.000 đồng

Vốn chủ sở hữu: 14.691.220.000.000 đồng

Địa chỉ: 77 Trần Hưng Đạo - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3942 3388

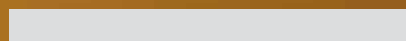
Fax: (024) 3941 0944

Website: www.shb.com.vn

Mã cổ phiếu: SHB

“

SHB tiếp tục khẳng định vị thế là một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với sự hiện diện tại 40 tỉnh thành trong cả nước và khu vực Đông Dương với gần 500 điểm mạng lưới giao dịch.

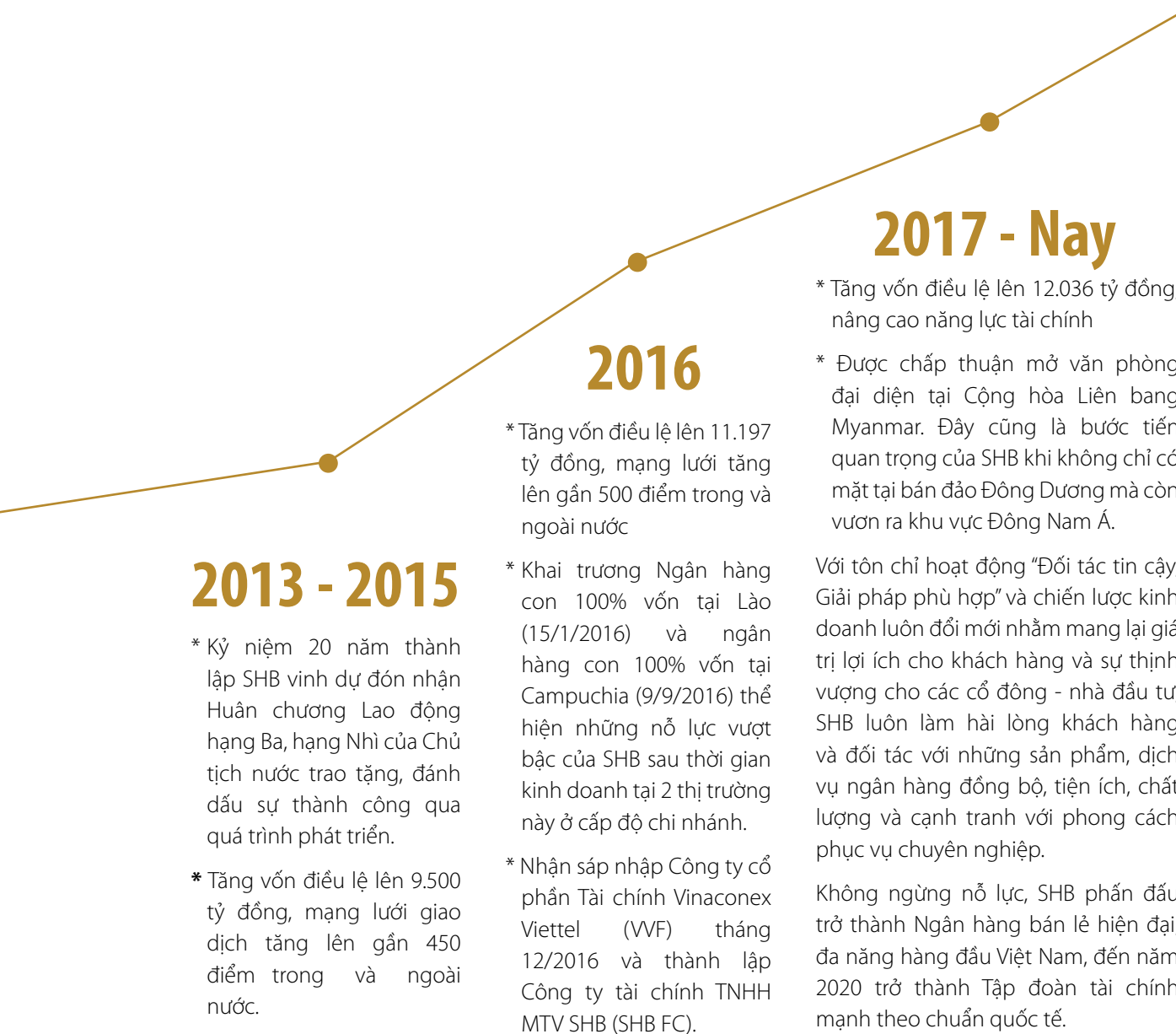


QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993

Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) tiền thân là Ngân hàng TMCP Nông Thôn Nhơn Ái, được thành lập ngày **13/11/1993** tại Cần Thơ.

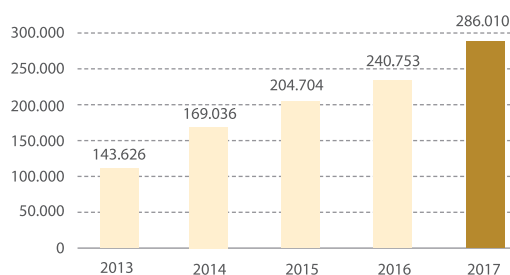




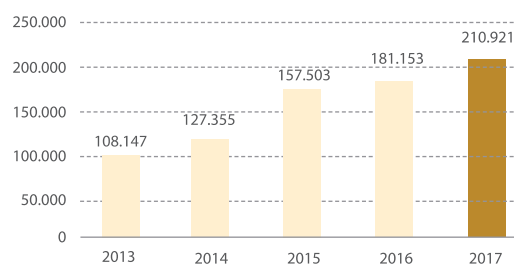
Vốn điều lệ **12.036** tỷ đồng

NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

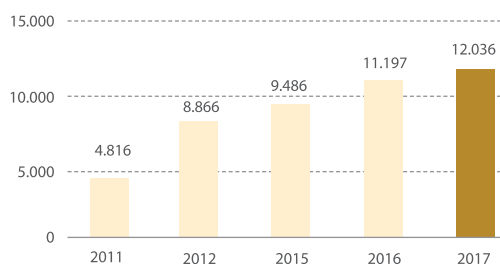
Tổng tài sản (tỷ đồng)



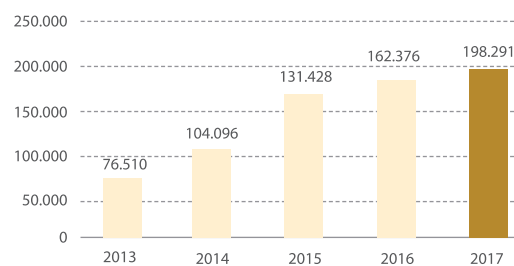
Huy động vốn từ TCKT và cá nhân 2017 (tỷ đồng)



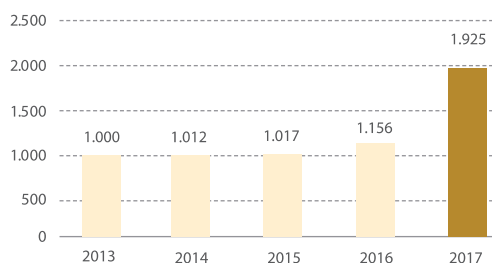
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)



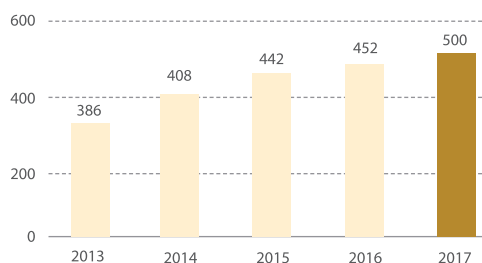
Dự nợ cho vay khách hàng (Tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)



Mạng lưới (Điểm giao dịch)



NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG GIAI ĐOẠN 2013 - 2017

Tài Chính

Tổng tài sản năm 2017 (tỷ đồng)

286.010

Huy động vốn từ TCKT và cá nhân 2017 (tỷ đồng)

210.921

Dư nợ cho vay Khách hàng 2017 (tỷ đồng)

198.291

Lợi nhuận trước thuế 2017 (tỷ đồng)

1.925

Tỷ trọng thu nhập thuần dịch vụ 2017

22,6%

Hệ số an toàn vốn 2017

11,3%

Phi Tài Chính

Số lượng CBNV 2017

6.210

Số lượng điểm giao dịch 2017

500



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; Thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá khác; Kinh doanh vàng theo quy định của pháp luật; Bao thanh toán; Dịch vụ bảo quản tài sản và cho thuê tủ, két an toàn (bao gồm cả dịch vụ giữ hộ, bảo quản vàng); Đại lý bảo hiểm; Ủy thác cho vay và nhận ủy thác cho vay; Cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

+ SHB đã có mặt tại 40 tỉnh, thành phố ở Việt Nam, là những tỉnh thành phố lớn trực thuộc Trung ương, những tỉnh/ thành phố có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh trên cả nước.

+ Nước ngoài: SHB đã có mặt tại 3 nước Đông Nam Á là CHDCND Lào (Viêng Chăn, Champasack), Vương Quốc Campuchia (Phnompenh, Kampong Thom, Nehru,...), Myanmar.

Chi tiết địa bàn kinh doanh kính mới Quý vị xem mục Mạng lưới hoạt động, trang 156.



THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông ĐỖ QUANG HIỂN

Chủ tịch HĐQT SHB

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS).
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn T & T
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (BSH)
- Chủ tịch Hiệp hội các Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa Thành phố Hà Nội
- Ủy viên UB TƯ MTTQ VN



Thành tích:

Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba do Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam trao tặng

“Doanh nhân châu Á 2017” do tạp chí Enterprise Asia vinh danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VÕ ĐỨC TIẾN

Phó Chủ tịch HĐQT SHB



Ông NGUYỄN VĂN LÊ

Thành viên HĐQT kiêm TGD SHB



Ông TRẦN NGỌC LINH

*Thành viên HĐQT SHB
(Cổ đông sáng lập của SHB)*



Ông ĐỖ QUANG HUY

Thành viên HĐQT SHB



Ông THÁI QUỐC MINH

Thành viên HĐQT SHB



Ông PHẠM CÔNG ĐOÀN

Thành viên HĐQT SHB

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM HÒA BÌNH

*Trưởng Ban Kiểm soát
Cử nhân kinh tế*



Bà NGUYỄN THỊ HOẠT

*Phó Trưởng Ban Kiểm soát
Thạc sĩ kinh tế*



Ông NGUYỄN HỮU ĐỨC

*Thành viên chuyên trách Ban
Kiểm soát
Tiến sĩ kinh tế*



Bà LÊ THANH CẨM

*Thành viên
Thạc sĩ QTKD*



Bà PHẠM THỊ BÍCH HỒNG

*Thành viên
Cử nhân kinh tế*

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

- Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ thực góp	Vốn góp của SHB	Tỷ lệ nắm giữ
Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)	Số 71B, Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Quản lý nợ và khai thác tài sản	20 tỷ đồng	20 tỷ đồng	100%
Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào	Tổ 1 đường Lanexang, bản Hatsadytai, Huyện Chanthabuly, Thủ đô Viêng Chăn, Lào	Tài chính, Ngân hàng	50 triệu USD	50 Triệu USD	100%
Ngân hàng TNHH MTV SHB Campuchia	707 Đại lộ Monivong, Thủ đô PhnomPenh, Vương quốc Campuchia	Tài chính, ngân hàng	50 triệu USD	50 triệu USD	100%
Công ty tài chính TNHH MTV SHB	Tầng 1, Nhà 18T2, Khu đô thị Trung Hòa – Nhân Chính, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Tài chính, ngân hàng	1.000 tỷ đồng	1.000 tỷ đồng	100%

(*): Năm 2017, SHB thoái toàn bộ vốn tại Công ty cổ phần chứng khoán SHB (SHBS)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Để đạt được tầm nhìn trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hàng đầu Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế, SHB thực hiện xây dựng chiến lược phù hợp cho từng giai đoạn phát triển có định hướng lâu dài.

Các mục tiêu tài chính chủ yếu năm 2018:

Đơn vị tính: tỷ đồng

315.494

Tổng tài sản đạt

13.240

Vốn điều lệ đạt

250.617

Huy động vốn từ TCKT và cá nhân

223.822

Số dư cấp tín dụng đạt

Đơn vị tính: %

<3%

Tỷ lệ nợ xấu dưới

10%

Tỷ lệ chia cổ tức

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

MỤC TIÊU	CHIẾN LƯỢC
Tăng trưởng hiệu quả, an toàn	- Phát triển ngân hàng bán lẻ đa năng theo hướng hiện đại, có khả năng cạnh tranh lớn hơn với lợi thế và luôn tạo sự khác biệt, dựa trên nền tảng công nghệ, quản trị ngân hàng tiên tiến, phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng; - Đáp ứng tốt hơn nhu cầu về dịch vụ tài chính, ngân hàng của nền kinh tế cũng như hướng tới sự ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước; - Tập trung lành mạnh hóa và tăng cường năng lực tài chính; Nâng cao năng lực quản trị điều hành; Phát triển quy mô và trình độ tương ứng với các ngân hàng trong khu vực để từng bước đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; - Phát triển hoạt động cho vay tiêu dùng khách hàng cá nhân nhằm tăng nguồn lợi nhuận đáng kể, đóng góp vào kết quả hoạt động kinh doanh thông qua Công ty tài chính tiêu dùng SHB (SHBFC). - Đảm bảo an toàn hoạt động tín dụng, thanh toán; Giảm thiểu tổn thất, chi phí xử lý những vấn đề rủi ro phát sinh của hệ thống; - Nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an toàn theo chuẩn mực quốc tế và yêu cầu của Ủy ban Basel.
Phát triển bền vững	Thực hiện các hoạt động hỗ trợ an sinh xã hội, giáo dục đối với cộng đồng thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, tấm lòng thiện nguyện của cán bộ nhân viên và SHB coi đó như một giá trị văn hóa cơ bản để không ngừng phát triển. SHB cam kết chung tay bảo vệ môi trường sinh thái với các hoạt động giảm khí thải nhà kính và rác thải trong văn phòng làm việc; Phát triển tín dụng xanh với tiêu chí quan trọng được đặt ra trong quá trình thẩm định dự án là những dự án đó phải tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

CÁC RỦI RO

Năm 2017, SHB tiếp tục thực hiện quản lý rủi ro chủ động. Các rủi ro được nhận dạng, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, đảm bảo việc kiểm soát những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh, danh tiếng của Ngân hàng.

Bối cảnh kinh tế và chiến lược quản trị rủi ro của SHB

Năm 2017, kinh tế thế giới tăng trưởng tích cực tại hầu hết các khu vực nhờ sự phục hồi của nhóm các nước phát triển cũng như sự cải thiện của các nước mới nổi. Trong bối cảnh đó, giá hàng hóa cơ bản và lạm phát ở các nước bắt đầu có xu hướng tăng khiến ngân hàng trung ương các nước phát triển có xu hướng điều hành chính sách tiền tệ thận trọng và chặt chẽ. Thị trường tài chính quốc tế biến động trái chiều với các dự đoán khi cả năm đồng USD giảm so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt. Căng thẳng địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ có chiều hướng gia tăng, ảnh hưởng đến tiến trình phục hồi thương mại toàn cầu.

Ở trong nước, năm 2017, GDP ước tăng 6,81%, cao hơn khoảng 0,6 điểm % so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Lạm phát tăng khoảng 3,53% so với năm 2016; thặng dư thương mại đạt khoảng 2,6 tỷ USD, tương đương 0,6% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức tăng khá, khoảng 13% so với 2016, bằng 33,5% GDP. Tuy nhiên, kinh tế trong nước 2 quý đầu năm có những diễn biến bất lợi: lạm phát tăng nhanh ngay từ những tháng đầu năm và liên tục duy trì ở mức trên 4%. Thị trường ngoại tệ chịu áp lực tâm lý khi đồng USD thế giới tăng giá liên tục trong 2 tháng đầu năm cộng hưởng với thâm hụt cán cân thương mại tăng cao; tốc độ tăng trưởng kinh tế 2 quý đầu năm không đạt như

kỳ vọng,... Những diễn biến này đặt ra khó khăn và thách thức đối với nền kinh tế nói chung và hoạt động ngân hàng nói riêng trong việc vừa kiểm chế lạm phát vừa phải hỗ trợ tăng trưởng kinh tế phù hợp.

Đối với hệ thống ngân hàng, Ngân hàng nhà nước tiếp tục thực hiện điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và hoạt động ngân hàng hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Năm 2017, tổng phương tiện thanh toán tăng 15%, tăng trưởng tín dụng đạt 18,25%. Tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD khoảng 9,5%, giảm mạnh so với mức 11,9% cuối năm 2016.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới hồi phục khó khăn, rủi ro nhiều, kinh tế Việt Nam 2017 đã có những dấu hiệu cải thiện ở cả góc độ sản xuất kinh doanh cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa bền vững. Việc ký kết các hiệp định thương mại tự do có hiệu lực mở ra cơ hội nhưng cũng là áp lực lớn cho nhà nước và doanh nghiệp trong việc tái cơ cấu các thể chế kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Các yêu cầu từng bước đáp ứng chuẩn mực rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, III và các quy định của NHNN về tuân thủ các tỷ lệ an toàn, thanh khoản, chính sách tín dụng từ Thông tư 36, Thông tư 41,... cũng tác động đến toàn bộ

công tác quản trị điều hành trong ngành ngân hàng nói chung và SHB nói riêng, đòi hỏi các ngân hàng phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng và toàn diện để đáp ứng, cũng như hệ thống quản trị nội bộ phù hợp.

Trong bối cảnh đó, SHB đã cải tiến liên tục, mạnh mẽ mô hình quản trị rủi ro tập trung, hướng tới xây dựng nền tảng quản trị rủi ro hiện đại, tiệm cận với các thông lệ quốc tế nhằm chủ động cảnh báo sớm, giám sát, giảm thiểu các loại rủi ro do nền kinh tế cũng như kiểm soát chặt chẽ các loại rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động... Chiến lược quản trị rủi ro được cấu trúc, gắn chặt theo từng phân khúc kinh doanh của ngân hàng, đảm bảo công tác quản trị rủi ro được cập nhật và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh doanh. Khối KTNB trực thuộc BKS với hệ thống các phòng KTNB tại từng đơn vị kinh doanh đảm bảo công tác kiểm soát, kiểm toán được thực hiện một cách độc lập, thường xuyên các hoạt động tại từng ĐVKD. Bên cạnh đó, với mục tiêu từng bước triển khai và áp dụng các chuẩn mực quốc tế về an toàn theo Basel II, SHB đã đưa ra kế hoạch, lộ trình triển khai cụ thể đối với từng nghiệp vụ, từng bước chuẩn mực hóa các quy trình, công cụ và cách thức vận hành của hệ thống. Đồng thời, SHB cũng chú trọng đào tạo và phát triển nhân lực theo chuẩn quốc tế và nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, đảm bảo hoạt động ngân hàng phát triển an toàn, bền vững.

CÁC RỦI RO

Nhận diện những rủi ro đặc thù

Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà SHB thường gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

a) Rủi ro tín dụng

Là rủi ro xảy ra khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB đã duy trì một chính sách quản lý rủi ro tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Thiết lập một môi trường quản lý rủi ro tín dụng phù hợp;
- Hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- Duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- Đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

SHB tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của SHB có sự tham gia của Hội đồng tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất. Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã áp dụng

Cẩm nang Tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB

b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: Rủi ro thanh khoản được đo lường thông qua việc sử dụng các chỉ số liên quan tới dòng tiền, khả năng huy động vốn, khả năng thanh khoản tài sản của SHB.

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính

thực hiện.

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của SHB chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản nợ phải trả cụ thể.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB sử dụng phương pháp đo lường rủi ro lãi suất đối với toàn bộ các khoản mục tài sản Nợ - Có trên khía cạnh thu nhập từ lãi toàn hàng. SHB cũng xây dựng và áp dụng hệ thống hạn mức, thẩm quyền phán quyết từng cấp dựa trên kết quả đo lường rủi ro cho từng danh mục.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá.

Đo lường, giám sát và quản lý rủi ro: SHB đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của SHB và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.



CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2017



“ SHB cam kết đồng hành sự
phồn vinh của đất nước, sự
thịnh vượng của quý cổ đông,
đối tác và khách hàng.

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2017



SHB long trọng đón Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào (NHTW) – ông Somphao Phaysith và ông Nguyễn Kim Anh – Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN VN) cùng đoàn lãnh đạo cấp cao của hai phía NHTW Lào và NHNN VN đến thăm, làm việc tại Trụ sở SHB.



Đánh giá cao năng lực của SHB trong Chương trình tài trợ thương mại toàn cầu (TFP), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) đã ký kết Hợp đồng cho vay tuần hoàn (RCA), nâng tổng giá trị các giao dịch mà SHB có thể sử dụng theo 02 Hợp đồng IBA và RCA cho giao dịch xuất nhập khẩu tại một thời điểm lên tới 150 triệu USD.



SHB luôn được Chính phủ, NHNN tin tưởng giao trọng trách cùng nhiều địa phương trên cả nước triển khai các chương trình xúc tiến đầu tư lớn ở nhiều lĩnh vực trọng điểm, khẳng định cam kết của SHB luôn sẵn sàng đồng hành cùng Đảng, Nhà nước trong công cuộc phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.



SHB đã, luôn đồng hành cùng các doanh nghiệp, doanh nhân thủ đô nói riêng, cả nước nói chung khi luôn là cầu nối, kết nối hàng ngàn doanh nghiệp, tư vấn, hỗ trợ các giải pháp tài chính phù hợp để cùng phát triển và thịnh vượng.

CÁC SỰ KIỆN TIÊU BIỂU 2017

SHB và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Dai-ichi Life Việt Nam) đã long trọng tổ chức Lễ ký kết hợp tác chiến lược dài hạn 15 năm. Theo đó, Dai-ichi Life Việt Nam là đối tác độc quyền phân phối tất cả các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các quyền lợi hỗ trợ ưu việt theo lựa chọn của khách hàng SHB.



NHNNVN đã chấp thuận cho SHB mở Văn phòng đại diện tại Cộng hòa Liên bang Myanmar. Như vậy, sau Lào và Campuchia, Myanmar sẽ là thị trường nước ngoài thứ 3 có sự hiện diện của SHB. Đây cũng là bước tiến quan trọng của SHB khi không chỉ có mặt tại bán đảo Đông Dương mà còn vươn ra khu vực Đông Nam Á.



SHB khai trương 5 chi nhánh mới tại các tỉnh: Hà Nam, Hà Tĩnh, Bình Định, Tây Ninh và Đắk Lắk đồng thời chuẩn bị cho việc khai trương văn phòng đại diện tại Myanmar – khẳng định vị thế, giá trị thương hiệu của SHB trong và ngoài nước.



SHB đã thành lập Ban dự án hiện đại hóa ngân hàng, với mục tiêu đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số trong hoạt động nhằm xây dựng SHB thành 1 ngân hàng chuyên nghiệp, hiện đại, đa năng theo tiêu chuẩn quốc tế, đón đầu xu hướng của công cuộc cách mạng 4.0 với những sản phẩm, dịch vụ khác biệt và vượt trội.



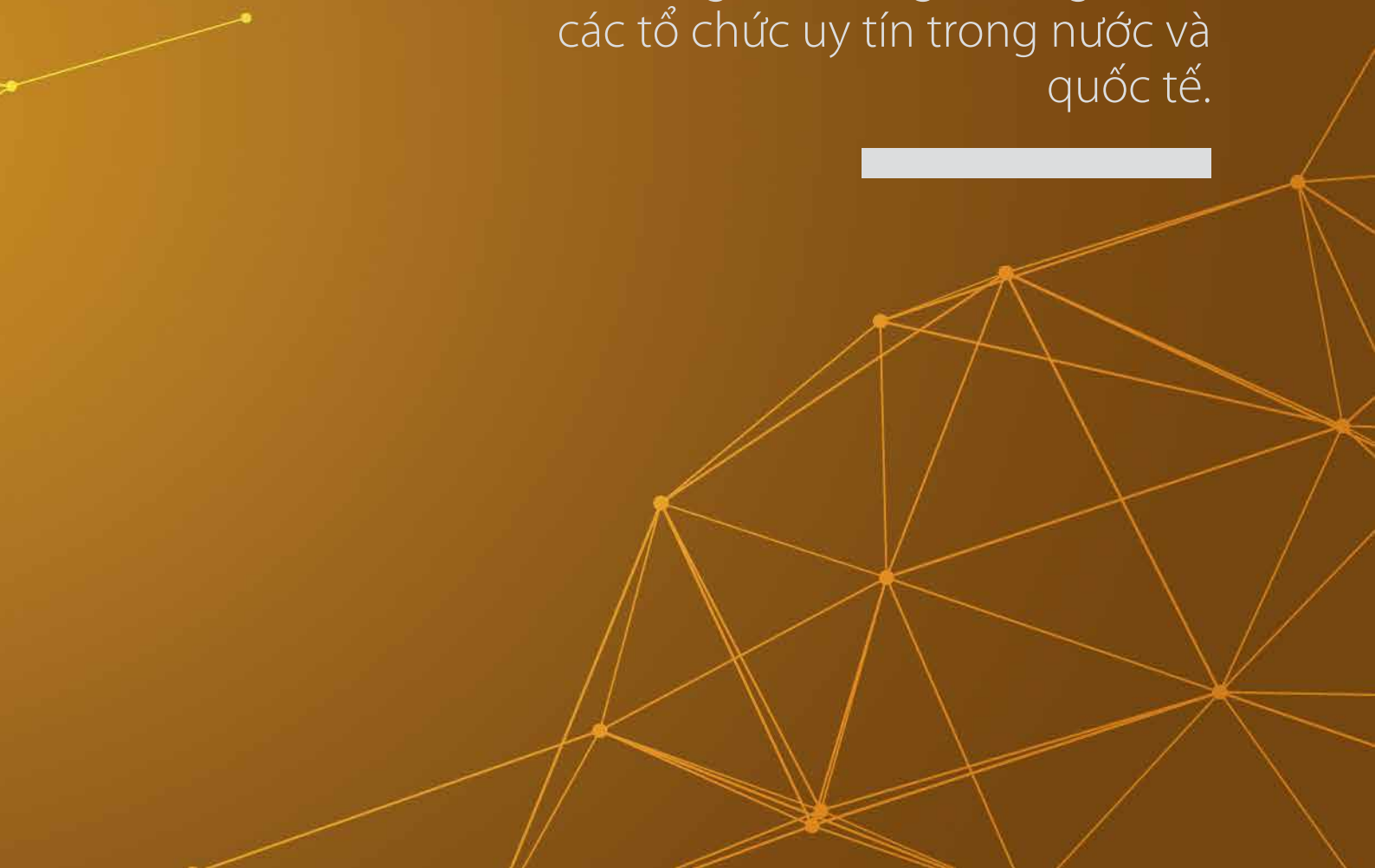
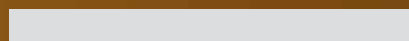
SHB đã chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội Bảo thanh toán quốc tế (FCI) và là một trong số ít thành viên tại Việt Nam của Hiệp hội uy tín và lâu đời này. Trở thành thành viên của hiệp hội FCI, SHB sẽ cung cấp dịch vụ Bảo thanh toán xuất khẩu toàn diện, chuyên nghiệp hơn,...



THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI



“ Trong suốt chặng đường 25 năm phát triển, SHB luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bền vững, xứng đáng với niềm tin và sự kỳ vọng của khách hàng, cổ đông và nhà đầu tư. Sự thành công và uy tín của SHB được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, nhiều giải thưởng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế.



THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI



Danh hiệu tiêu biểu do Nhà nước trao tặng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng Ngân hàng SHB;
- Huân chương Lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước trao tặng Chủ tịch HĐQT SHB;
- Huân chương Lao động hạng Ba của Chủ tịch nước trao tặng Tổng Giám đốc SHB;
- Bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước, UBND các tỉnh, thành phố có trụ sở SHB;

Giải thưởng trong nước tiêu biểu do các Ban/ ngành/tổ chức trao tặng/bình chọn:

- Top 50 Doanh nghiệp thịnh vượng xuất sắc Việt Nam do Vietnam Report bình chọn.
- Top 30 "Doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất" do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) bình chọn.
- Top 10 "Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích" do Sở Công thương, Hiệp hội DN nhỏ và vừa bình chọn.
- Top 100 doanh nghiệp bền vững Việt Nam 2016 do VCCI, Bộ LĐTB & XH, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên môi trường bình chọn.
- Giải thưởng Thương hiệu mạnh, Nhân hiệu nổi tiếng Việt Nam nhiều năm liên tiếp;
- Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam với xếp hạng liên tục tăng lên qua các năm;
- Top 50 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Báo Đầu tư và Công ty Dragon Capital bình chọn
- Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX nhiều năm liền;
- Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam cùng hệ thống ngành kinh tế do Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chứng nhận.
- Top các doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam nhiều năm liền;

THÀNH TÍCH VÀ CÔNG NHẬN CỦA XÃ HỘI

Giải thưởng quốc tế tiêu biểu do các Quốc gia/Tập đoàn/Tổ chức/Tạp chí danh tiếng trao tặng/ bình chọn:



Top 50 Ngân hàng mạnh nhất châu Á do The Asian Banker bình chọn.



Giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” do The Banker, The Asset bình chọn nhiều năm liên tiếp.



Giải thưởng “Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng tài trợ Dự án tốt nhất Việt Nam” nhiều năm liên tiếp do Tạp chí Alpha Southeast Asia, The Asian Banking & Finance bình chọn.



Giải thưởng: “Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam”; “Sản phẩm cho vay mua ô tô tốt nhất”; “Sản phẩm cho vay mua nhà tốt nhất”; “Sáng kiến thẻ tín dụng tốt nhất” do Tạp chí The Asian Banking and Finance (ABF) trao tặng.



Giải thưởng “Ngân hàng SME Tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng Cho vay Mua nhà Tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.



Ngân hàng nước ngoài tiêu biểu tại Campuchia nhiều năm liên tiếp với 2 hạng mục giải thưởng “Ngân hàng SME tiêu biểu” và “Ngân hàng có Sản phẩm – Dịch vụ sáng tạo tiêu biểu năm” do Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG kết hợp với Ngân hàng Quốc gia Campuchia trao tặng.



Giải thưởng “Sản phẩm tiền gửi tốt nhất Việt Nam” và “Sáng kiến thương hiệu tốt nhất” do The Asian Banker trao tặng.



Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ tiền gửi tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch vụ Internet Banking tốt nhất” Việt Nam Global Banking and Finance Review trao tặng.



Giải thưởng “Ngân hàng An ninh thông tin tiêu biểu” do tập đoàn IDG vinh danh nhiều năm liên tiếp

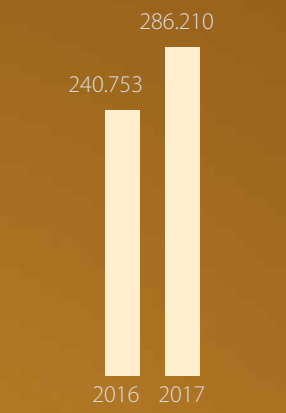


Giải thưởng Thanh toán Quốc tế Xuất sắc (STP Award) và là năm thứ 7 liên tiếp BNY Mellon trao tặng giải thưởng này cho SHB.

Và nhiều giải thưởng uy tín khác...

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017





Tổng tài sản
tăng

19%



Huy động
khách hàng tăng

16%



Lợi nhuận
trước thuế tăng

66%

“

Tăng trưởng vượt bậc về lợi nhuận nhờ dịch chuyển cơ cấu thu nhập theo hướng tăng tỷ trọng từ hoạt động dịch vụ là những điểm sáng của SHB năm 2017

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2017, SHB tiếp tục có những tăng trưởng vượt bậc về hoạt động kinh doanh.

Tổng tài sản của ngân hàng đạt 286.010 tỷ đồng, tăng 18,8% so với năm 2016, đạt 105,9% kế hoạch. Vốn tự có đạt 17.829 tỷ đồng, trong đó, vốn chủ sở hữu đạt 14.691 tỷ đồng, tăng 11,1% so với năm 2016. SHB được chất thuận và hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ đồng.

Với mục tiêu đặt trọng tâm thị trường I, tổng nguồn vốn huy động đạt 266.680 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn huy động từ tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 210.921 tỷ đồng, tăng 16,4% so với năm 2016.

Nguồn vốn huy động dồi dào, dài hạn là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN. Dư nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân đạt 198.291 tỷ đồng, tăng 22,1% so với năm 2016.

Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng với 500 điểm giao dịch và trên 6.200 cán bộ nhân viên trải rộng tại 40 tỉnh thành trong cả nước; 1 ngân hàng con 100% vốn, 1 chi nhánh tại Lào; 1 ngân hàng con 100% vốn, 4 chi nhánh tại Campuchia, văn phòng đại diện tại Myanmar và 2 công ty con (Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản – SHAMC, Công ty tài chính TNHH MTV SHB – SHB FC). Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành.

Với kết quả đạt được, SHB hiện nằm trong nhóm 5 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam.

Năm 2017, tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của SHB đạt 21.005,2 tỷ đồng, tăng 29,2% so với 2016 nhờ dịch chuyển cơ cấu thu nhập theo hướng tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Tổng thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ đạt 1.457 tỷ đồng, tăng 1.119 tỷ đồng, tương ứng tăng 330,9% so với 2016. Tỷ trọng thu nhập thuần từ dịch vụ chiếm 22,6% tổng thu nhập thuần từ HĐKD.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.925,3 tỷ đồng, tăng trưởng 66,5%, là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm gần đây, vượt 10% so với kế hoạch 2017 ĐHCĐ đề ra.

Bên cạnh tăng trưởng quy mô, thu nhập, SHB kiểm soát chặt chẽ chi phí nhằm tăng hiệu quả hoạt động. Năm 2017, tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động giảm mạnh xuống còn 44,9%, là mức thấp nhất trong nhiều năm qua.

Các tỷ lệ an toàn vốn, an toàn về thanh khoản luôn đảm bảo đạt và vượt so với quy định của Ngân hàng Nhà nước, trong đó, tỷ lệ an toàn vốn đạt 11,3% (đảm bảo quy định của NHNN $\geq 9\%$)

Những thuận lợi nội bộ cũng như sự thích ứng linh hoạt với điều kiện môi trường bên ngoài đã giúp SHB hoàn thành hầu hết các mục tiêu và đạt được nhiều thành tựu, bước ngoặt quan trọng như:

- Hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận 2017, đảm bảo mức chi cổ tức cho các cổ đông lớn hơn kế hoạch đại hội cổ đông thông qua.
- Tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ tăng trưởng vượt bậc nhờ đa dạng hóa các sản phẩm và hợp tác chiến lược với các đối tác lớn và trở thành một trong những ngân hàng có tỷ trọng thu nhập dịch vụ lớn
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, đưa tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động giảm mạnh xuống mức thấp trong nhiều năm qua.
- Hoàn thành kế hoạch đưa Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC) vào hoạt động.
- Thực hiện đúng lộ trình nâng cao năng lực quản trị rủi ro tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế theo định hướng của NHNN.
- Hoàn thành nhiều dự án công nghệ hiện đại hướng tới nâng cao năng lực phục vụ khách hàng (hệ thống ngân hàng điện tử dành cho KHCN tại Lào và Cam, ứng dụng hỗ trợ trực tuyến với khách hàng, thu hộ qua POS...).

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2017	Tăng trưởng 2017/ 2016		% thực hiện kế hoạch 2017
		(+/-)	%	%
Tổng tài sản (Tỷ đồng)	286.010	45.257	18,80	105,93
Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	11.197			
Huy động từ TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	210.921	29.768	16,43	97,03
Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân (Tỷ đồng)	198.291	35.914	22,12	103,49
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)	1.925	769	66,49	110,02
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	11,30			Hoàn thành
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2,33			Hoàn thành

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017)

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Ông Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc	0,226%
2	Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
3	Bà Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	0,088%
4	Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	0,004%
5	Bà Đặng Tố Loan	Phó Tổng Giám đốc	0,070%
6	Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	Không sở hữu
7	Bà Ngô Thị Vân	Kế toán trưởng	0,000%

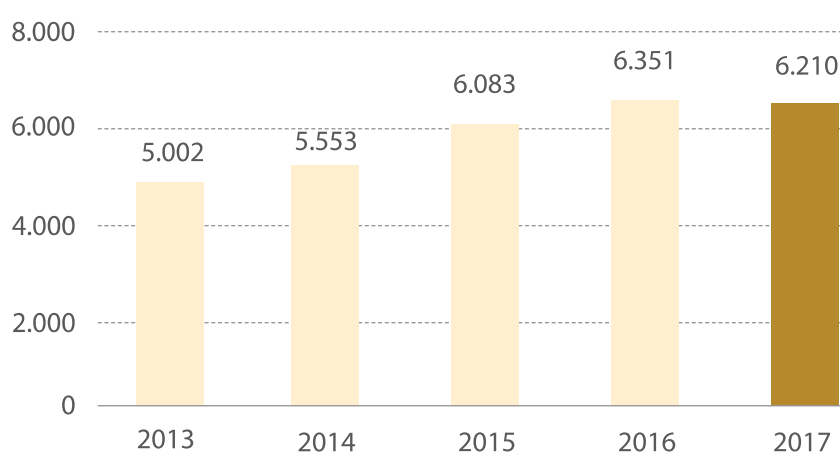
• Những thay đổi trong ban điều hành

Năm 2017, SHB không có sự thay đổi nào trong Ban điều hành

• Số lượng cán bộ nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2017 là 6.210 người, với trên 92% có trình độ Đại học và trên đại học.

Nhân sự (Người)



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Chính sách đối với người lao động

Với mục tiêu xây dựng nguồn nhân lực có phẩm chất, kinh nghiệm và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, tâm huyết với sự phát triển của ngân hàng, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút, tạo động lực phát triển và sự gắn bó lâu dài của người lao động với ngân hàng.

- **Chính sách tuyển dụng** công khai, minh bạch với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của các ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp để làm căn cứ trong quá trình tuyển dụng.

Việc tuyển chọn nhân sự với tiêu chuẩn cao về trình độ, sức khỏe, đạo đức luôn được SHB chú trọng với việc duy trì website tuyển dụng trực tuyến, bản tin tuyển dụng nội bộ và chương trình “Thực tập sinh tài năng – SHB’s Talent Internship” đảm bảo tính chuyên nghiệp, minh bạch, công bằng, nâng cao hình ảnh, uy tín của thương hiệu SHB trên thị trường lao động.

- **Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên:** SHB luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của SHB với chính sách đào tạo, phát triển theo chiến lược kinh doanh của ngân hàng, được xây dựng theo từng nhóm đối tượng.
- Công tác đào tạo năm 2017 có nhiều chuyển biến với chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng chuẩn chức danh đối với các chức danh chính trong ngân hàng, trọng tâm là các khóa đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên sâu và kỹ năng mềm.

Bên cạnh hàng trăm khóa đào tạo bên ngoài và nội bộ trực tiếp đào tạo, SHB phát triển đào tạo thông qua các ứng dụng công nghệ cao trong đào tạo như: Hệ thống quản lý học tập – thi trực tuyến SHB – LMS; Hệ thống khảo sát – đánh giá chất lượng sau khóa học trực tuyến SHB – Survey; Diễn đàn trao đổi học tập; Đào tạo qua cầu truyền hình;.... nhằm tiết giảm tối đa các chi phí liên quan tới đào tạo cũng như nâng cao năng suất lao động của CBNV.

- **Chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ, chế độ phúc lợi** của SHB mang tính cạnh tranh với mục tiêu mang lại nguồn thu nhập ổn định để người lao động yên tâm gắn bó với ngân hàng.

Chi tiết các chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động, Quý vị vui lòng xem mục Phát triển bền vững, trang 77.



THÀNH VIÊN

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN VĂN LÊ
Tổng Giám đốc

- Tiến sĩ Kinh tế ngành Tài chính ngân hàng
- Hơn 21 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) từ năm 2000 đến nay.
- Huân chương lao động hạng Ba của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc NHNN; Giải thưởng nhà lãnh đạo xuất sắc, nhà lãnh đạo giỏi; Có nhiều đóng góp lớn cho sự phát triển của SHB nói riêng và kinh tế xã hội đất nước nói chung.
- Tham gia nhiều hoạt động cộng đồng, từ thiện được xã hội ghi nhận.

THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Bà NGÔ THU HÀ

Phó Tổng Giám đốc

- Tiến sĩ kinh tế.
- 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Từ 15/03/2011: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



Bà NINH THỊ LAN PHƯƠNG

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Từ 11/06/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý & Khai thác tài sản SHB (SHAMC)



Ông LÊ ĐĂNG KHOA

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Nguyên là Giám đốc kinh doanh nguồn vốn và ngoại hối Ngân hàng VIB.
- Từ tháng 03/2009: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



Bà ĐẶNG TỔ LOAN

Phó Tổng Giám đốc

- Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính Tín dụng.
- 21 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Từ 08/2007-10/2012: Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ 09/10/2012: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB TP. Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.



Ông NGUYỄN HUY TÀI

Phó Tổng Giám đốc

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tín dụng.
- 20 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.
- Từ 03/2009 - 02/2013: Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội;
- Từ tháng 02/2013: Phó Tổng Giám đốc SHB kiêm Giám đốc Chi nhánh SHB Hà Nội.



Bà NGÔ THỊ VÂN

Kế toán trưởng

- Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kiểm toán.
- 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực Kế toán, Tài chính ngân hàng.
- Từ năm 2014 – nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư thực hiện các dự án

Dự án “Chuyển đổi nông nghiệp bền vững – VnSAT”: Là dự án đầu tư vốn đẩy mạnh phát triển kinh tế Tây Nguyên. Hướng ứng dự án “Chuyển đổi nông nghiệp bền vững – VnSAT” của Chính phủ đặc biệt là tái canh cây cà phê – một ngành kinh tế mũi nhọn được định hướng phát triển mạnh trong giai đoạn 2015-2025, với vai trò là một tổ chức tín dụng uy tín hàng đầu, SHB đã cam kết tài trợ vốn dài hạn với lãi suất ưu đãi chỉ từ 7%/năm nhằm tái canh cây cà phê hiệu quả trên địa bàn Tây Nguyên nhằm giúp người dân nơi đây đẩy mạnh phát triển cây cà phê – một cây công nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong kinh tế vùng.

Các dự án công nghệ, hiện đại hóa ngân hàng: Năm 2017, SHB đã hoàn thành triển khai, đưa hệ thống hoạt động chính thức đối với các dự án/hạng mục dự án lớn là: Hệ thống NHĐT dành cho KHCN Việt Nam và Lào; Triển khai hệ thống OOS; Triển khai phần mềm phục vụ công tác báo cáo tuân thủ TT35; Triển khai phần mềm phòng chống rửa tiền AML; Hệ thống tích hợp doanh nghiệp ESB ứng dụng thực tế cho việc tích hợp giữa hệ thống NHĐT dành cho KHCN với các hệ thống khác; Hệ thống quản trị nội dung – ECM ứng dụng cho Quy trình Tín dụng Cá nhân, Quy trình cho vay nhanh (Sản phẩm Cầm cố giấy tờ có giá), Quy trình đăng ký giao dịch Online (Trung tâm nghiệp vụ Ngân hàng Quốc tế), Quy trình gửi xác nhận giao dịch mua bán ngoại tệ (Ban kiểm soát hỗ trợ nguồn vốn và đầu tư); Triển khai kết nối chấp nhận thanh toán thẻ UPI qua Napas qua ATM; triển khai ứng dụng thu hộ học phí qua POS tại các trường học mà Trung tâm thẻ và ĐVKD triển khai; Ứng dụng Chat hỗ trợ khách hàng trực tuyến Life help chat thay thế cho ứng dụng cũ lỗi thời; triển khai thu phí bảo hiểm Dai-ichi Life qua POS (Offline); triển khai công cụ Kiểm thử mã nguồn (tools test) cho nghiệp vụ Internet Banking dành cho KHCN và Triển khai hệ thống tự động cập nhật tỷ giá hàng ngày, hàng tháng cho Ban kiểm soát Hỗ trợ nguồn vốn và đầu tư;.... Dự án hiện đại hóa công nghệ thông tin thông qua hợp đồng tư vấn với IBM.

Dự án hợp tác chiến lược dài hạn với Dai-ichi Life Việt Nam: Theo đó, Dai-ichi Life Việt Nam là đối tác độc quyền phân phối tất cả các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ và các quyền lợi bổ trợ ưu việt theo lựa chọn của khách hàng SHB trong thời hạn 15 năm. Tất cả các khách hàng của SHB sẽ được giới thiệu và tiếp cận những giải pháp trọn gói cả về ngân hàng và bảo hiểm thông qua hệ thống mạng lưới rộng khắp của SHB trên toàn quốc và kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam. Không những thế, khách hàng còn được trải nghiệm các lợi ích vượt trội từ nền tảng tài chính vững mạnh của SHB và những giá trị thiết thực từ các sản phẩm bảo hiểm của Dai-ichi Life Việt Nam với sự hài lòng cao nhất thông qua dịch vụ một cửa (one stop) thuận tiện. Thông qua hợp tác chiến lược này, các khách hàng của Dai-ichi Life Việt Nam cũng sẽ được giới thiệu và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng đồng bộ, tiện ích với chi phí hợp lý, chất lượng dịch vụ cao của SHB.

Và nhiều dự án khác

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Công ty con



Công ty TNHH 1 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản SHB (SHAMC)

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHAMC) được cấp phép thành lập theo quyết định số 508/2009/QĐ-NHNN, ngày 11/03/2009 và chính thức hoạt động vào ngày 5/12/2009.

Sau 9 năm đi vào hoạt động, Công ty ngày càng đóng vai trò quan trọng nhằm hỗ trợ SHB trong các hoạt động xử lý nợ, thực hiện công tác quản lý tài sản của Ngân hàng và của khách hàng an toàn, hiệu quả. SHAMC tiếp tục tập trung vào các hoạt động chính là mua bán, quản lý và khai thác tài sản xử lý nợ và hoạt động dịch vụ bảo vệ để hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh của SHB. Bên cạnh việc đáp ứng nhu cầu về xử lý nợ và quản lý tài sản của SHB, SHAMC còn cung ứng các hoạt động kinh doanh dịch vụ đối với các TCTD khác trong lĩnh vực xử lý tài sản và nợ tồn đọng theo quy định của pháp luật.

Đến nay, công ty đáp ứng được 100% nhu cầu công tác bảo vệ tại địa điểm kinh doanh của SHB trên toàn quốc, nâng tổng số địa điểm kinh doanh đã triển khai công tác bảo vệ đến 31/12/2017 là 233 mục tiêu đã được AMC tiếp quản và tổ chức triển khai lực lượng bảo vệ (53 trụ sở Chi nhánh và 179 Phòng giao dịch triển toàn quốc).

Đến cuối năm 2017, Công ty đang quản lý 44 kho hàng trên phạm vi toàn quốc. Con số này sẽ còn được mở rộng nữa trong các năm tiếp theo để phục vụ cho công tác bảo vệ, kho bãi của công ty mẹ - SHB. Từ tháng 4/2017, SHAMC đã phối hợp với Trung tâm định giá tài sản SHB triển khai nghiệp vụ tư vấn giá tài sản là BĐS có thu phí trên 36/54 Chi nhánh SHB.

Tính đến 31/12/2017, tổng số CBNV của Công ty là 671 người, tăng 28 người so với năm 2016. Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2017 của SHAMC đạt 6,9 tỷ đồng.



Ngân hàng TNHH MTV SHB Lào

Ngân hàng TNHH MTV 100% vốn tại Lào được thành lập với vốn điều lệ 50 triệu USD, trên cơ sở chuyển đổi mô hình từ SHB Chi nhánh Lào. SHB Lào hoạt động độc lập và có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng, có một đơn vị trực thuộc là chi nhánh Champasak, cung cấp các dịch vụ, sản phẩm tài chính ngân hàng, góp phần đa dạng hóa danh mục kinh doanh, hạn chế rủi ro, chủ động nâng cao khả năng phán quyết và thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ ngân hàng mẹ tại Việt Nam. SHB Lào ra đời sẽ mang tới cho SHB nhiều cơ hội trong việc khai thác, tận dụng hết tiềm năng rộng lớn và đầy hứa hẹn của thị trường Lào, thu hút đầu tư, góp phần nâng cao uy tín, vị thế của SHB trên thị trường tài chính Việt Nam, Lào và quốc tế song hành với sứ mệnh phát triển tầm nhìn, thương hiệu SHB với quốc tế, góp phần thúc đẩy quan hệ láng giềng hữu nghị giữa Việt Nam và Lào.

Sau 6 năm đi vào hoạt động, SHB Lào có 1 trụ sở và 1 chi nhánh, tổng số nhân sự là 65 người. Đến 31/12/2017, tổng tài sản đạt 1.325,3 tỉ Kíp Lào, lợi nhuận trước thuế đạt 17,1 tỷ Kíp Lào, tương đương 46,2 tỷ VNĐ.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Campuchia

Với vốn điều lệ 50 triệu USD, SHB Campuchia là ngân hàng con 100% vốn thứ 2 của SHB tại thị trường Đông Dương sau SHB Lào. SHB Campuchia hoạt động độc lập, có cơ cấu bộ máy tổ chức riêng trên nền tảng mô hình chuyển đổi từ SHB chi nhánh Campuchia.

Sau 6 hoạt động, SHB Campuchia đã tạo được nền tảng cơ sở khách hàng đa dạng bao gồm cả các doanh nghiệp Việt Nam tại Campuchia và doanh nghiệp của nước sở tại, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực kinh tế then chốt như cao su, ngành điện, cầu đường, khai thác khoáng sản. Trong thời gian tới, SHB Campuchia sẽ đẩy mạnh phát triển một cách toàn diện để khai thác hết tiềm năng và cung cấp được đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Để hoàn thành mục tiêu đó, SHB Campuchia sẽ có lộ trình tăng vốn điều lệ lên 75 triệu USD từ nay đến năm 2018. Sau khi tăng vốn, Ngân hàng sẽ có thêm tiềm lực tài chính để chủ động triển khai các hoạt động tài chính – ngân hàng theo quy định trên địa bàn, thực hiện nhiều hơn nữa các nghiệp vụ kinh doanh theo quy định cũng như theo sự ủy quyền từ Ngân hàng mẹ tại Việt Nam, mở rộng mạng lưới trên toàn lãnh thổ Campuchia, tuân thủ triệt để các quy định hiện hành về an toàn hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng của cả hai quốc gia Việt Nam và Campuchia.

Tính đến hết 31/12/2017, SHB Campuchia có 5 điểm giao dịch gồm 1 trụ sở và 4 chi nhánh, 58 cán bộ nhân viên. Tổng tài sản đạt 246 triệu đôla Mỹ, lợi nhuận trước thuế đạt 6,6 triệu đô la Mỹ, tương đương 145,7 tỷ VNĐ.



Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (SHBFC)

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội (viết tắt là Công ty tài chính tiêu dùng SHB) được thành lập ngày 12/12/2016, trên cơ sở Công ty tài chính cổ phần Vinaconex - Viettel (VVF) sáp nhập vào Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB), với số vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng.

Công ty tài chính tiêu dùng SHB (SHBFC) hoạt động trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các sản phẩm đa dạng, tiện ích trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn của người dân Việt Nam. Việc SHB nhận sáp nhập VVF là tất yếu và phù hợp, góp phần vào việc nâng cao năng lực cạnh tranh của thị trường tài chính Việt Nam trong việc tạo ra các ngân hàng có quy mô lớn tầm cỡ khu vực. Đây cũng là cơ hội tốt góp phần giúp SHB hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, ngày càng nâng cao sức cạnh tranh, vị thế ở thị trường trong nước và khu vực.

Năm 2017 Công ty đã nỗ lực xây dựng nền tảng công nghệ hiện đại tiên tiến, tập trung xây dựng mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, quy trình, quy chế, kế hoạch kinh doanh năm 2018 và các năm tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	Tăng trưởng 2017/2016
1.Quy mô				
Tổng tài sản	Tỷ đồng	240.753	286.010	18,80%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	11.197	11.197	-
Vốn tự có	Tỷ đồng	16.371	17.829	8,91%
2.Kết quả hoạt động kinh doanh				
Huy động từ TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	181.153	210.921	16,43%
Dư nợ cho vay TCKT và cá nhân	Tỷ đồng	162.376	198.291	22,12%
Tổng thu nhập	Tỷ đồng	16.255	21.005	29,22%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.156	1.925	66,49%
3. An toàn				
Tỷ lệ an toàn vốn	%	13,00	11,30	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\geq 9\%$)
Tỷ lệ nợ xấu	%	1,87	2,33	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 3\%$)
4. Thanh khoản				
Tỷ lệ dư nợ/ huy động (LDR)	%	77,19	78,05	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\leq 80\%$)
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	10,55	15,00	Đảm bảo mức quy định của NHNN ($\geq 10\%$)

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017)

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu : **1.119.689.100** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **1.119.192.914** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **60.379.323** cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: **1.059.309.777** cổ phiếu

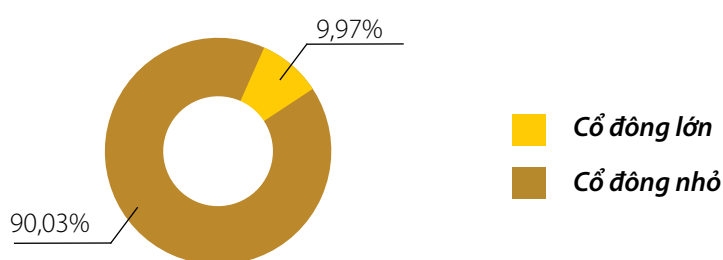
Cơ cấu cổ đông

- Theo tiêu chí Cổ đông lớn, cổ đông nhỏ

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông (%)
1	Cổ đông lớn	1	9,97%
2	Cổ đông nhỏ	31.983	90,03%
Tổng cộng:		31.984	100%

(Cổ đông lớn là cổ đông chiếm trên 5% tỷ lệ sở hữu cổ phần của Ngân hàng. Cổ đông nhỏ là các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần dưới 5%.)

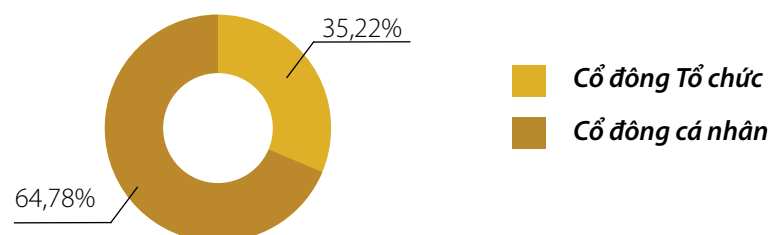
Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông lớn, nhỏ



- Theo tiêu chí Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Tổ chức	191	35,22
2	Cá nhân	31.793	64,78
Tổng cộng:		31.984	100

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

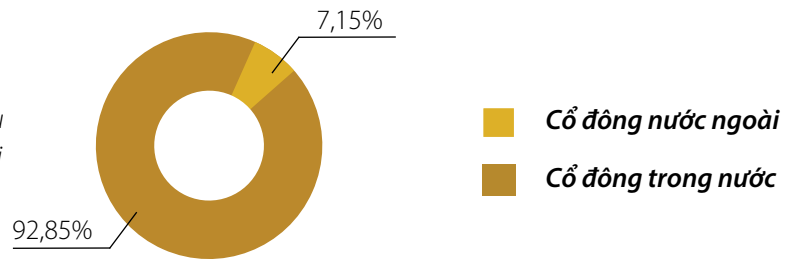


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

- Cổ đông trong nước và nước ngoài

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông trong nước	31.743	92,85
2	Cổ đông nước ngoài	241	7,15
Tổng cộng:		31.984	100

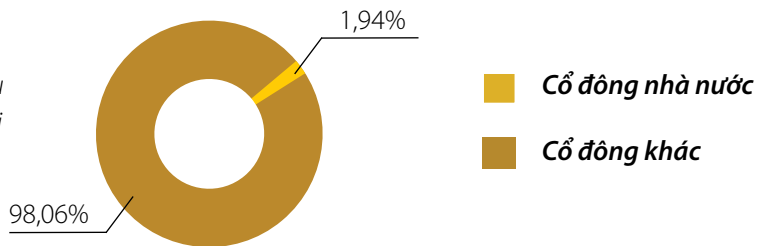
Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài



- Cổ đông nhà nước và cổ đông khác

STT	Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
1	Cổ đông nhà nước	9	1,94
2	Cổ đông khác	31.975	98,06
Tổng cộng:		31.984	100

Tỷ lệ sở hữu cổ phần theo cơ cấu cổ đông trong nước, nước ngoài



- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không
- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không
- **Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan**
 - Giao dịch của cổ đông nội bộ: Không
 - Giao dịch của người có liên quan đến cổ đông nội bộ: Em ruột của Thành viên HĐQT Trần Ngọc Linh là Trần Văn Bình bán 26.943 cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu từ 0.002% xuống còn 0%. Chủ tịch HĐQT của Tổ chức niêm yết đồng thời là Chủ tịch HĐQT của tổ chức thực hiện giao dịch là Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội mua 7.588.800 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu từ 0% lên 0,68%
 - Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
 - Các giao dịch khác: Không

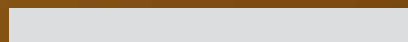


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



“

Trải qua 25 năm phát triển, SHB tự hào là một trong 5 Ngân hàng Thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, thực hiện tốt cùng lúc 2 nhiệm vụ lớn: hoạt động kinh doanh phát triển an toàn, hiệu quả, hướng tới chuẩn mực quốc tế đồng thời tích cực đi đầu triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Chính phủ và Nhà nước.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Trong 05 năm vừa qua, tốc độ tăng trưởng các chỉ tiêu chính trong hoạt động kinh doanh của SHB luôn ổn định, cao hơn so với tốc độ tăng bình quân toàn ngành, đạt từ 20% - 25%

Năm 2017, cùng với đà phục hồi của nền kinh tế và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong lĩnh vực ngân hàng, SHB vẫn tiếp tục đạt được những thành công quan trọng nhờ năng lực, quyết tâm của cả hệ thống trong và ngoài nước; sự hợp tác ủng hộ của các đối tác, khách hàng và niềm tin của các cổ đông. Các chỉ tiêu hoạt động đều tăng trưởng so với năm 2016 và hầu hết vượt kế hoạch đề ra. Tốc độ tăng trưởng nguồn vốn huy động từ khách hàng của SHB luôn ổn định qua các năm và cao hơn so với bình quân thị trường. Đến cuối năm 2017, tăng trưởng huy động vốn của khách hàng đạt 16,43% (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 15% so với cuối năm 2016). Dự nợ cho vay tổ chức kinh tế và cá nhân tăng trưởng 22,12%. Thu nhập thuần dịch vụ tăng trưởng mạnh 330,9% so với năm 2016. Mạng lưới và nhân sự tiếp tục được đầu tư, mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành. Bên cạnh việc tăng cường quy mô hoạt động, xây dựng được mạng lưới rộng lớn và kênh phân phối hiện đại, SHB luôn duy trì an toàn, thanh khoản, đáp ứng đầy đủ các quy định của NHNN; đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động. Năm 2017 cũng là năm thành công của SHB trong công tác đối ngoại, hợp tác với nhiều đối tác chiến lược, các tổ chức trong và ngoài nước.

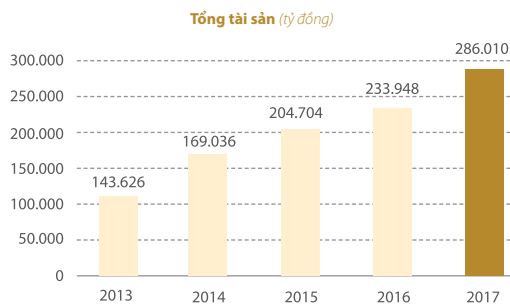
Nhờ sự đoàn kết nội bộ nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBNV, sự chỉ đạo quyết liệt từ HĐQT nhằm đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch 2017 đã được ĐHCĐ giao, SHB đã được nhiều tiến bộ vượt bậc như:

- Hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch về tài sản, dư nợ, vốn điều lệ, lợi nhuận, ...; nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị, giữ vững vị thế là một trong những NHTMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.
- Thu nhập từ dịch vụ tăng trưởng vượt bậc so với năm 2016 nhờ đa dạng hóa các sản phẩm và hợp tác chiến lược với các đối tác lớn, đưa SHB trở thành một trong những ngân hàng có tỷ trọng thu nhập dịch vụ lớn.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động, đưa tỷ lệ chi phí hoạt động so với tổng thu nhập hoạt động giảm xuống mức thấp.
- Hoàn thành kế hoạch đưa Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC) vào hoạt động.
- Mở văn phòng đại diện tại Cộng hòa Liên bang Myanmar, mở rộng sự hiện diện của SHB không chỉ tại thị trường Đông Dương mà còn vươn ra khu vực Đông Nam Á.
- Đảm bảo mức chi cổ tức cho các cổ đông lớn hơn kế hoạch đại hội cổ đông thông qua.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tài sản

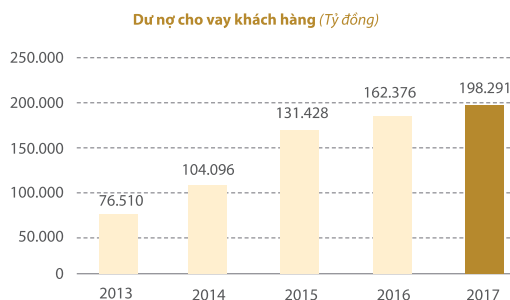
Tổng tài sản năm 2017 tăng 18,80% lên mức 286.010 tỷ đồng, tiếp tục đưa SHB vào nhóm các ngân hàng cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam. Song song với việc tăng trưởng quy mô, SHB luôn chú ý nâng cao chất lượng tài sản với tỷ trọng các tài sản được cơ cấu ở mức hợp lý, đảm bảo sinh lời cao mà vẫn an toàn, thanh khoản tốt. Tỷ lệ cho vay/huy động luôn dưới mức 78%, (quy định của NHNN dưới 80%). Tỷ lệ tài sản có sinh lời chiếm 91% tổng tài sản. Các tỷ lệ an toàn vốn và nợ xấu đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN.



Hoạt động tín dụng

Nguồn vốn huy động dồi dào, ổn định là điều kiện quan trọng để SHB giải ngân cho vay nhiều lĩnh vực trọng tâm của nền kinh tế theo định hướng của Chính phủ và NHNN.

Đến 31/12/2017, tổng dư nợ cho vay khách hàng của SHB tăng 35.914 tỷ đồng lên mức 198.291 tỷ đồng. Không chỉ đẩy mạnh doanh số cho vay, SHB tiếp tục cơ cấu lại danh mục tín dụng theo ngành, khách hàng và tập trung vào một số ngành ít rủi ro như khách hàng cá nhân có thu nhập trung bình trở lên, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các lĩnh vực ưu tiên; các tập đoàn kinh tế, các tổng công ty lớn sử dụng nhiều dịch vụ ngân hàng trong và ngoài nước.



Phát huy vai trò chủ lực là một trong 5 Ngân hàng

TMCP tư nhân có quy mô lớn nhất Việt Nam, SHB đã hưởng ứng tích cực chủ trương của Chính phủ và NHNN, tập trung tín dụng vào các ngành thuộc 3 khâu đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020, hướng dòng vốn đến các đối tượng khách hàng là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp – nông thôn, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng xuất khẩu, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao và các doanh nghiệp khởi nghiệp... Việc xây dựng các gói tín dụng với nhiều ưu đãi, hỗ trợ cho từng lĩnh vực, ngành hàng, nhóm đối tượng khách hàng mà SHB đã và đang thực hiện được xem như một hành động cụ thể hóa cam kết luôn đồng hành, chia sẻ gánh nặng tài chính với các khách hàng trên nền tảng “lấy khách hàng làm trọng tâm” mà ngân hàng đề ra.

Để đạt được kết quả như trên, trong những năm qua, SHB đã tích cực triển khai nhiều chương trình, sản phẩm tín dụng trọng điểm như: Cho vay thu mua tạm trữ thóc, gạo vụ Đông Xuân, Hè Thu của Hiệp hội lương thực Việt Nam; cho vay nuôi trồng, chế biến thủy sản, xuất khẩu; cho vay sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, phát triển ngành nghề, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Các chương trình lớn điển hình là “Đồng hành phát triển cùng doanh nghiệp lớn”, “Gói tín dụng ưu đãi Bluechip”, “Cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp”, “Cho vay kinh doanh nông sản”, “Ưu đãi lãi suất – tiếp sức thành công”, “Cho vay bình ổn thị trường”, “Ưu đãi lãi vay – Đồng hành cùng doanh nghiệp”, “Cho vay bổ sung vốn lưu động 24h”,... với những ưu đãi nổi trội như:

+ Mức lãi suất phổ biến thấp hơn từ 1,5 – 2% so với mức lãi suất cho vay thông thường và mức tài trợ lên đến 90% giá trị của phương án, dự án vay vốn.

+ Ban hành các sản phẩm tín dụng phù hợp với hoạt động sản xuất của nông dân như cho vay liên vụ, cho vay qua sổ tín dụng, xuống tận địa bàn để cho vay, thu nợ (gốc, lãi) thay vì người vay phải đến trụ sở ngân hàng; cho vay các mô hình sản xuất, xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi liên kết ứng dụng công nghệ cao, giúp người dân và doanh nghiệp rút ngắn thời gian sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí giao dịch và quản lý dòng tiền hoàn hảo,...

+ Chính sách trả nợ linh hoạt, phù hợp với dòng tiền nguồn thu của khách hàng; Cải cách các thủ tục cấp tín dụng theo hướng thuận tiện cho khách

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

hàng tiếp cận vốn, dịch vụ ngân hàng; rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục như xác nhận, công chứng,...

+ Xây dựng các chương trình “Khách hàng giới thiệu khách hàng” cho phép các khách hàng doanh nghiệp trong cùng một chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất kinh doanh được hưởng các gói chính sách tổng thể với lợi ích tối ưu và thủ tục đơn giản; xem xét cho vay các thành viên tham gia liên kết không có bảo đảm bằng tài sản nếu kiểm soát được dòng tiền của chuỗi liên kết,...

Trong mỗi chương trình, SHB không những hỗ trợ nguồn tài chính mà còn đồng hành với khách hàng từ khâu xây dựng kế hoạch, phương án kinh doanh đến cung ứng các gói sản phẩm toàn diện gồm tiền gửi, thanh toán, tài trợ thương mại, ngân hàng điện tử, chuyển tiền... trên nền tảng công nghệ hiện đại, giúp khách hàng chủ động quản lý tài chính một cách hiệu quả nhất. Đó là lý do các sản phẩm, dịch vụ của SHB được các tổ chức trong và ngoài nước đánh giá cao và nhiều năm liền trao tặng các giải thưởng như: Ngân hàng giải ngân nhanh nhất dự án tài chính nông thôn III, Ngân hàng SME tốt nhất, Ngân hàng tài trợ thương mại tốt nhất, Ngân hàng tài trợ dự án tốt nhất,...

Bên cạnh đó, tăng trưởng tín dụng mảng ngân hàng bán lẻ với nhiều sản phẩm đa dạng, cạnh tranh, phù hợp với thu nhập của nhiều đối tượng khách hàng khác nhau luôn là mục tiêu, chiến lược xuyên suốt của SHB. Các sản phẩm cho vay mua ô tô, mua bất động sản, hỗ trợ kinh doanh, thấu chi tài khoản, hỗ trợ du học, kinh doanh chứng khoán..... được phát triển mạnh với sự hợp tác, liên kết của SHB với nhiều đối tác, luôn mang tới khách hàng những giá trị vượt trội.

Chất lượng tín dụng

Phát triển quy mô nhưng luôn chú trọng về chất lượng của các khoản tín dụng tạo nên một trong những thành công của SHB khi tiếp tục quản lý tỷ lệ nợ xấu dưới mức trung bình của toàn hệ thống.

SHB đã thực hiện quản lý rủi ro trên cơ sở xác định các ngưỡng chịu rủi ro, chấp nhận rủi ro một cách chọn lọc theo định hướng phát triển. Công tác kiểm tra, giám sát từng nghiệp vụ luôn được chú trọng cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật nhằm cảnh báo, phát hiện sớm rủi ro, hạn chế tối đa phát sinh nợ xấu mới. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu

của SHB luôn kiểm soát trong giới hạn quy định của NHNN < 3%.

Hoạt động huy động vốn

Nguồn vốn huy động luôn tăng trưởng tốt nhờ sự nỗ lực của toàn hệ thống khi hầu hết các Chi nhánh SHB đều đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về huy động vốn.

Năm 2017, lãi suất trên thị trường 1 tiếp tục xu hướng khá ổn định kể từ năm 2015. Lãi suất huy động VNĐ kỳ hạn trên 12 tháng phổ biến ở mức 6,4-7,2%. Vì vậy, hoạt động huy động vốn của SHB đạt được những kết quả rất tích cực.

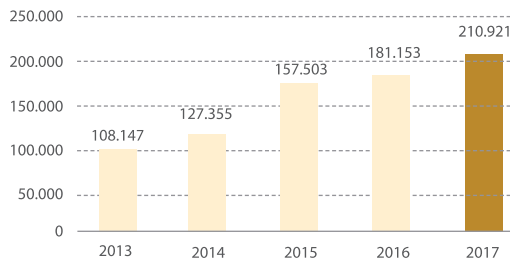
- Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng nguồn vốn huy động toàn hệ thống đạt 266.680 tỷ đồng, tăng 19,14% so với 2016.

Không chỉ đạt tốc độ tăng trưởng cao, giá trị tuyệt đối lớn, cơ cấu huy động vốn của SHB cũng cho thấy sự tăng trưởng hiệu quả, bền vững. Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư tăng 16,43% so với năm 2016 lên mức 210.921 tỷ đồng, cao hơn so với tăng trưởng bình quân toàn thị trường (bình quân toàn hệ thống TCTD tăng 15% so với cuối năm 2016). Trong đó, tỷ trọng vốn huy động bằng tiền gửi tiết kiệm của dân cư luôn chiếm tỷ trọng cao 61,4% trong tổng tiền gửi của khách hàng. Bên cạnh đó, SHB không ngừng tìm kiếm các nguồn vốn giá rẻ từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Năm 2017, nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước (gồm Ngân hàng thế giới - WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản - JICA, Ngân hàng tái thiết Đức - KfW,...) mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ là 2,16 tỷ USD với 22 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Đó là điều kiện thuận lợi và tiên quyết giúp ngân hàng có thể chủ động trong việc sử dụng vốn đồng thời ngăn ngừa rủi ro thanh khoản, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

Để đạt được kết quả như trên, SHB không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ, sản phẩm linh hoạt, hiện đại, phù hợp với mọi phân khúc khách hàng. Công tác giữ chân khách hàng cũ và mở rộng khách hàng mới được chú trọng. Trong đó, công tác tiếp thị và chăm sóc khách hàng luôn được đặt lên hàng đầu, thể hiện qua phong cách phục vụ chuyên nghiệp, tư vấn hợp lý các sản phẩm nhằm tạo niềm tin cho khách hàng gửi tiền.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Huy động vốn từ TCKT và cá nhân (tỷ đồng)



Công tác quản lý rủi ro

Luôn tuân thủ chặt chẽ mọi quy định của NHNN về các tỷ lệ an toàn hoạt động

Bộ máy SHB được thiết kế đảm bảo sự quản lý chặt chẽ theo ngành dọc, thống nhất từ các khối kinh doanh tới các đơn vị kinh doanh, từ các khối/ban hỗ trợ tại Trụ sở chính tới các phòng/bộ phận hỗ trợ tại các chi nhánh/phòng giao dịch trong hệ thống. Sự thống nhất về quản lý theo ngành dọc đảm bảo sự vận hành xuyên suốt từ các cấp lãnh đạo cao nhất tới từng đơn vị kinh doanh, hạn chế rủi ro cho ngân hàng.

Các chính sách, quy định, quy trình quản lý rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động,... được rà soát, chỉnh sửa liên tục nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động của SHB như: Số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng; Rà soát, đánh giá chặt chẽ hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp, khách hàng cá nhân và hộ kinh doanh; Phân tích các khoản nợ có vấn đề, các khoản vay tiềm ẩn rủi ro cao, gửi thông tin cảnh báo đến các đơn vị kinh doanh để có biện pháp thu hồi nợ kịp thời;

Công tác kiểm toán nội bộ liên tục được tăng cường, bao gồm cả kiểm toán toàn diện và kiểm toán theo chuyên đề với việc tập trung kiểm toán các nghiệp vụ chính như tín dụng, đầu tư, ủy thác, huy động vốn, kế toán, đồng thời duy trì triển khai kiểm toán một số nội dung mới như kiểm toán mạng lưới,... nhằm góp phần cảnh báo và phát hiện kịp thời những sai sót trong hoạt động của hệ thống, đề xuất biện pháp chỉnh sửa kịp thời và hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

Việc kiểm tra, kiểm soát và phòng chống rửa tiền, theo dõi và đôn đốc chấn chỉnh sau kiểm tra, thực hiện các kiến nghị của Cơ quan thanh tra giám sát

Ngân hàng, của Kiểm toán nội bộ tại các đơn vị luôn được SHB chú trọng và hành động kịp thời.

Ngoài những chỉ số ấn tượng về hoạt động kinh doanh, SHB luôn tuân thủ sự an toàn, bền vững với tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả của các loại đồng tiền và tỷ lệ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn luôn đảm bảo trong ngưỡng quy định của NHNN.

Hoạt động dịch vụ

Trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhiều sản phẩm dịch vụ tiện ích được triển khai nhằm gia tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ đồng thời giảm thiểu rủi ro trong hoạt động Ngân hàng.

Hoạt động thanh toán quốc tế

Với hệ thống các Ngân hàng Đại lý ở nước ngoài rộng khắp (hơn 400 đại lý tại khắp các châu lục) đảm bảo cho SHB cung cấp các dịch vụ thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại nhanh chóng, an toàn cho các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu với tỷ lệ điện thanh toán đạt chuẩn cao trên 98,5%. Ngoài ra, trở thành thành viên hiệp hội bao thanh toán quốc tế (FCI) giúp SHB cung cấp cho khách hàng dịch vụ Bao thanh toán xuất khẩu toàn diện hơn, chuyên nghiệp hơn, hỗ trợ các doanh nghiệp tiết kiệm được hạn mức tín dụng hiện có, loại bỏ rủi ro thanh toán xuất khẩu, tăng lợi thế cạnh tranh khi bán hàng theo phương thức D/A và T/T trả sau, tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc quản lý, thu hồi các khoản phải thu, từ đó giúp tăng doanh thu xuất khẩu, nâng cao uy tín trên thị trường. Cuối năm 2017, doanh số thanh toán quốc tế của SHB đạt 3,5 tỷ USD. SHB nhiều năm liền là Ngân hàng có dịch vụ Thanh toán quốc tế tốt nhất do Bank of New York Mellon (Mỹ) trao tặng.

Hoạt động thanh toán trong nước

Mô hình thanh toán tập trung đã giúp SHB tăng tính hiệu quả quản lý vốn của mình, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, đảm bảo tuyệt đối an toàn, chính xác nguồn vốn cho khách hàng. SHB cũng đã tích cực củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ Western Union, mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Hoạt động bảo lãnh

SHB đã phát triển dịch vụ bảo lãnh với nhiều hình thức như: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Bảo lãnh dự thầu, Bảo lãnh thanh toán, Bảo lãnh vay vốn, Bảo lãnh nộp thuế nhập khẩu, Bảo lãnh hoàn tạm ứng, Bảo lãnh phát hành chứng từ có giá, Bảo lãnh quốc tế, các sản phẩm dịch vụ khác với tổng doanh số bảo lãnh năm 2017 lên đến 18,2 nghìn tỷ đồng.

Sản phẩm dịch vụ mới với sự đa dạng, nhiều tiện ích, luôn đảm bảo tính cạnh tranh cao từ sự nổi bật và khác biệt trên thị trường, dựa trên nhu cầu và đặc điểm của từng phân khúc khách hàng khác nhau.

- SHB đồng hành với sự phát triển của doanh nghiệp bằng nhiều sản phẩm hiện đại như: Sản phẩm tín dụng liên kết 4 nhà trong lĩnh vực xây dựng, bất động sản, vật liệu xây dựng; Triển khai các sản phẩm cho vay lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Chương trình tài trợ trọn gói chuỗi liên kết thực hiện các Dự án trọng điểm Quốc gia; Chương trình cho vay ưu đãi “Đồng hành doanh nghiệp – Vươn tới thành công”; Chương trình cho vay USD ưu đãi đối với doanh nghiệp xuất khẩu;...

- Sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân với trọng tâm là các sản phẩm với nhiều ưu đãi cho khách hàng khi đi du lịch, mua sắm, du học,..., các sản phẩm kết hợp chăm sóc sức khỏe toàn diện. Các sản phẩm tiêu dùng được thiết kế theo hướng thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đa dạng của khách hàng như cho vay mua nhà, mua ô tô, vay tiêu dùng trả góp... Bên cạnh đó, SHB cũng đã phân lớp, định vị thành công phân khúc khách hàng cá nhân VIP trên toàn hệ thống và đã bước đầu triển khai các sản phẩm chuyên biệt, chính sách chăm sóc dành cho nhóm khách hàng này.

- Các dòng thẻ tín dụng quốc tế được tích hợp công nghệ bảo mật chip theo chuẩn EMV tiếp tục phát triển mạnh cùng với việc duy trì và phát triển các sản phẩm thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng hiện đại như thẻ Solid, The moment, Master Card, SHB Vinaphone, School Cash Card, Visa Card đồng thương hiệu SHB - Manchester City được tích hợp công nghệ bảo mật chip theo tiêu chuẩn EMV.

Bên cạnh đó, SHB đẩy mạnh khai thác các kênh giao dịch điện tử tiện ích như SHB Online, SHB Phone, SHB SMS, SHB Mobile là dịch vụ ngân hàng điện tử hiện đại ứng dụng trên trình duyệt web của máy tính, điện thoại và máy tính bảng, cho phép khách hàng giao dịch tài khoản, gửi, rút tiết kiệm,

nap tiền điện thoại, thanh toán điện, nước, truyền hình, vé máy bay ở mọi lúc, mọi nơi.

Hiện đại hóa Ngân hàng

Hệ thống công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư phát triển một cách mạnh mẽ, hiện đại nhằm hỗ trợ đắc lực cho công tác quản trị, điều hành và phát triển sản phẩm dịch vụ, luôn đáp ứng yêu cầu cao nhất về tính sẵn sàng, liên tục của hệ thống.

Hệ thống bảo mật an ninh được triển khai đồng bộ nhằm đảm bảo an toàn đối với hạ tầng CNTT và hoạt động ngân hàng. Toàn bộ các dịch vụ công nghệ thông tin đều được đặt trong các phân vùng mạng riêng biệt và được bảo vệ bởi cấp thiết bị tường lửa/IPS riêng biệt hoạt động ở chế độ Active – Active sử dụng thiết bị của các hãng cung cấp hàng đầu thế giới như Cisco, Fortinet, CheckPoint,... Nhiều năm liên tiếp, SHB vinh dự đón nhận giải thưởng “Ngân hàng Ứng dụng Công nghệ thông tin an toàn hiệu quả” do Tập đoàn Dữ liệu quốc tế IDG tổ chức hàng năm.

Hệ thống các kênh phân phối hiện đại, áp dụng công nghệ cao được SHB xây dựng với tiện ích ngày càng được bổ sung và nâng cấp, đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng qua tất cả các kênh giao dịch bao gồm ATM, POS, Internet Banking, Mobile Banking, SMS Banking, Phone Banking...

Hệ thống thông tin quản lý được xây dựng đồng bộ, đầy đủ nhằm phục vụ yêu cầu quản trị điều hành, quản lý, hỗ trợ khách hàng. Toàn bộ dữ liệu phục vụ báo cáo được xử lý tại một máy chủ riêng biệt. Dữ liệu báo cáo được đồng bộ online theo thời gian thực, đảm bảo dữ liệu báo cáo luôn kịp thời, chính xác. Hệ thống các ứng dụng được xây dựng theo hướng phục vụ khối lượng giao dịch quy mô lớn, vì vậy luôn đáp ứng sẵn sàng nhu cầu tăng trưởng quy mô hoạt động của SHB.

Các chương trình phần mềm được nâng cấp, xây dựng nhằm khai thác tối đa cơ sở dữ liệu để phục vụ hoạt động kinh doanh, quản lý các nguồn lực, quản trị rủi ro, nghiên cứu dự báo như: Dự án hiện đại hóa công nghệ các nghiệp vụ bao gồm cả các tiêu chuẩn Basel II; Phần mềm quản trị thông tin nhân sự; Hệ thống kết nối SHB với SHBS và SHS; Thẻ cào điện tử; Quay số trúng thưởng; Đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng khách hàng; Các tiện ích Thẻ; Ứng dụng QLRR Thẻ; Tiết kiệm online; Quản lý hạn mức online thẻ tín dụng; Chuyển tiền từ thiện;...

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và quản lý

Năm 2017, nhằm tối ưu hóa bộ máy, tập trung nguồn lực để phát triển kinh doanh, SHB đã tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các Khối/Phòng/Ban theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, có chiều sâu trên toàn hệ thống để phù hợp với chiến lược phát triển theo hướng Ngân hàng bán lẻ.

Hệ thống mạng lưới các chi nhánh, phòng giao dịch trong và ngoài nước liên tục được mở rộng nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh, hiện thực hóa mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Công tác mở rộng đi cùng với việc chú trọng sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức mạng lưới, tổ chức chi nhánh và phòng giao dịch tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với khả năng quản trị điều hành. Hệ thống mạng lưới tiếp tục được tái cấu trúc với việc chấm dứt hoạt động của 05 chi nhánh, đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống trong suốt quá trình chấm dứt và chuyển giao hoạt động; Mở mới 5 chi nhánh tại các tỉnh/thành phố: Hà Nam, Hà Tĩnh, Bình Định, Đắk Lắk, Tây Ninh; Hoàn thành xin phép mở mới các PGD và chi nhánh tại một số tỉnh.

Năm 2017 đánh dấu là năm nỗ lực của SHB trong việc tập trung xây dựng mô hình tổ chức, quy trình, quy chế và chính thức khai trương hoạt động Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHBFC), mở văn phòng đại diện tại Myanmar, mở rộng lộ trình phát triển quy mô và hệ thống mạng lưới vươn ra quốc tế.

Bên cạnh kênh phân phối truyền thống (chi nhánh, phòng giao dịch), các kênh phân phối hiện đại qua ngân hàng điện tử như ATM, POS, Internet/Mobile/SMS/Phone Banking... với các tiện ích ngày càng được bổ sung và nâng cấp nhằm tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho khách hàng. Đồng thời, SHB đẩy mạnh chiến lược liên kết với các công ty chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản,... nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Những cải tiến trong chính sách hoạt động

Nâng cao năng lực tài chính hướng tới các chuẩn mực quốc tế, phát triển an toàn bền vững

Hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 12.036 tỷ đồng cuối năm 2017, SHB đã tạo đà cho việc nâng cao các tỷ lệ an toàn hoạt động; hoàn thành một số kế hoạch trong lộ trình triển khai các bước hướng tới áp dụng Basel II, từng bước tiếp cận các tỷ lệ an toàn theo chuẩn quốc tế; phát triển dịch vụ đa dạng, tiện ích, tăng thu lợi nhuận đáng kể từ dịch vụ.

Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả

Trong bối cảnh hoạt động của các doanh nghiệp vẫn gặp một số khó khăn, để giải ngân tín dụng an toàn, tạo nguồn thu ổn định thông qua phát triển các sản phẩm bán lẻ cho ngân hàng, SHB đã xây dựng được nền tảng khách hàng vững chắc, đồng thời phát triển thêm các khách hàng mới có năng lực tài chính, trình độ quản lý tốt, thị trường tiêu thụ ổn định, kinh doanh hiệu quả.

Cho vay đối với các khách hàng trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, công nghiệp hỗ trợ, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ hiện đại là những đối tượng luôn được SHB khuyến khích phát triển và có tỷ trọng dư nợ cao.

Thực hiện tốt các chủ trương của Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, SHB cũng đã tích cực tham gia các chương trình tín dụng ưu tiên như: Chương trình tín dụng liên kết 4 nhà nhằm tháo gỡ khó khăn cho thị trường xây dựng, bất động sản; Chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại nhiều tỉnh, thành phố; Chương trình cho vay phát triển thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ; Cho vay tạm trữ lúa gạo; Tài trợ các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Tài trợ nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trọng điểm quốc gia;...

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động

SHB nhiều năm được vinh danh Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất thị trường bởi Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đã tiếp tục làm đầy thêm những đóng góp tích cực của SHB vào sự phát triển của thị trường chứng khoán giai đoạn 2009-2017, khẳng định sự ghi nhận của các cơ quan quản lý nhà nước đối với chất lượng quản trị và minh bạch thông tin của SHB.

Là doanh nghiệp niêm yết, SHB luôn đặt mục tiêu hoạt động minh bạch và chấp hành nghiêm túc việc công bố thông tin là một cấu phần quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp và là một trong những yếu tố then chốt quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Minh bạch thông tin giúp SHB tạo được niềm tin, sự tín nhiệm của các cổ đông, đối tác, khách hàng, là cơ sở giúp SHB vượt qua mọi thách thức, đạt được vị thế và tầm cao mới trong tương lai.

Công tác đối ngoại, hợp tác trong nước và quốc tế phát triển mạnh mẽ

Với những kết quả đạt được trong năm 2017, SHB vinh dự được đón tiếp các vị lãnh đạo cấp cao đến thăm và động viên, khích lệ tinh thần.

Tiếp nối những thành công đạt được, năm 2017, SHB tiếp tục ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện với nhiều Tập đoàn quốc tế lớn như: Câu lạc bộ bóng đá hàng đầu thế giới Manchester City, Barcelona. Hoạt động hợp tác quốc tế được đẩy mạnh nhằm quảng bá hình ảnh, gia tăng vị thế của SHB, tìm kiếm cơ hội hợp tác trong phạm vi khu vực và thế giới. Đến nay, SHB đã có quan hệ hợp tác với 400 tổ chức định chế tài chính quốc tế.

Hoạt động hợp tác trong nước, SHB tiếp tục ký kết với nhiều Doanh nghiệp, Tập đoàn, Tổng công ty thuộc lĩnh vực dầu khí, xăng dầu, điện lực, viễn thông,...khẳng định uy tín, tiềm lực mạnh mẽ, hoạt động an toàn, hiệu quả, bền vững của SHB đã thuyết phục các đối tác đặt niềm tin hợp tác lâu dài.

SHB tiếp tục được chỉ định làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA

Là một trong những ngân hàng thương mại có kinh nghiệm thực hiện sớm nhất công tác phục vụ các dự án ODA (từ năm 2004), SHB luôn được các Bộ ngành và các tổ chức quốc tế uy tín như Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng tái thiết Đức (KfW),... đánh giá cao và được chỉ định làm ngân hàng phục vụ, ngân hàng cho vay lại cho nhiều dự án ODA lớn như: Dự án "Phát triển năng lượng tái tạo", Dự án "Xây dựng khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Thái Bình Dương", "Tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa", Dự án đầu tư lưới điện truyền tải 3; Dự án lưới điện hiệu quả tại các thành phố nhỏ và vừa; Dự án "Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) lần thứ 2"; Chương trình phát triển ngành nước Việt Nam - Khoản vay 3;.....Đây là những dự án tài trợ vốn giúp doanh nghiệp đầu tư mới và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, được áp dụng lãi suất cho vay ưu đãi, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện sống và môi trường làm việc cho người lao động...;

Đến nay, tổng nguồn vốn tài trợ từ các tổ chức quốc tế và chính phủ các nước mà SHB được lựa chọn là Ngân hàng cho vay lại và Ngân hàng phục vụ lên đến 2,16 tỷ USD với 22 dự án được triển khai trên toàn hệ thống. Đặc biệt, Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) đánh giá cao và nâng hạn mức tài trợ thương mại toàn cầu (TFP) lên tới 150 triệu USD, khẳng định sự phát triển an toàn, bền vững của SHB.

Tham gia triển khai các dự án ODA, SHB nhận được nguồn vốn trung dài hạn ổn định với mức lãi suất thấp; có được 1 lượng lớn nguồn ngoại tệ duy trì KKH, chủ động trong việc xác định tỷ giá mua bán ngoại tệ; có cơ hội phát triển thêm 1 lượng lớn khách hàng. ... ngoài việc nâng cao hiệu quả kinh doanh SHB đã khẳng định được vị thế so với các ngân hàng trên thị trường, đồng thời nâng cao uy tín trong xã hội.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017, SHB xác định các mục tiêu chính của toàn hệ thống đến cuối năm 2018 như sau:

1. Tiếp tục giữ vững vị thế nằm trong Top 05 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất tại Việt Nam.
2. Tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh song song với các các phương án tăng vốn điều lệ, vốn tự có nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của SHB an toàn, hiệu quả, tuân thủ các quy định an toàn hoạt động của NHNN và tiệm cận với các quy định theo chuẩn mực quốc tế.
3. Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường, tăng trưởng thị phần trong tất cả các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng như huy động thị trường I, đảm bảo duy trì thị phần và tỷ trọng cao cơ cấu nguồn vốn ổn định; Tiếp tục đẩy mạnh công tác là Ngân hàng phục vụ các nguồn vốn ODA của các tổ chức tài chính quốc tế; Đẩy mạnh huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế là các nguồn vốn có kỳ hạn dài, chi phí hợp lý... nhằm đa dạng hóa nguồn vốn hoạt động kinh doanh; tăng trưởng thị phần tín dụng, thẻ nội địa và thẻ quốc tế và các sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ tiện ích mang tính cạnh tranh cao.
4. Tập trung ưu tiên tăng trưởng cho vay khách hàng SMEs và KHCN nhằm hướng tới mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam. Quyết liệt triển khai hoạt động kinh doanh tại Công ty Tài chính tiêu dùng SHB với những giải pháp đột phá về marketing và mở rộng mạng lưới để nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường với sứ mệnh "Cung cấp các giải pháp Tài chính tiêu dùng thông minh, dễ tiếp cận cho mọi người dân Việt" tạo đà cho việc hoàn thành mục tiêu 05 năm đầu hoạt động. Kết thúc năm 2018, SHBFC dự kiến phủ sóng tại 10 tỉnh thành trên cả nước, với quy mô nhân sự bán hàng trực tiếp lên tới 750 người, hệ thống công nghệ thông tin (LOS, LMS, Process Maker, Call Center, Data warehouse và các hệ thống phụ trợ cho kinh doanh...) hiện đại đáp ứng với quy mô tăng trưởng khách hàng mạnh mẽ những năm tiếp theo. Mục tiêu sau 05 hoạt động SHBFC đứng trong Top 03 Công ty tài chính hoạt động hiệu quả, thuận tiện và an toàn tại Việt Nam với các chỉ tiêu định lượng cụ thể: SHBFC đứng thứ 3 quy mô dư nợ cho vay tiêu dùng tiền mặt lớn nhất thị trường, giá trị doanh nghiệp tăng tối thiểu 4 lần và chỉ số ROE đạt trên 45%, hệ thống mạng lưới mở rộng tại 63 tỉnh thành trên cả nước.
5. Đẩy mạnh phát triển các dịch vụ ngân hàng hiện đại trong đó có các sản phẩm phái sinh, các sản phẩm tài chính tiên tiến, các sản phẩm dịch vụ ngân hàng phù hợp với nhu cầu thị trường và cạnh tranh. Tăng cường thu hút dòng tiền quay về từ các phương án kinh doanh được tài trợ vốn của SHB.
6. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ bảo hiểm thông qua hợp tác Bancassurance (phân phối bảo hiểm qua ngân hàng) trên cơ sở hợp đồng đối tác độc quyền phát triển bảo hiểm nhân thọ cho tập đoàn bảo hiểm nước ngoài có uy tín nhằm tăng nguồn thu dịch vụ và đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của SHB.
7. Thực hiện đẩy mạnh tăng nguồn thu dịch vụ ngân hàng nhằm thực hiện mục tiêu thu nhập từ dịch vụ chiếm khoảng 20% tổng thu nhập thuần từ hoạt động kinh doanh.
8. Đẩy mạnh cơ cấu lại danh mục tín dụng, nâng cao chất lượng tài sản nhằm tăng hiệu quả sinh lời; hạn chế đối với các khoản cho vay trung dài hạn, cho vay những nhóm ngành hàng có mức độ rủi ro cao và không có hiệu quả.
9. Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đi đôi với công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ nhằm phát huy tối đa hoạt động của các đơn vị mạng lưới CN/PGD.
10. Tập trung quyết liệt, triển khai đồng bộ thực hiện các Hợp đồng Hợp tác chiến lược đã ký với các Tập đoàn Kinh tế lớn như: Tập đoàn Điện lực, Tập đoàn Cao su, Tập đoàn Trường Hải... và tiếp tục mở rộng ký kết các Hợp đồng hợp tác chiến lược mới với các Tổ chức, Tập đoàn Kinh tế lớn trong và ngoài nước.
11. Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị điều hành, cải cách, đổi mới công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao.
12. Nâng cao công tác quản trị rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro từng nghiệp vụ kinh doanh nhằm nâng cao khả năng cảnh báo phát hiện sớm rủi ro đối với các hoạt động của SHB.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

13. Tăng cường quản lý, giám sát đơn đốc thu hồi nợ xấu, nợ có vấn đề, thiết lập quy trình quản lý nợ chặt chẽ đi đôi với chỉ tiêu kinh doanh, nhằm đảm bảo hoạt động tăng trưởng tín dụng đi đôi với chất lượng tín dụng.
14. Tiếp tục đầu tư hiện đại hóa công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành, cải cách, đổi mới công tác phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo lực lượng lao động có trình độ chuyên môn cao; Hạn chế rủi ro, đồng thời phát triển nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đồng bộ, tiện ích và cạnh tranh, nâng cao năng suất lao động của nhân viên.
15. Tập trung đẩy mạnh công tác là Ngân hàng phục vụ các nguồn vốn ODA của các tổ chức tài chính quốc tế; Đẩy mạnh huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước và quốc tế cùng đặc biệt nguồn vốn có kỳ hạn dài, chi phí hợp lý.
16. Đẩy mạnh công tác truyền thông, quan hệ quốc tế nhằm quảng bá thương hiệu và nâng cao vị thế của SHB trên thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.
17. Đẩy mạnh hoạt động của Đảng bộ, Đoàn thanh niên, Công đoàn nhằm giáo dục đạo đức tư tưởng, nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động, giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB, từ đó, tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản dự kiến thực hiện đến cuối năm 2018

DVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Tăng trưởng so với 2017 (%)
1	Tổng tài sản	315.494	10,31%
2	Vốn điều lệ (*)	13.240	18,25%
3	Huy động từ TCKT và cá nhân	250.617	18,82%
4	Số dư cấp tín dụng (**)	223.822	15,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.050	
6	Tỷ lệ nợ xấu (%)	<3%	
7	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	10% VĐL	
8	Tỷ lệ an toàn vốn	>9%	
9	Tỷ lệ dư nợ trên nguồn vốn huy động (LDR)	<80%	
10	Tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	<45%	
11	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	>10%	
12	ROA	0,6% - 0,8%	
13	ROE	10,5% - 11,5%	

(*): Số tăng trưởng vốn điều lệ năm 2018 là 18,25% đã bao gồm tăng vốn điều lệ từ chia cổ tức năm 2016 được NHNN phê duyệt vào quý 1/2018.

(**): Tăng trưởng cấp tín dụng theo công văn phê duyệt tín dụng của NHNN cho SHB năm 2018

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Các chỉ tiêu khác:

- *Phát triển mạng lưới:*

- + Hoàn thành khai trương 05 chi nhánh SHB (Sơn La, Vĩnh Long, Nam Định, Bình Thuận, Hải Dương);
- + Mở mới 20 PGD của các Chi nhánh SHB chưa có đủ số lượng PGD quản lý theo quy định của NHNN.
- + Mở mới các văn phòng đại diện, các kiosk bán hàng của SHBFC tại 10 tỉnh thành trong cả nước.

- *Thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát:* 24.6 tỷ đồng (tương đương với 1,5% lợi nhuận sau thuế năm 2018)

- *Quỹ lương:* 1.820 tỷ đồng, tăng 34% so với 2017 do số lượng nhân dự kiến tăng thêm theo kế hoạch phát triển mạng lưới chi nhánh, PGD và hoạt động kinh doanh của SHBFC.

TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, SHB đã đẩy mạnh các biện pháp giảm phát thải nhà kính bên cạnh chính sách tín dụng xanh, hướng dòng vốn phục vụ cho các dự án, công trình “xanh” như năng lượng gió, năng lượng mặt trời, thủy điện, nhiệt điện,.. nhằm thúc đẩy ý thức bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp. Hoạt động đào tạo, tuyên truyền được chú trọng nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ nhân viên về hoạt động tín dụng xanh, nâng cao ý thức sử dụng hiệu quả, tiết kiệm năng lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

SHB cũng luôn ý thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của cộng đồng. Tổng số tiền SHB đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua hàng trăm tỷ đồng, chưa tính đến các chương trình đóng góp từ ngày lương, ngày công lao động với các chương trình ủng hộ Quỹ, đồng bào lũ lụt, thiên tai, hộ nghèo, gia đình chính sách các địa bàn trong cả nước.

Trong tương lai, SHB sẽ tiếp tục gắn bó với công tác an sinh xã hội, tham gia đóng góp vào sự phát triển cộng đồng với tư cách là một doanh nghiệp lớn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG



“

Phát huy các thế mạnh sẵn có, quyết tâm thực hiện các mục tiêu nhằm đưa SHB phát triển bền vững, gia tăng hiệu quả, vị thế trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của ngân hàng

Tiếp nối những thành công đạt được, đúc rút kinh nghiệm các mặt còn hạn chế, Hội đồng quản trị xây dựng định hướng chính sách phù hợp với các giải pháp thực thi quyết liệt. Nhờ đó, hoạt động kinh doanh của SHB đã có bước tăng trưởng nhanh, bền vững, an toàn và đạt được những kết quả tốt trong năm 2017.

- Phù hợp với mục tiêu chiến lược đã đề ra.
- Hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Quyết liệt xử lý, thu hồi nợ xấu giúp ngân hàng kiểm soát tỷ lệ nợ xấu trong giới hạn quy định của NHNN.
- Nguồn vốn huy động đặc biệt là huy động vốn thị trường 1 tăng trưởng mạnh giúp đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Tham gia tài trợ vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động tại nhiều tỉnh, thành trong cả nước và ở nước ngoài.
- Quản trị hợp lý chi phí hoạt động góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Tái cấu trúc thành công tổ chức bộ máy và hoàn thiện chức năng nhiệm vụ của các Phòng/Ban/Trung tâm, Chi nhánh, Phòng giao dịch theo định hướng phát triển kinh doanh của Hội đồng quản trị.
- Công tác tái cấu trúc các doanh nghiệp sau khi nhận sáp nhập ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội đến nay đều hoạt động ổn định, kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho hàng ngàn lao động, là cơ sở hình thành nguồn vốn trả nợ cho SHB.
- Chính thức đưa vào hoạt động Công ty tài chính TNHH MTV SHB (SHB FC), tiến gần hơn tới hiện thực hóa chiến lược trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam.
- Đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông vượt kế hoạch Đại hội cổ đông thông qua.
- Thực hiện tốt trách nhiệm về môi trường và xã hội, trong đó phát triển tín dụng xanh tuân theo các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên; chia sẻ với cộng đồng qua các chương trình để ơn đáp nghĩa với người có công với cách mạng, ủng hộ người nghèo, đồng bào thiên tai lũ lụt để chia sẻ bớt những gánh nặng, khó khăn của cộng đồng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Năm 2017 là một năm tiếp tục có những điểm sáng trong hoạt động kinh doanh của SHB. Có được những thành công ấy trong bối cảnh cạnh tranh giữa các ngân hàng ngày càng khốc liệt, Hội đồng quản trị SHB đã luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, HĐQT thông qua.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình với tinh thần trách nhiệm cao, điều hành hoạt động linh hoạt và chỉ đạo sát sao các đơn vị, có những giải pháp, đề xuất kịp thời lên HĐQT giúp đảm bảo mọi hoạt động tại từng đơn vị trong toàn hệ thống được kiểm tra, kiểm soát đầy đủ, kịp thời, an toàn, hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với mục tiêu đưa SHB trở thành Ngân hàng bán lẻ hiện đại đa năng hàng đầu tại Việt Nam và Tập đoàn tài chính mạnh theo chuẩn quốc tế đến năm 2020, Hội đồng quản trị luôn xác định chiến lược phù hợp trong từng giai đoạn có định hướng lâu dài với chiến lược cạnh tranh, luôn tạo sự khác biệt trên cơ sở định hướng tới năm 2020 như sau:

- *Tiếp tục giữ vững vị thế nằm trong top 05 ngân hàng TMCP tư nhân lớn nhất Việt Nam.*

Đẩy mạnh phát triển hoạt động kinh doanh nhằm chiếm lĩnh thị trường; Tăng trưởng thị phần trong tất cả các hoạt động kinh doanh chính của ngân hàng như huy động thị trường I, tín dụng và các sản phẩm dịch vụ tiện ích mang tính cạnh tranh cao; Nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nhằm đa dạng hóa các kênh sinh lời cho ngân hàng; Tăng trưởng doanh thu từ dịch vụ, phần đầu đạt 35-40% thu nhập thuần; Quản lý chi phí hiệu quả; Nâng cao năng lực tài chính, phát triển an toàn, bền vững theo các chuẩn mực quốc tế.

- *Luôn luôn nghiên cứu đổi mới, sáng tạo tiến tiến trong các hoạt động, các nghiệp vụ trên toàn hệ thống*
- *Phát triển và cơ cấu lại mạng lưới hoạt động*
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới hoạt động kinh doanh, đi đôi với công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ, nhằm phát huy tối đa hoạt động của các đơn vị mạng lưới. Hoàn thành thủ tục cấp phép và khai trương các Chi nhánh, PGD được NHNN phê duyệt; Triển khai kế hoạch hoạt động kinh doanh Công ty tài chính tiêu dùng SHB.

- *Hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách*

Thường xuyên hoàn thiện hệ thống thể chế, quy chế, chính sách phù hợp với quy định của pháp luật, tình hình hoạt động thực tế của ngân hàng.

- *Nâng cao năng lực quản trị*

Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; Luôn theo sát diễn biến của thị trường trong và ngoài nước nhằm điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp trong từng giai đoạn và mang tính chất lâu dài; Đề ra định hướng kinh doanh với các giải pháp linh hoạt đem đến sự phát triển ổn định, bền vững.

- *Chú trọng đầu tư hiện đại hóa công nghệ thông tin có tầm chiến lược dài hạn, nhanh chóng tiếp cận theo khu vực và thế giới*
- *Định hướng thúc đẩy phát triển công ty tài chính SHBFC cho vay tiêu dùng với công nghệ sản phẩm hiện đại đáp ứng nhu cầu thị trường, đóng góp vào chiến lược phát triển SHB.*
- *Tăng cường quản trị rủi ro*

Từng bước xây dựng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp theo Basel II; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu thức nhận diện và đánh giá rủi ro làm cơ sở phát hiện và hạn chế rủi ro; kiện toàn hệ thống bộ máy quản trị rủi ro của ngân hàng đồng thời khẩn trương triển khai các giải pháp quản trị rủi ro và phòng chống rửa tiền theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước phù hợp với các quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

- *Đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ*

Đẩy mạnh công tác phát triển

sản phẩm, dịch vụ hiện đại; tăng cường nghiên cứu, đánh giá tác động của thị trường tới các sản phẩm hiện có của SHB; khảo sát, đánh giá nhu cầu của khách hàng để phát triển các sản phẩm, dịch vụ đặc trưng, hiện đại mang tính cạnh tranh cao.

- *Tích cực xử lý nợ xấu*

Thúc đẩy nhanh quá trình giải quyết dứt điểm các khoản nợ xấu; trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro theo quy định; đảm bảo duy trì tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn dưới 3%.

- *Thu hút, đào tạo nhân lực chất lượng cao*

Hoàn thiện chính sách nhân sự công bằng, môi trường lành mạnh; Chú trọng công tác đào tạo trong nước và nước ngoài, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với cấp quản lý từ trưởng/phó phòng trở lên; Thường xuyên cập nhật, đào tạo nghiệp vụ đối với toàn thể CBNV với chủ trương mỗi CBNV là một giảng viên kiêm chức hướng dẫn, đào tạo cho đồng nghiệp và CBNV khác trong phạm vi công việc, lĩnh vực hoạt động của mình; chú trọng tuyển dụng, đào tạo các cán bộ trẻ có năng lực.

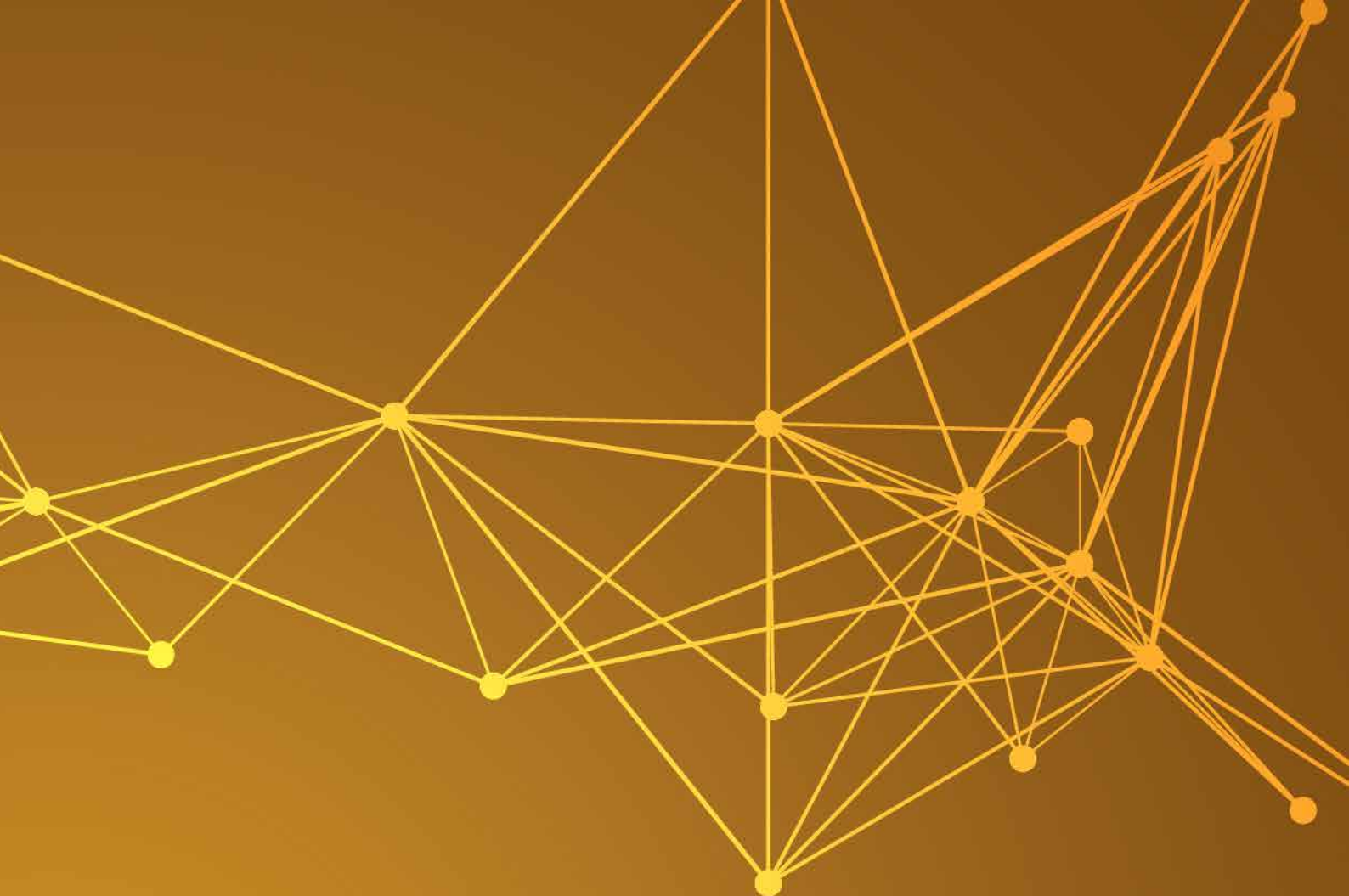
- *Văn hóa doanh nghiệp là cốt lõi*

Giữ gìn và phát triển văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc truyền thống SHB; nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó của người lao động tạo ra sức mạnh tập thể đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngân hàng.

- *Phát triển hội nhập, hợp tác quốc tế, tiếp cận học hỏi các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến trên thế giới, nâng cao uy tín thương hiệu, vị thế SHB trong và ngoài nước.*

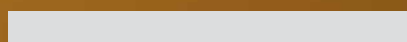


**QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG**



“

Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SHB

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	2,742%
2	Ông Võ Đức Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT	0,004%
3	Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên HĐQT	0,226%
4	Ông Trần Ngọc Linh	Thành viên HĐQT	0,198%
5	Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên HĐQT	-
6	Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT	-
7	Ông Thái Quốc Minh	Thành viên HĐQT độc lập	-

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các Ủy ban và Hội đồng nghiệp vụ là cơ quan được HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp của HĐQT, gồm:

- + Ủy ban Nhân sự
- + Ủy ban Quản lý rủi ro
- + Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có (ALCO)
- + Hội đồng Tín dụng
- + Hội đồng Đầu tư
- + Hội đồng Quản lý và xử lý nợ có vấn đề

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị luôn theo sát mọi diễn biến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; đôn đốc, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các chủ trương, chính sách đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua.

Các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị cũng thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban nhằm đảm bảo cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị đầy đủ và toàn diện nhất về tình hình hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Ủy ban Nhân sự

Ủy ban Nhân sự được tổ chức và hoạt động nhằm thực thi một số chức năng về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân quyền thực hiện.

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến vấn đề nhân sự; các vấn đề trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác với người điều hành, cán bộ, nhân viên Ngân hàng.

Triển khai công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các quy trình, quy chế trong công tác nhân sự. Trên cơ sở đó, tham mưu cho HĐQT sửa đổi các quy định hiện hành và ban hành các quy định mới phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược phát triển của SHB.

Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro là cơ quan được thiết lập nhằm thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của Ngân hàng.

Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy chế, quy định, chính sách liên quan đến quản trị rủi ro.

Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và đề xuất các biện pháp phòng ngừa đối với những rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình,

chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Có

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới công tác hoạch định chiến lược, chính sách quản trị rủi ro đối với hạng mục Tài sản Nợ - Có.

Chỉ đạo các đơn vị kinh doanh của SHB điều hành kinh doanh theo chiến lược, chính sách đã xác định để tạo lập hợp lý các hạng mục tài sản nợ - tài sản có trong bảng cân đối kế toán của ngân hàng nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Ngân hàng và cổ đông trong dài hạn.

Hội đồng Tín dụng

Là cơ quan thực hiện một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới chính sách tín dụng.

Tham mưu cho HĐQT định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo mặt hàng, lĩnh vực, ngành nghề, địa bàn kinh doanh.

Phê duyệt chính sách tín dụng gồm lãi suất, phí, các điều kiện tín dụng, các biện pháp phòng ngừa rủi ro tín dụng đối với từng đối tượng khách hàng và nhóm khách hàng có liên quan.

Phê duyệt các khoản tín dụng vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc như các khoản tín dụng vượt trên 10% vốn tự có của SHB và các khoản vay vượt giới hạn tín dụng.

Hội đồng Đầu tư

Là cơ quan thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân quyền liên quan tới hoạt động đầu tư

Tổ chức thẩm định phương án, dự án đầu tư và triển khai hoạt động đầu tư thuộc các lĩnh vực được phép để tăng doanh thu và lợi nhuận cho SHB

Hội đồng Quản lý và Xử lý nợ có vấn đề

Là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực hiện xử lý các khoản nợ có vấn đề

Xây dựng chiến lược, biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro nợ quá hạn, nợ xấu nhằm đạt được các mục tiêu an toàn, hiệu quả hoạt động ngân hàng

Chỉ đạo, phê duyệt các biện pháp xử lý nợ, phòng ngừa xử lý nợ có vấn đề trong toàn hệ thống SHB.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng Ban	0,007%
2	Bà Nguyễn Thị Hoạt	Phó Trưởng Ban	-
3	Bà Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	-
4	Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên	-
5	Bà Phạm Thị Bích Hồng	Thành viên	-

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông

• **Một số hoạt động chính năm 2017 của Ban Kiểm soát như sau:**

1. Giám sát đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành hệ thống SHB

2. Ban hành Quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; xem xét lại Quy định nội bộ của BKS

Năm 2017 Ban Kiểm soát đã thực hiện xây dựng cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022; Chỉ đạo trực tiếp Khối KTNB, tham mưu HĐQT, BKS rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ của Bộ phận KTNB SHB.

3. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ của Ban Kiểm soát :

Thông qua Khối Kiểm toán nội bộ (KTNB) trực thuộc BKS với hệ thống các phòng KTNB tại các ĐVKD, công tác kiểm toán, kiểm soát của BKS đã được thực hiện một cách độc lập, thường xuyên, toàn diện các hoạt động tại từng ĐVKD.

BKS theo dõi thường xuyên hoạt động của Khối KTNB, chỉ đạo kịp thời, soát xét nội dung các văn bản, báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu, nội dung đối với từng công việc liên quan; chỉ đạo thực hiện công tác kiểm toán nội bộ trực tiếp (tại chỗ), đạt 142% Kế hoạch năm 2017; thực hiện

công tác xử lý các sai sót được phát hiện qua quá trình kiểm toán, chấn chỉnh sau thanh tra, kiểm toán; thực hiện công tác giám sát từ xa các chỉ tiêu an toàn hoạt động ngân hàng theo quy định của NHNN; phối hợp xây dựng các phương pháp, biện pháp, kỹ thuật, công cụ giám sát; thực hiện giám sát các chỉ tiêu nội bộ của SHB; chỉ đạo Khối KTNB tham gia công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (TTGSNH) – NHNN, các Báo cáo định kỳ của Khối KTNB theo quy định:

Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán; Báo cáo kết quả chấn chỉnh sau kiểm toán của các ĐVKD; Báo cáo kết quả giám sát hoạt động cho vay toàn hàng, tổng hợp kết quả phản hồi cảnh báo giám sát tín dụng các tháng.

4. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính (BCTC) hợp nhất 06 tháng đầu năm và hàng năm của SHB (theo quy định tại Khoản 4, Điều 59 Điều lệ SHB):

5. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB (theo quy định tại Khoản 5, Điều 59 Điều lệ SHB): đảm bảo có sự thống nhất của TGD và HĐQT.

6. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện vi phạm của người quản lý ngân hàng (theo quy định tại Khoản 6, Điều 59 Điều lệ SHB):

7. Lập danh sách cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB,

BAN KIỂM SOÁT

phối hợp với Văn phòng HĐQT lập, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này (theo quy định tại Khoản 7, Điều 59 Điều lệ SHB):

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác của BKS:

- Tham gia ý kiến đối với dự thảo (DT) Thông tư thay thế Thông tư 44/2011/TT-NHNN ngày

Thông qua 5 cuộc họp thực hiện trong năm 2017, hoạt động động của Ban kiểm soát đã đạt được những kết quả như sau:

Họp BKS ngày 7/02/2017

Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý IV/2016: Căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý IV/2016 nêu tại Biên bản họp BKS Quý III/2016 số 80/BB-BKS ngày 06/10/2016, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc, thực hiện trong Quý IV/2016.

- b) Đã đề ra Phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý I/2017.
- c) Kết quả: Tất cả các thành phần tham dự thống nhất 100% đối với các nội dung ghi nhận tại Biên bản cuộc họp.

Họp BKS ngày 19/4/2017

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý I/2017: Căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý I/2017 nêu tại Biên bản họp BKS Quý IV/2016 số 07/2017/BB-BKS ngày 07/02/2017, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc, thực hiện trong Quý I/2017.
- b) Đề ra Phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý II/2017.
- c) Kết quả: Tất cả các thành phần tham dự thống nhất 100% đối với các nội dung ghi nhận tại Biên bản cuộc họp.

Họp Ban kiểm soát ngày 24/4/2017

- a) Bầu danh sách nhân sự BKS nhiệm kỳ 2017-2022
- b) Kết quả: Tất cả các thành phần tham dự thống nhất 100% đối với các nội dung ghi nhận tại Biên bản cuộc họp.

Họp Ban kiểm soát ngày 27/7/2017

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý II/2017: Căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý II/2017 nêu tại Biên bản họp BKS Quý I/2017 số 40/2017/BB-BKS ngày 19/4/2017, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc, thực hiện trong Quý II/2017.
- b) Đề ra Phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý III/2017.
- c) Kết quả: Tất cả các thành phần tham dự thống nhất 100% đối với các nội dung ghi nhận tại Biên bản cuộc họp.

Họp Ban kiểm soát ngày 24/10/2017

- a) Đánh giá kết quả những công việc BKS đã thực hiện trong Quý III/2017: Căn cứ Phương hướng công tác BKS Quý III/2017 nêu tại Biên bản họp BKS Quý II/2017 số 64.A/2017/BB-BKS ngày 27/7/2017, BKS đã kiểm điểm và đánh giá những công việc, thực hiện trong Quý III/2017.
- b) Đề ra Phương hướng, nhiệm vụ công tác của BKS trong Quý IV/2017.
- c) Kết quả: Tất cả các thành phần tham dự thống nhất 100% đối với các nội dung ghi nhận tại Biên bản cuộc họp.

Đánh giá chung, hoạt động của BKS SHB trong năm 2017 đã bám sát vào chức năng, nhiệm vụ của BKS theo quy định của pháp luật, của Điều lệ và các quy định nội bộ của SHB; đã hoàn thành Kế hoạch và Phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS đề ra trong năm và trong từng Quý; thực hiện các công tác khác theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của TGD.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Chi thù lao HĐQT và BKS đạt 14,5 tỷ đồng, đạt 74,36% kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua. Như vậy, trong năm 2017, SHB chưa sử dụng hết kế hoạch thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê duyệt.

Chi thù lao Ban Tổng Giám đốc đạt 17,2 tỷ đồng

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Em ruột của Thành viên HĐQT Trần Ngọc Linh là Trần Văn Bình bán 26.943 cổ phiếu, giảm tỷ lệ sở hữu từ 0.002% xuống còn 0%. Chủ tịch HĐQT của Tổ chức niêm yết đồng thời là Chủ tịch HĐQT của tổ chức thực hiện giao dịch là Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội mua 7.588.800 cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu từ 0% lên 0,68%

Thực hiện các quy định về quản trị công ty

Được thành lập từ năm 1993, trải qua 25 năm hoạt động, SHB đã thực hiện và dần hoàn thiện hoạt động quản trị công ty của ngân hàng, tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC ban hành ngày 26/07/2012 và đảm bảo hoạt động ngân hàng hiệu quả, an toàn. Cụ thể:

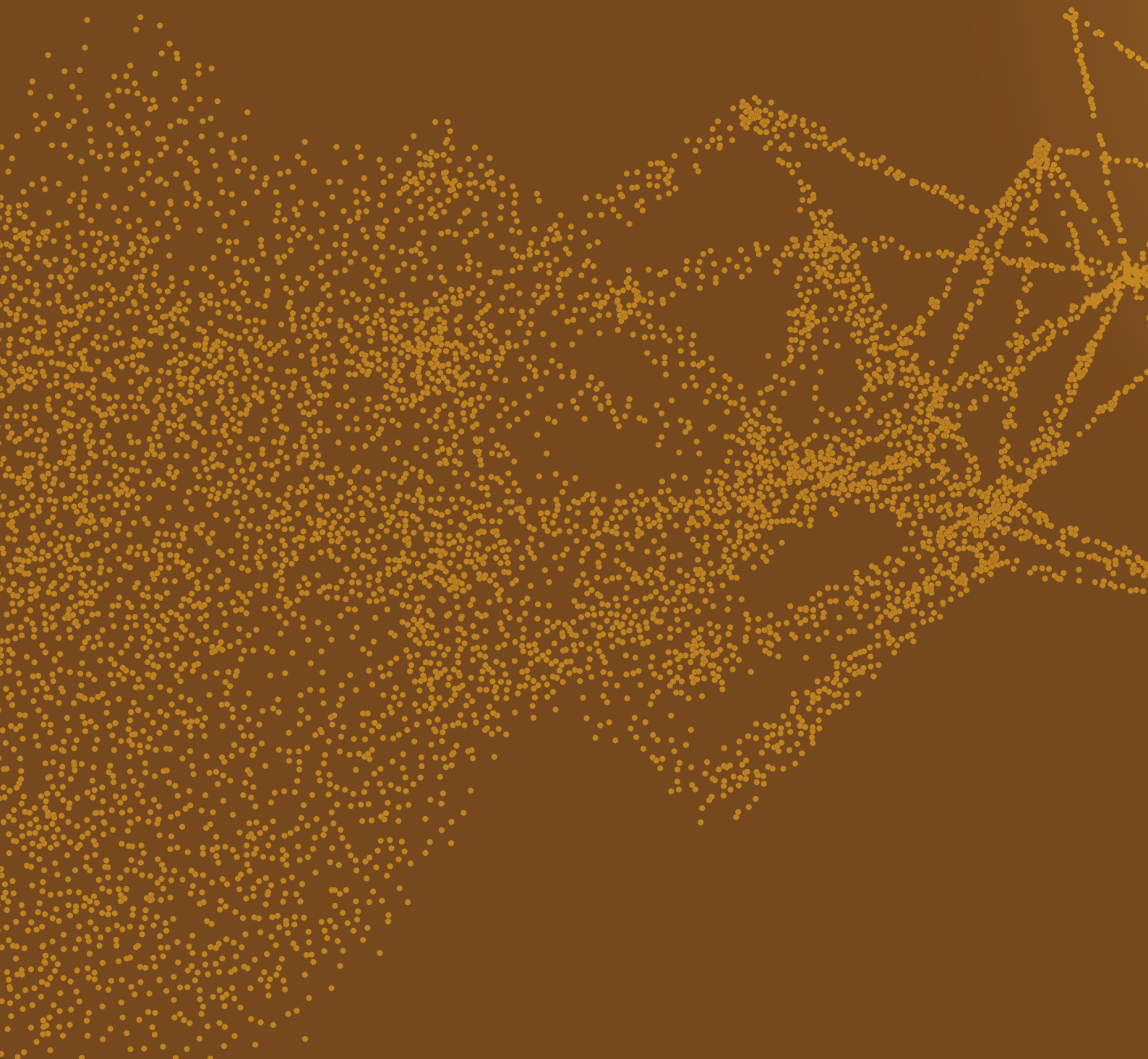
20

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Ngân hàng đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Điều lệ ngân hàng đã được chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 121/2012/TT-BTC.
- Tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên theo đúng quy định. Công bố đầy đủ tài liệu họp trên website làm cơ sở để cổ đông thảo luận và biểu quyết thông qua tại đại hội. Tổ chức Đại hội cổ đông chu đáo, tích cực, thể hiện uy tín của ngân hàng.
- HĐQT và BKS có báo cáo đầy đủ tại Đại hội đồng cổ đông.
- Việc ứng cử, đề cử, thành phần, tiêu chuẩn của thành viên HĐQT, BKS đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư 121/2012/TT-BTC. HĐQT và BKS hoạt động đúng trách nhiệm và nghĩa vụ.
- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, cán bộ quản lý khác công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
- Ngân hàng tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo và công bố thông tin và được đánh giá là một trong những doanh nghiệp minh bạch nhất trên thị trường.

18

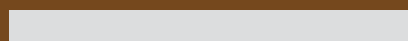
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





“

Với những nền tảng được đầu tư vững chắc, SHB đang hội tụ đầy đủ các yếu tố cần thiết cho việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược, đem lại lợi ích lâu bền cho khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm với cộng đồng - xã hội luôn là yếu tố gắn kết chặt chẽ song hành với hoạt động kinh doanh của SHB trên chặng đường 25 năm xây dựng và phát triển. Đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng SHB luôn hướng tới và thực hiện tốt với lòng nhiệt thành, sự sẻ chia và thấu hiểu cộng đồng sâu sắc. Với vai trò, vị thế Top 5 Ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, SHB đã - đang và sẽ tiếp tục nỗ lực mang lại những giá trị tốt đẹp nhất cho cộng đồng - xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, an sinh xã hội đất nước.

Năm 2017, đánh dấu bước phát triển vượt bậc của SHB trong hoạt động kinh doanh cũng như những đóng góp thiết thực cho cộng đồng, xã hội với tổng số tiền đã tham gia ủng hộ cho công tác an sinh xã hội trong giai đoạn 5 năm qua lên tới hàng trăm tỷ đồng.



Xóa đói giảm nghèo

- Chia sẻ với những khó khăn trong cuộc sống với bà con nghèo, mong muốn mang lại một cái Tết đủ đầy, tươi vui, ấm áp và tràn đầy tình yêu thương, SHB hỗ trợ hàng tỷ đồng cho Quỹ vì người nghèo, Quỹ vì bệnh nhân nghèo; trao tặng hàng trăm phần quà cho các hộ gia đình, bà con nghèo có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng chính sách và trẻ em tại Ba Vì - Hà Nội, Hà Tĩnh, Bình Định, Đắk Lắk,... và các nạn nhân chất độc màu da cam dioxin trong chương trình "Đêm doanh nghiệp 2017".
- Chia sẻ với những khó khăn trong cuộc sống với bà con nghèo, người thiếu may mắn, SHB ủng hộ hàng tỷ đồng để tổ chức đêm giao lưu và Ủng hộ Quỹ Vì người nghèo của MTTQ Việt Nam nhân tháng cao điểm "Vì người nghèo".
- Hỗ trợ kinh phí xây dựng khu điều trị cho bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ thuộc Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn - Bình Định nhằm thể hiện sự quan tâm của SHB đối với công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân tỉnh Bình Định, đặc biệt là các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh.
- Tài trợ chương trình Chia sẻ yêu thương do Truyền hình Công an nhân dân (ANTV) thực hiện nhằm chia sẻ và chung tay giúp đỡ các em nhỏ và đồng bào khó khăn tại tỉnh Lạng Sơn.
- Phát huy tinh thần nhân văn vốn đã trở thành nét văn hóa truyền thống của SHB, CBNV ngân hàng đã quyên góp và trích ngân sách mua chăn, áo ấm tặng bà con nghèo, mua cặp sách, sách vở cho trẻ em nghèo xã Hưng Thịnh, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng trong chương trình "Áo ấm mùa đông" do công đoàn SHB phát động.
- Với chương trình ủng hộ biển đảo tổ quốc, SHB đã thăm và tài trợ kinh phí mua tàu chi viện Trường Sa; Ủng hộ vận động chương trình "Vì Trường Sa thân yêu"; Ủng hộ ngư dân Quảng Ngãi chương trình "Tiếp sức ngư dân vươn khơi bám biển".



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Đồng hành cùng người nghèo, hỗ trợ phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, SHB đã cùng một số ngân hàng thực hiện các dự án trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên với số tiền khoảng 15.000 tỷ đồng để hỗ trợ đầu tư thủy điện, giao thông, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, giúp Tây Nguyên phát triển từng ngày”.

Tri ân gia đình có công với cách mạng

- Nhằm thể hiện lòng tri ân của tập thể cán bộ nhân viên SHB đối với các thế hệ người có công với cách mạng, SHB đã ủng hộ hàng tỷ đồng chương trình “Tri ân người có công với cách mạng vùng Tây Bắc”; Ủng hộ, đóng góp kinh phí xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với Cách mạng do UBND Thành phố Hà Nội phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức.
- SHB tham gia ủng hộ Hội chiến sĩ Thành cổ Quảng Trị năm 1972, Hội cựu chiến binh bộ tư lệnh 719 với số tiền hàng tỷ đồng; Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa Tỉnh Hà Nam, Tỉnh Tây Ninh và nhiều hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” ý nghĩa khác.

Đầu tư cho giáo dục và thế hệ trẻ

- Với mục đích sử dụng bóng đá như một công cụ để giải quyết các vấn đề xã hội tác động đến thanh thiếu niên như lạm dụng chất kích thích, thất nghiệp, định hướng tương lai, sự hòa nhập của người khuyết tật,... SHB phối hợp với CLB Bóng Đá Manchester City tổ chức Chương trình “Young leader” – đào tạo Nhà lãnh đạo trẻ thanh thiếu niên tại các làng trẻ SOS giúp các em có thêm niềm tin, khát khao và nghị lực sống.
- Với mong muốn nhân rộng những giá trị nhân văn sâu sắc tới cộng đồng và góp phần duy trì và phát triển một loại hình văn hóa nghệ thuật lâu đời của Việt Nam, SHB đã tài trợ dự án “Chắp cánh niềm tin” với Nhà hát Tuổi trẻ, tổ chức 100 đêm diễn kịch miễn phí dành tặng cho khán giả cả nước.
- Nhằm giúp con em của các gia đình trên địa bàn nông thôn có một ngôi trường mới khang trang, sạch đẹp, hưởng ứng phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, SHB đã hỗ trợ kinh phí xây dựng trường mầm non xã Bách Thuận, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình –
- Nhằm truyền cảm hứng khởi nghiệp cho thế hệ trẻ, SHB với vai trò là nhà tài trợ chính đã mang cơ hội được trò chuyện với vị tỷ phú hàng đầu châu Á cho hơn 3000 học sinh, sinh viên Việt Nam trong sự kiện “Đối thoại cùng Jack Ma”
- Hỗ trợ các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn tại các cơ sở bảo trợ xã hội, cô nhi viện của Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Bình, Lạng Sơn....
- Tài trợ toàn bộ ngân sách để xây dựng trường mầm non Mỹ Thuận (xã Mỹ Khánh, Phong Điền, Cần Thơ), SHB khẳng định sự quan tâm đối với thế hệ con cháu của những người có công với cách mạng và sự nghiệp giải phóng đất nước.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Khắc phục hậu quả thiên tai

- Phát huy tinh thần tương thân tương ái, SHB đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các hộ dân chịu thiệt hại nặng nề nhất trong các đợt bão lũ tại các tỉnh Thanh Hóa, Quảng Nam, Huế và Khánh Hòa.
- Chia sẻ với gia đình Nhà báo Đinh Hữu Dư - phóng viên của Thông tấn xã Việt Nam - đã hy sinh trong khi làm nhiệm vụ tuyên truyền thông tin về đợt mưa lũ đầu mùa ở cầu Ngòi Thia, TX Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái, SHB đã tặng số tiết kiệm 100 triệu đồng nhằm hỗ trợ gia đình.

Các hoạt động khác

- Ủng hộ việc gìn giữ các di sản văn hóa của dân tộc, SHB đã tài trợ và đồng hành cùng tỉnh Nam Định tổ chức thành công lễ đón bằng Unesco ghi danh “Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam Phủ của người Việt” - di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.
- Tài trợ chi phí và đồng hành cùng tỉnh Nghệ An tổ chức thành công chương trình khai mạc Lễ hội du lịch biển Cửa Lò – hoạt động có ý nghĩa lớn trong việc thúc đẩy ngành du lịch tỉnh nói riêng và Việt Nam nói chung.

Không chỉ chung tay xây dựng tổ quốc, SHB còn tích cực đóng góp cho sự phát triển cộng đồng quốc tế, góp phần thắt chặt tình hữu nghị láng giềng 3 nước Đông Dương Việt Nam – Lào – Campuchia.

- SHB thường xuyên chia sẻ, ủng hộ các quỹ người nghèo, trẻ em nghèo nước bạn Lào để góp phần tạo công ăn việc làm cho người lao động bản xứ, góp phần ổn định an sinh xã hội Lào.
- Chương trình Những tấm lòng vàng SHB Campuchia được tổ chức thường xuyên dành cho các trẻ em nghèo trên địa bàn: Tặng quà cho Trại trẻ mồ côi Lasalle Pothum, làng Pothum, xã Areyksat, huyện Lavea Em, tỉnh Kandal; Trẻ em nghèo đang được chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng dạy học; Trẻ em nghèo Trường tiểu học Prey Thom, làng Prey Thom, xã Reaksmey Samaki, huyện Aoral, tỉnh Kampong Speu.
- Ủng hộ Quỹ Phụ nữ vì Hòa bình và Phát triển Campuchia, Quỹ Mặt trận Giải phóng dân tộc, Tài trợ đội bóng đá Preah Khan Reach, Ủng hộ xây đền Pi Tho Nu tỉnh Svay Rieng, Ủng hộ xây trường học tỉnh Kampong Thom, Công đức xây chùa Phước Thiên, ấp Neak Loeung, huyện Peam Ror, tỉnh Prey Veng.

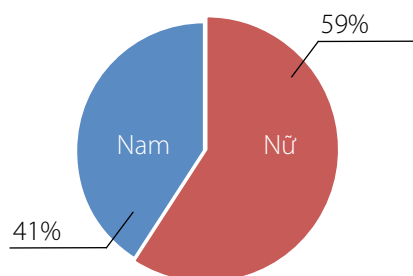
Và nhiều hoạt động khác...

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

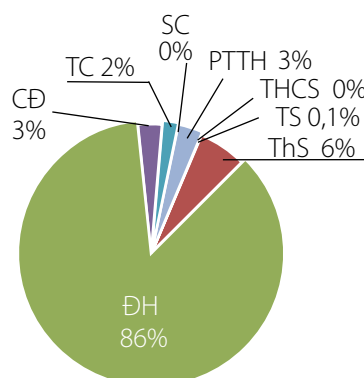
SHB có nguồn nhân lực trẻ với độ tuổi bình quân dao động trong khoảng 29 – 31 tuổi, là độ tuổi giàu nhiệt huyết, đam mê cống hiến phát triển với hơn 92% có trình độ đại học và trên đại học.

Tổng số cán bộ nhân viên của Ngân hàng và các Công ty con của SHB đến 31/12/2016/7 là 6.210 người. Mức thu nhập trung bình của người lao động ngày càng cải thiện, đạt 18 triệu đồng/người năm 2017.

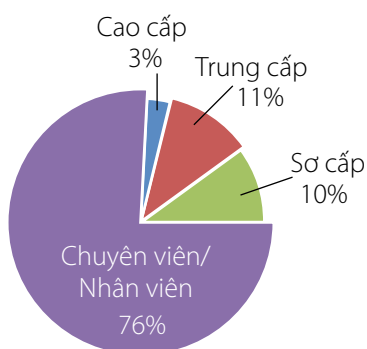
Cơ cấu nhân sự theo giới tính



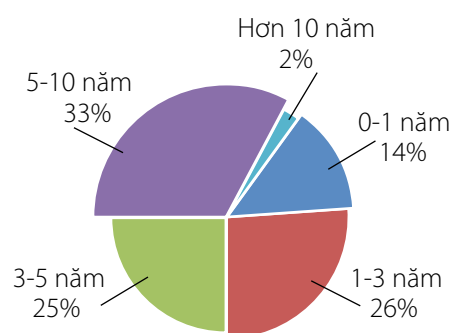
Cơ cấu nhân sự theo trình độ



Cơ cấu nhân sự theo cấp cán bộ



Cơ cấu nhân sự theo thâm niên công tác



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với mục tiêu xây dựng lực lượng lao động có kinh nghiệm, tâm huyết và trình độ đáp ứng được những yêu cầu của một ngân hàng hiện đại, SHB tiếp tục nhiều chính sách nhằm thu hút và giữ chân nhân tài.

Chính sách tuyển dụng

Công khai, minh bạch cùng với các tiêu chí đánh giá trình độ, kỹ năng của ứng viên dựa trên các chuẩn mực về nghề nghiệp là căn cứ để tuyển dụng

Công tác tuyển dụng bổ nhiệm nội bộ được ban lãnh đạo chú trọng, ưu tiên nguồn nhân sự trong nội bộ dự tuyển nhằm tạo sự gắn bó, khuyến khích động viên nhân viên phát triển. Đối với ứng viên từ nguồn bên ngoài, SHB ưu tiên các ứng viên có kinh nghiệm, các ứng viên tốt nghiệp học lực khá, giỏi các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước và được thỏa thuận mức lương mong muốn theo kinh nghiệm, năng lực, trình độ.

Các ứng viên là sinh viên năm cuối luôn được chào đón tham gia chương trình “Thực tập sinh tài năng” để có cơ hội tự khẳng định bản thân và trở thành nhân viên chính thức của SHB.

Tại các tỉnh/thành trong nước và nước ngoài có sự hiện diện của SHB, lao động địa phương được ưu tiên tuyển dụng bởi nền tảng am hiểu thị trường địa phương một cách cặn kẽ và sự gắn bó, tâm huyết của người lao động.

Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Luôn coi nhân lực là tài sản quý giá nhất của ngân hàng, phát huy tối đa nguồn lực con người, lấy con người là trung tâm cho động lực phát triển của ngân hàng

SHB tạo mọi điều kiện để mỗi cá nhân người lao động phát triển nghề nghiệp, chú trọng việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao với kế hoạch đào tạo được xây dựng trên cơ sở chiến lược phát triển kinh doanh của Ngân hàng, theo phân tích xu thế phát triển của thị trường tài chính, dựa trên khảo sát nhu cầu hàng năm của cán bộ nhân viên.

Với chủ trương mọi người lao động đều có cơ hội được đào tạo và phát triển nên mọi chi phí các

khóa đào tạo do SHB tổ chức cũng như các khóa đào tạo do SHB cử tham dự đều được Ngân hàng tài trợ.

Trong năm 2017, SHB đã tổ chức trên 100 chuyên đề/nội dung đào tạo cho các cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống với tổng số trên 20.000 lượt cán bộ tham gia. Tổng số giờ học bình quân mỗi cán bộ một kỳ là gần 20 giờ với điểm đánh giá chất lượng đào tạo bình quân 4,03/5.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo từng nhóm đối tượng

SHB thực hiện đào tạo trên cơ sở khung tiêu chuẩn năng lực của từng chức danh và theo cấp độ năng lực yêu cầu của từng vị trí. Các chương trình đào tạo tại SHB đa dạng, liên tục cải tiến, cập nhật về nội dung, hình thức, phù hợp với nhiều đối tượng.

Với cán bộ nhân viên tân tuyển, SHB xây dựng các chương trình đào tạo hội nhập cùng với bố trí cán bộ có kinh nghiệm lâu năm kèm cặp nhằm cung cấp cho người lao động các kiến thức tổng quan về SHB, các kiến thức nền tảng trong công việc, nhanh chóng hội nhập và làm quen với văn hóa của SHB.

Với cán bộ nhân viên có kinh nghiệm, năng lực, SHB chú trọng đào tạo nghiệp vụ nâng cao, chuyên sâu nhằm mục đích quy hoạch cán bộ nguồn, tạo cơ hội thăng tiến nghề nghiệp.

Với các cấp quản lý, SHB triển khai các chương trình đào tạo nâng cao khả năng quản lý, điều hành, kỹ năng xây dựng, hoạch định chiến lược, quản lý sự thay đổi,... Hàng năm SHB tạo điều kiện để cán bộ quản lý có điều kiện tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nước ngoài

Công tác đánh giá hiệu quả cuối khóa học được định kỳ tổ chức bằng các đợt kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ trên toàn hệ thống để khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, bổ sung các nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng còn yếu và thiếu.

Các ứng dụng công nghệ trong đào tạo luôn được chú trọng phát triển thông qua việc triển khai hệ thống học tập và kiểm tra trực tuyến như thư viện điện tử (bao gồm tài liệu học tập, slide trình chiếu,

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

video hướng dẫn giải đáp thắc mắc,...), các phần mềm quản lý học tập và đào tạo của mỗi cá nhân, diễn đàn trao đổi thảo luận, khảo sát trực tuyến... Hệ thống đào tạo hiện đại đã giúp việc học tập của các cán bộ nhân viên trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn.

Chế độ lương và khen thưởng

“Sống nhờ lương, giàu nhờ thưởng” là phương châm SHB luôn nỗ lực thực hiện để người lao động yên tâm gắn bó với Ngân hàng.

Quyền lợi của người lao động luôn được đảm bảo với mức lương theo đúng quy định tại Quy chế Tiền lương SHB, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của ngân hàng, của người lao động và theo quy định của pháp luật hiện hành. Chính sách tiền lương được gắn với kết quả đánh giá thực hiện công việc định kỳ, tạo động lực làm việc, thúc đẩy CBNV hoàn thành mục tiêu kế hoạch đặt ra. Việc nâng bậc lương định kỳ hàng năm được đảm bảo công khai, công bằng, minh bạch, thể hiện được chính sách phát triển của SHB.

Chế độ thưởng được thực hiện đầy đủ với tất cả cán bộ, nhân viên vào các dịp lễ, tết của quốc gia và kỷ niệm ngày thành lập ngân hàng. Đặc biệt, chính sách khen thưởng được SHB ghi nhận kịp thời với Bằng khen/Giấy khen hàng quý/năm do Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trao tặng và các chuyến du lịch nước ngoài (Châu Âu, Châu Á,...) nhằm động viên, khuyến khích dành cho tập thể/cá nhân người lao động có sáng kiến mới, vượt chỉ tiêu kế hoạch, đạt thành tích xuất sắc...

Chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, phụ cấp

Sự khác biệt giữa SHB và các ngân hàng khác là hiện SHB đang chi trả thay người lao động các khoản trích nộp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và công đoàn phí. Đây là một trong những chính sách nổi bật, không chỉ giúp đảm bảo và cải thiện thu nhập cho người lao động mà còn là một trong những chính sách để thu hút nhân sự về làm việc tại Ngân hàng.

SHB đã liên kết với các bệnh viện hàng đầu tổ chức khám sức khỏe cho cán bộ nhân viên định

kỳ 1 năm/lần, với chi phí trung bình 1 triệu đồng/người. Đặc biệt, năm 2017, SHB đã chính thức đưa vào chương trình bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện cho CBNV SHB (SHB Care, liên kết với bảo hiểm BSH) với giá trị hợp đồng trên mỗi người lao động khá cao, góp phần hỗ trợ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

Bên cạnh các chế độ phụ cấp độc hại, phụ cấp trang điểm, phụ cấp kiêm nhiệm, thu hút... thì tất cả cán bộ, nhân viên của SHB đều được nhận phụ cấp tiền xăng và gửi xe hàng tháng. Ban lãnh đạo tại trụ sở chính cũng như tại các chi nhánh được bố trí xe ô tô riêng đưa đón đi làm việc và công tác bên ngoài, đảm bảo chi phí hợp lý.

Các chính sách khác và sinh hoạt công đoàn

Ngoài việc thực hiện chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, SHB còn áp dụng nhiều chương trình phúc lợi hữu ích cho nhân viên hàng năm như: cấp phát đồng phục làm việc, trang bị đầy đủ các công cụ làm việc hiện đại phù hợp với nghiệp vụ công tác; tổ chức nghỉ mát hàng năm cho toàn thể cán bộ nhân viên; chính sách cho nhân viên vay ưu đãi mua nhà, ô tô, cho vay tiêu dùng với lãi suất thấp,...

SHB đã có tổ chức công đoàn bảo vệ quyền lợi cũng như chăm lo đời sống vật chất tinh thần người lao động, cũng như các chương trình hỗ trợ, chia sẻ thường xuyên tới từng CBNV là thành viên công đoàn.

Các hoạt động sinh hoạt đoàn thể, tổ chức hội thao bóng đá và hội diễn văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức trên toàn hệ thống nhằm tạo sự đoàn kết, gắn kết người lao động với Ngân hàng, tạo không khí vui vẻ đầm ấm để tạo động lực cho cán bộ nhân viên.

Các chương trình hoạt động xã hội, ủng hộ từ thiện, bảo vệ môi trường,... luôn được SHB chú trọng, qua đó nhằm xây dựng tinh thần trách nhiệm vì cộng đồng của cán bộ nhân viên.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Là một trong những ngân hàng có quy mô lớn nhất thị trường Việt Nam, tiên phong thực hiện chủ trương của Đảng và nhà nước, SHB xác định chiến lược phát triển bền vững không chỉ có tăng trưởng tài chính hiệu quả, an toàn của chính Ngân hàng mà còn thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội; khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và nâng cao được chất lượng môi trường sống.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

SHB là đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, vì vậy, nguyên vật liệu chính cho quá trình kinh doanh chủ yếu là giấy in, mực in, văn phòng phẩm. Nhiều biện pháp được SHB sử dụng nhằm tiết kiệm nguyên vật liệu, công cụ lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường như:

- Tăng cường phát triển các sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, đồng thời giảm thiểu quy trình sử dụng giấy tờ rườm rà nhằm đem đến những tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm thời gian xử lý giao dịch, chi phí văn phòng phẩm. Các sản phẩm huy động, cho vay, thanh toán, thẻ... đã, đang và sẽ hướng đến giao dịch, phê duyệt online, vì vậy, số lượng giấy tờ, bút mực,... các công cụ lao động khác giảm đáng kể qua từng năm.
- Hệ thống trao đổi thông tin điện tử được nâng cấp, mở rộng từ trụ sở chính tới các chi nhánh như hợp, phỏng vấn tuyển dụng qua cầu truyền hình, thi tuyển trực tuyến, phát hành bản tin và tạp chí điện tử,... góp phần quan trọng giảm thiểu lượng giấy tờ in ấn và nâng cao hiệu suất lao động.
- Tái sử dụng giấy đã in 1 mặt; Đăng ký định mức sử dụng cho từng phòng/ban hàng năm; Phân loại văn phòng phẩm theo các dạng cấp 1 lần, cấp theo đề nghị hàng tháng, theo yêu cầu sử dụng bất thường; Theo dõi và so sánh việc sử dụng định kỳ.
- Bên cạnh đó, Ngân hàng luôn truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ trong việc in ấn tài liệu nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa và tăng cường trao đổi thông tin, công văn, báo cáo thông qua email nội bộ, tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng sử dụng cho quá trình hoạt động kinh doanh tại SHB chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, duy trì hoạt động của máy tính, điều hòa nhiệt độ, xăng dầu phục vụ cho xe đưa đón cán bộ nhân viên,..

SHB đã thực hiện tiết kiệm tối đa năng lượng điện tiêu thụ cũng chính là biện pháp giảm thiểu chi phí kinh doanh thông qua việc trang bị các bóng đèn tiết kiệm năng lượng, điều hòa nhiệt độ đáp ứng các tiêu chuẩn về phát thải khí nhà kính và được bảo dưỡng liên tục. Bên cạnh đó, việc tiết kiệm năng lượng được lãnh đạo và các cán bộ nhân viên nghiêm túc thực hiện như tắt cầu dao điện khi ra về, chú ý đóng cửa ra vào để điều hòa hoạt động hiệu quả, bố trí chỗ ngồi hợp lý để tiết kiệm điện cho thiết bị chiếu sáng...;

Chi phí xăng dầu được giao định mức và kiểm tra lịch trình cụ thể đối với các lãnh đạo đơn vị thường xuyên có hoạt động đi lại bằng xe cơ quan. Các hoạt động khác sẽ phải đăng ký trước lộ trình và thời gian nhằm đảm bảo phục vụ được tối đa công việc của cán bộ nhân viên mà vẫn tiết kiệm được chi phí xăng dầu và hao mòn xe.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Tiêu thụ nước

SHB sử dụng nước chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của toàn thể cán bộ nhân viên và toà nhà như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động,...và nằm trong chi phí thuê toà nhà. Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của Tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ, nhân viên và tiếp khách do SHB chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ. Với các cuộc họp, tiếp khách bên ngoài, Ngân hàng trang bị các chai nước có dung tích nhỏ để tránh lãng phí.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nguồn chất thải có khả năng gây hại cho môi trường tại SHB chủ yếu là các chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động văn phòng như giấy in hỏng, bìa carton, dụng cụ văn phòng phẩm không còn sử dụng được,... và nguồn chất thải khí chủ yếu đến từ các phương tiện giao thông ra vào, lưu thông qua tòa nhà. Vì vậy, SHB đã bố trí nhân sự phụ trách về môi trường và thực hiện các phương án bảo vệ môi trường.

Công tác vệ sinh môi trường bên ngoài khu làm việc do công ty môi trường thuê ngoài đảm nhiệm (tính trong chi phí thuê toà nhà) với hoạt động chính:

- Dọn dẹp, lau chùi nền nhà vệ sinh, bồn cầu, sảnh, cầu thang, hành lang, tường nhà, tầng hầm...với tần suất khoảng 1 tiếng một lần để đảm bảo những khu vực này luôn luôn sạch sẽ.
- Trang bị nước rửa tay tại khu vệ sinh để đảm bảo việc khử trùng cho người lao động.
- Đảm bảo việc cấp nước xả bồn cầu và nước rửa tay khu vệ sinh hoạt động tốt.
- Cuối giờ làm việc, nhân viên vệ sinh của tòa nhà sẽ phân loại rác thu gom tất cả rác trong thùng ra điểm tập kết rác trước cửa tòa nhà.

Công tác vệ sinh, dọn dẹp bên trong các phòng làm việc do bộ phận hành chính quản trị của ngân hàng đảm nhiệm với các hoạt động chính:

- Dọn dẹp các thùng rác đựng giấy in, tài liệu, bìa carton, bút mực hỏng, vỏ chai nước, vỏ hoa quả.... trong các phòng làm việc, phòng họp. Tần suất dọn dẹp khoảng 3 lần/ngày hoặc hơn tùy theo lượng khối lượng rác thải.
- Chăm sóc, cắt tỉa cây cảnh trong các khu, phòng làm việc của tòa nhà đảm bảo tươi xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí.
- Tại các tầng hầm, và trước cửa khu nhà làm việc, SHB bố trí nhân viên bảo vệ nhắc nhở, yêu cầu các phương tiện giao thông đi vào tòa nhà tắt máy trước khi vào cổng tòa nhà để giảm khí thải và tiếng ồn. Hệ thống quạt thông gió tại tầng hầm lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn đảm bảo không khí thông thoáng.

Các kỹ thuật thông tin hiện đại như cầu truyền hình, điện thoại, video được ứng dụng tối đa để tổ chức các cuộc họp nội bộ, phỏng vấn nhân sự trên toàn quốc nhằm giảm thiểu thời gian đi lại cũng như tần suất sử dụng các phương tiện máy bay, tàu xe, góp phần giảm lượng thải khí CO₂ ra môi trường.

Bên cạnh đó, mỗi cán bộ ngân hàng luôn nêu cao tinh thần tự giữ gìn, dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ bàn làm việc của chính mình và khu vực xung quanh; Tăng cường trao đổi tài liệu, công văn qua email nội bộ nhằm giảm thiểu lượng giấy in thừa; tái sử dụng các văn phòng phẩm cũ.

Với ý thức chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trong suốt chặng đường hoạt động, SHB không bị xử phạt vi phạm lần nào liên quan đến vấn đề môi trường.



HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Nhận thức rõ hệ thống ngân hàng đóng vai trò như một mắt xích trung gian có tác động đến môi trường thông qua hoạt động của khách hàng, đóng vai trò quan trọng trong việc “xanh hóa” dòng vốn đầu tư, hướng các nguồn lực tài chính vào những lĩnh vực xanh, góp phần thúc đẩy khách hàng vay vốn chuyển đổi dự án và mục đích sử dụng vốn vay sang các dự án thân thiện với môi trường, SHB chủ động triển khai các giải pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, lồng ghép các tiêu chí về môi trường trong quá trình thẩm định tín dụng. Thực hiện triển khai xây dựng chương trình, chính sách tín dụng giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong nhóm lĩnh vực ưu tiên, trong đó có các lĩnh vực/dự án hỗ trợ tăng trưởng xanh như: doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn.

SHB luôn kiểm soát an toàn bền vững khi tài trợ cho các dự án với điều kiện được đặt ra trong quá trình thẩm định là các dự án đó phải tuân theo

các tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Các dự án phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bảo vệ môi trường thiên nhiên luôn được SHB ưu tiên tài trợ phát triển trên cơ sở bền vững thương mại, vẫn đảm bảo tính bền vững xã hội và môi trường như các dự án thủy điện nhỏ và vừa, sinh khối, xử lý nước thải, rác thải... nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng.

Với định hướng ưu tiên phát triển “tín dụng xanh” và những chính sách tín dụng phù hợp để đưa nguồn vốn ưu đãi tới gần các doanh nghiệp nhất và góp phần cùng cơ quan chủ quản hiện thực hóa các mục tiêu: đảm bảo an ninh năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu cũng như thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam, Trong năm 2017, SHB được lựa chọn tham phục vụ và cho vay lại nhiều dự án do các Tổ chức quốc tế tài trợ cho Việt Nam trong lĩnh vực phát triển năng lượng tái tạo, giảm cường độ phát thải trong cung cấp năng lượng điện, chương trình phát triển ngành nước Việt Nam, xử lý nước thải sinh hoạt, ...



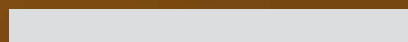


BÁO CÁO TÀI CHÍNH



“

Với tôn chỉ hoạt động “Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp” và chiến lược kinh doanh luôn đổi mới, SHB cam kết sẽ mang lại giá trị lợi ích cho khách hàng và sự thịnh vượng cho các cổ đông - nhà đầu tư.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	88
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	90
Báo cáo kiểm toán độc lập	91
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	93
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	96
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	97
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	99

THÔNG TIN CHUNG

NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là “NHNN”) với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Giấy phép hoạt động của Ngân hàng có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam ngày 11 tháng 9 năm 2006.

Ngân hàng đã nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“HBB”) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel (“VVF”) tương ứng vào các năm 2012 và 2017 theo đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng, bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) trung tâm kinh doanh, năm mươi ba (53) chi nhánh, một (1) quỹ tiết kiệm, một trăm bảy mươi tám (178) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và bốn (4) công ty con.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Võ Đức Tiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Lê	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Ngọc Linh	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Công Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Thái Quốc Minh	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Quang Thung	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Hòa Bình	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hoạt	Phó trưởng ban	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đức	Thành viên	Tái bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Bà Lê Thanh Cẩm	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Thành viên	Bổ nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Thanh Tâm	Thành viên	Miễn nhiệm vào ngày 28 tháng 4 năm 2017

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lê	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm vào ngày 21 tháng 5 năm 2014
Ông Lê Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 10 tháng 4 năm 2009
Bà Ngô Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 15 tháng 3 năm 2011
Bà Ninh Thị Lan Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 8 tháng 6 năm 2012
Bà Đặng Tố Loan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 9 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Huy Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm vào ngày 18 tháng 2 năm 2013
Bà Ngô Thị Vân	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm vào ngày 11 tháng 11 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Lê, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Ngân hàng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các văn bản chấp thuận và phê duyệt của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Văn Lê

Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập ngày 6 tháng 4 năm 2018 và được trình bày từ trang 93 đến trang 154, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 4.3 – *Chính sách kế toán riêng áp dụng cho các khoản tồn đọng tài chính*. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng đã áp dụng các chính sách kế toán riêng liên quan đến việc phân bổ dự phòng cho và thoái lãi dự thu của các khoản tồn đọng tài chính (chủ yếu là từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“HBB”) theo Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016 - 2020 đã được Chính phủ phê duyệt về mặt nguyên tắc theo Công văn số 1922/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 9 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó vào ngày 31 tháng 3 năm 2017 và có đoạn vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến chính sách kế toán về ghi nhận dự phòng/thoái thu lãi phải thu đã ghi nhận cho các khoản tồn đọng tài chính thực hiện theo Đề án “Sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016 - 2020”.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 2400-2018-004-1

Nguyễn Thị Bích Lê
Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 3405-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 4 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 (trình bày lại) triệu VND
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng	6	1.446.548	1.291.694
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	7	3.742.659	2.718.757
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	8	33.513.516	30.136.422
Tiền gửi tại TCTD khác		27.859.510	23.230.559
Cho vay các TCTD khác		5.654.006	6.911.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	(5.137)
Chứng khoán kinh doanh	9	1.050	40.899
Chứng khoán kinh doanh		3.889	65.382
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.839)	(24.483)
Các công cụ TC phái sinh và các tài sản TC khác	10	136.265	44.578
Cho vay khách hàng		195.441.551	160.578.800
Cho vay khách hàng	11	198.290.566	162.376.185
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	12	(2.849.015)	(1.797.385)
Chứng khoán đầu tư	13	21.207.964	18.846.623
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		12.268.348	10.788.497
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		10.682.862	9.439.853
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(1.743.246)	(1.381.727)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	14	215.465	222.949
Đầu tư dài hạn khác		227.250	229.393
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(11.785)	(6.444)
Tài sản cố định	15	3.952.317	3.962.052
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>15.1</i>	<i>425.424</i>	<i>424.046</i>
Nguyên giá tài sản cố định		1.011.431	962.704
Khấu hao tài sản cố định		(586.007)	(538.658)
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>15.2</i>	<i>3.526.893</i>	<i>3.538.006</i>
Nguyên giá tài sản cố định		3.738.489	3.726.916
Hao mòn tài sản cố định		(211.596)	(188.910)
Bất động sản đầu tư	16	-	16.815
Nguyên giá bất động sản đầu tư		-	17.401
Hao mòn bất động sản đầu tư		-	(586)
Tài sản Có khác	17	26.352.746	22.893.100
Các khoản phải thu		13.411.455	8.510.417
Các khoản lãi, phí phải thu		7.955.903	7.875.554
Tài sản Có khác		5.395.762	6.719.575
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác		(410.374)	(212.446)
TỔNG TÀI SẢN		286.010.081	240.752.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 (trình bày lại) triệu VND
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	2.758.343	2.572.420
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	53.000.419	40.114.381
Tiền gửi của các TCTD khác		33.297.858	23.299.257
Vay các TCTD khác		19.702.561	16.815.124
Tiền gửi của khách hàng	20	194.889.770	166.576.217
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	21	1.064.161	808.887
Phát hành giấy tờ có giá	22	14.967.269	13.767.675
Các khoản nợ khác		4.638.899	3.681.536
Các khoản lãi, phí phải trả		4.103.201	3.204.877
Các khoản phải trả và công nợ khác	23	535.698	476.659
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		271.318.861	227.521.116
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn			
Vốn điều lệ		11.196.891	11.196.891
Thặng dư vốn cổ phần		101.716	101.716
Cổ phiếu quỹ		(5.260)	(5.260)
Các quỹ dự trữ		1.220.358	1.038.259
Lợi nhuận chưa phân phối	25	2.177.515	897.661
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	25	14.691.220	13.229.267
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		-	2.306
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		286.010.081	240.752.689

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

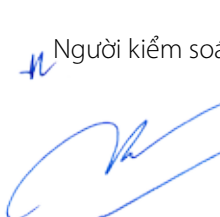
	Thuyết minh	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Bảo lãnh vay vốn		179.955	176.415
Cam kết giao dịch hối đoái		18.542.149	20.258.207
Cam kết giao dịch hoán đổi		18.542.149	20.258.207
Cam kết trong nghiệp vụ LC		14.695.470	10.670.815
Bảo lãnh khác		23.117.644	12.157.598
Các cam kết khác		-	250.000
	39	56.535.218	43.513.035

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Hạnh Hoa
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thị Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 4 năm 2018

BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	2017 triệu VND	2016 (trình bày lại) triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	27	18.220.214	14.568.653
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	28	(13.423.554)	(10.393.205)
Thu nhập lãi thuần		4.796.660	4.175.448
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		1.526.170	409.808
Chi phí hoạt động dịch vụ		(69.305)	(71.743)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	29	1.456.865	338.065
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	30	54.247	102.040
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	31	16.456	(10.104)
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	32	(12.372)	10.339
Thu nhập từ hoạt động khác		359.978	736.423
Chi phí hoạt động khác		(222.486)	(388.227)
Lãi thuần từ hoạt động khác	33	137.492	348.196
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	34	2.816	2.127
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		6.452.164	4.966.111
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	35	(2.896.897)	(2.507.759)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		3.555.267	2.458.352
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		(1.629.956)	(1.301.913)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		1.925.311	1.156.439
Chi phí thuế TNDN hiện hành		(386.183)	(243.378)
Chi phí thuế TNDN	24.1	(386.183)	(243.378)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.539.128	913.061
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		-	(187)
Lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng		1.539.128	913.248
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	1.510	896

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Hạnh Hoa
Kế toán

Người kiểm soát:

Bà Ngô Thị Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt: TH



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 6 tháng 4 năm 2018

BẢNG CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	<i>Thuyết minh</i>	<i>2017 triệu VND</i>	<i>2016 triệu VND</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		18.142.807	15.541.712
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(12.551.520)	(10.241.882)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.465.529	361.578
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động			
kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		412.890	100.724
Thu nhập khác		155.853	311.318
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		16.912	52.998
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(2.771.257)	(2.385.383)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	24.1	(268.304)	(246.439)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		4.602.910	3.494.626
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		2.155.857	(5.491.877)
Giảm/(Tăng) các khoản về kinh doanh chứng khoán		(3.009.463)	(2.259.425)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(91.687)	(44.578)
(Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(35.914.379)	(30.948.992)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng	8, 12	(236.877)	(167.263)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(10.156.232)	479.771
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
(Tăng)/Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		185.923	(1.652.495)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		19.690.987	5.163.649
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả KBNN)		28.313.552	17.747.341
(Giảm)/Tăng phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		1.199.594	5.508.227
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		255.274	394.255
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	(100.011)
(Giảm)/Tăng khác về công nợ hoạt động		(363.487)	46.377
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		6.631.972	(7.830.395)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(117.245)	(173.680)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		203.443	538.765
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		(16.229)	-
Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(12.857)	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		15.000	44.380
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		2.816	2.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		74.928	411.592

BẢNG CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	2017 triệu VND	2016 triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN SỬ DỤNG VÀO HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		(330)	(288)
Lưu chuyển tiền sử dụng vào hoạt động tài chính		(330)	(288)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		6.706.570	(7.419.091)
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm		26.342.147	33.761.238
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm	36	33.048.717	26.342.147
CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TRỌNG YẾU TRONG NĂM			
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu		-	710.946
Tăng vốn do sáp nhập VVF		-	1.039.713

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Hạnh Hoa
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thị Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 4 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 13 tháng 11 năm 1993 theo Quyết định số 214/QĐ-NH5 và Giấy phép hoạt động số 0041-NH/GP của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là “NHNN”) với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nông thôn Nhơn Ái. Giấy phép hoạt động của Ngân hàng có thời hạn 50 năm kể từ ngày cấp. Ngân hàng được đổi tên thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội theo Quyết định số 1764/QĐ-NHNN của Thống đốc NHNN Việt Nam ngày 11 tháng 9 năm 2006.

Ngân hàng nhận sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (“HBB”) và Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel (“VVF”) tương ứng vào các năm 2012 và năm 2017 theo đề án tái cơ cấu hệ thống ngân hàng Việt Nam. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh số 1800278630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 3 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11.197 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 11.197 tỷ VND) đã được góp đầy đủ bởi các cổ đông.

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 77 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) trung tâm kinh doanh, năm mươi ba (53) chi nhánh, một (1) quỹ tiết kiệm, một trăm bảy mươi bảy (178) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước và bốn (4) công ty con.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có bốn (4) công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
1	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản NH TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHAMC)	0104006217 ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội	Quản lý và khai thác tài sản	100%
2	Công ty TNHH MTV Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHBFC)	77/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tài chính/ Ngân hàng	100%
3	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Lào (SHB Lào)	911/CBĐKKD ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công thương Lào	Tài chính/ Ngân hàng	100%
4	Ngân hàng TNHH MTV Sài Gòn – Hà Nội Campuchia (SHB Campuchia)	B 35 ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Ngân hàng Nhà nước Campuchia	Tài chính/ Ngân hàng	100%

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “SHB”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của SHB vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 6.210 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 6.351 người).

Sự kiện quan trọng trong năm

Ngày 12 tháng 9 năm 2016, NHNN đã ban hành Công văn số 6812/2016/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận nguyên tắc cho Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel (“VVF”) sáp nhập vào Ngân hàng, và tiến tới thành lập Công ty con là Công ty Tài chính Tín dụng Tiêu dùng SHB theo Đề án sáp nhập đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 10 năm 2015. Ngày 12 tháng 12 năm 2016, NHNN đã ra Quyết định số 2400/2016/QĐ-NHNN chấp thuận việc sáp nhập VVF vào Ngân hàng, theo đó, Ngân hàng sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của VVF. Vào ngày 12 tháng 1 năm 2017, VVF đã chính thức chấm dứt hoạt động và sáp nhập vào Ngân hàng.

Ngày 28 tháng 3 năm 2017, Ngân hàng đã chính thức thành lập Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (“SHBFC”) theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 77/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 12 tháng 12 năm 2016 và Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 010779290 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 3 năm 2017. SHBFC chính thức đi vào hoạt động từ ngày 25 tháng 9 năm 2017.

Ngày 18 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng đã thanh lý toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (“SHBS”). Tổng số lượng cổ phần được chuyển nhượng là 14.771.007 cổ phần. Theo đó, Ngân hàng đã chính thức chấm dứt quyền kiểm soát đối với SHBS.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của SHB bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của SHB là đồng Việt Nam (“VND”). Tuy nhiên, do quy mô hoạt động của Ngân hàng rất lớn, cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu VND”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến cái nhìn của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của SHB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 3 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống các tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2014/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hệ thống Chuyển mục kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến kết quả thu nhập, chi phí và số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau theo chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.4 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và của các công ty con tại ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính của các công ty con có cùng niên độ lập báo cáo với Ngân hàng. Các chính sách kế toán của các công ty con được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán Ngân hàng áp dụng.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Báo cáo tài chính của các công ty con (trình bày trong Thuyết minh số 1) được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Ngân hàng theo phương pháp hợp nhất toàn phần bắt đầu từ ngày Ngân hàng có quyền kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền, trực tiếp hay gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các đơn vị đó. Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con mới được mua hoặc mới được thanh lý trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất một cách hợp lý tính từ ngày mua hoặc tính đến ngày thanh lý.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần lợi nhuận thuần và giá trị tài sản thuần của công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất thành chỉ tiêu tách biệt với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập của hệ thống Ngân hàng cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, trừ các thay đổi sau:

Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước

Ngày 7 tháng 8 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (“Nghị định 93”) về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước. Nghị định 93 thay thế cho Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ, và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 9 năm 2017, trừ quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nghị định 93 sửa đổi, bổ sung các quy định về đảm bảo an toàn vốn, doanh thu, chi phí, đồng tiền hạch toán và trình tự phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Ngày 30 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thông qua quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 3 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.2 Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("Thông tư 22").

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- ▶ Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- ▶ Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- ▶ Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- ▶ Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Thông tư 22 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2018.

4.3 Chính sách kế toán riêng áp dụng cho các khoản tổn động tài chính

Ngân hàng đã áp dụng các chính sách kế toán riêng liên quan đến việc phân bổ dự phòng và thoái dự thu của các khoản tổn động tài chính chủ yếu từ HBB theo Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2020 ("Đề án") theo Công văn số 1922/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 9 năm 2016 phê duyệt về mặt nguyên tắc Đề án và Công văn số 856/NHNN-TTGSNNHNN.m ngày 8 tháng 11 năm 2016 về việc phê duyệt Đề án. Cụ thể như sau:

- ▶ Dự phòng cho trái phiếu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") được phân bổ đến năm 2024;
- ▶ Dự phòng cho các khoản dư nợ đang thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin"), các công ty thành viên Vinashin, các khoản dư nợ chuyển sang Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí (bao gồm cả các khoản được hoán đổi và không được hoán đổi) được phân bổ trong 10 năm, đến năm 2024;
- ▶ Dự phòng cho các khoản nợ tổn động, nợ xấu của HBB trong tối đa 8 năm, đến năm 2020;
- ▶ Dự phòng cho các khoản ủy thác đầu tư của HBB trong tối đa 8 năm, đến năm 2020; và
- ▶ Dự phòng cho các khoản góp vốn mua cổ phần kém hiệu quả của HBB, khoản đầu tư tổn động của VVF trong tối đa 8 năm, đến năm 2020.

Ngoài ra, Ngân hàng đã thực hiện thoái lãi dự thu của các khoản ủy thác đầu tư trong vòng 8 năm, đến năm 2020 như kiến nghị trong Đề án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi thanh toán với NHNN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện chiết khấu với NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi, cho vay tại các tổ chức tín dụng khác có thời hạn đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.5 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh 4.6*.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4.6 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay đến 1 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ trên 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong *Thuyết minh 4.7*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 **Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác**

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc	0%
		(b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc	5%
		(b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc	20%
		(b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc	
		(c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc	
		(d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:	
		▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▪ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng.	
		(e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác (tiếp theo)

Nhóm nợ		Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc	50%
		(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
		(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc	
		(d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc	100%
		(b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc	
		(c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc	
		(d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc	
		(e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc	
		(f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc	
		Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Đối với các khoản cho vay trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, Ngân hàng được phép thực hiện cơ cấu nợ và giữ nguyên nhóm nợ một lần theo quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 7 năm 2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 ***Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, ủy thác cấp tín dụng và tài sản có rủi ro tín dụng khác***(tiếp theo)

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02 và Thông tư 09.

Bên cạnh đó, Ngân hàng đã được NHNN phê duyệt phương án phân bổ dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (“Vinashin”, được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy – “SBIC”), một số công ty thành viên thuộc SBIC và các đơn vị đã chuyển sang Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (“PVN”), và Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (“Vinalines”), bao gồm cả dự nợ đã hoán đổi và chưa hoán đổi thành trái phiếu đặc biệt trong thời gian tối đa 10 năm kể từ năm 2014.

Đồng thời, áp dụng chính sách kế toán riêng như được trình bày ở Thuyết minh số 4.3 đối với các khoản nợ tồn đọng của HBB, Ngân hàng đã phân bổ trích lập dự phòng cho các khoản nợ này trong vòng 10 năm kể từ năm 2015.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 cùng năm của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4.8 ***Chứng khoán kinh doanh***

4.8.1 *Phân loại và ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.8.2 *Đo lường*

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.8.3 *Dừng ghi nhận*

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc SHB đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chứng khoán đầu tư

4.9.1 Chứng khoán sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được SHB nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, SHB không phải là cổ đông sáng lập; hoặc không là đối tác chiến lược; hoặc không có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia hội đồng quản trị/ban điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch, lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tiểu khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá, chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi trả sau được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của chính chứng khoán đó, đối ứng với tài khoản lãi dự thu; và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của SHB theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào khoản mục thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán.

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư".

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết thì tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

4.9.2 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được SHB mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và SHB có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Chứng khoán đầu tư(tiếp theo)

4.9.3 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của SHB. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 8 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư số 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 5 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m ;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ $m-1$;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể ($X_{(m)}$) được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*". Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Áp dụng chính sách kế toán riêng như được trình bày ở Thuyết minh số 4.3 đối với một số trái phiếu đặc biệt VAMC, Ngân hàng phân bổ trích lập dự phòng cho các trái phiếu này trong vòng 10 năm kể từ năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.11 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống và các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng cho} \\ \text{mỗi khoản} \\ \text{đầu tư} \end{array} = \left| \begin{array}{c} \text{Tổng vốn đầu} \\ \text{tư thực tế của} \\ \text{các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ sở} \\ \text{hữu thực có} \\ \text{của tổ chức} \\ \text{kinh tế} \end{array} \right| \times \frac{\text{Số vốn đầu tư của mỗi bên}}{\text{Tổng số vốn đầu tư thực} \\ \text{tế của các bên tại tổ chức} \\ \text{kinh tế}}$$

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.12 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà SHB phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định, chi phí bảo trì, sửa chữa và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình, vô hình và bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 20 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn và quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.14 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, SHB không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi SHB có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tài chính.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này.

4.15 Thuê hoạt động

Các tài sản thuê hoạt động không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Tiền thuê phải trả được hạch toán theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục “Chi phí hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Các khoản phải thu khác

4.16.1 Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại *Thuyết minh số 4.7*.

4.16.2 Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động khác*" trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hợp đồng gốc, mức trích lập dự phòng được xác định theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản ủy thác đầu tư được xác định là các khoản tổn động tài chính, Ngân hàng phân bổ dự phòng phải trích vào và thoái lui dự thu khỏi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo lộ trình được xác định trong Đề án như trình bày tại *Thuyết minh số 4.3*.

4.17 Các cam kết và nợ tiềm ẩn

SHB cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 02 và Thông tư 09, SHB phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay và ứng trước khách hàng, cho mục đích quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Các công cụ phái sinh

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tình theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích..

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 47). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận doanh thu và chi phí

4.20.1 Ghi nhận doanh thu và chi phí từ hoạt động kinh doanh ngân hàng

Doanh thu và chi phí lãi

Doanh thu và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được thoái thu và chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng thực nhận.

Phí dịch vụ ngân hàng

Các khoản phí dịch vụ ngân hàng được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện.

4.20.2 Ghi nhận doanh thu từ các hoạt động khác

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Phí quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Cổ tức

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của SHB được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của SHB mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

4.20.3 Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 9 tháng 1 năm 2013, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Ngân hàng hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Ngân hàng sẽ hạch toán vào khoản mục „Thu nhập từ hoạt động khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc SHB đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo sổ dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả khi SHB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp và SHB dự định thanh toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của SHBsẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau và tại từng quốc gia khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhấtcó thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế sở tại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán **và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập** doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

SHB chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi SHB có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả **và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế** và SHB dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 57/2012/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	<i>Trích lập hàng năm</i>	<i>Số dư tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn Chế độ Tài chính đối với Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại của Bộ Tài chính, các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo các quy định hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập công ty.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, SHAMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Lào (SHB Lào)

Theo Quy định về quỹ dự trữ bắt buộc số 01/BOL do Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2001, và các quy định có liên quan, các ngân hàng thương mại thực hiện trích lập quỹ dự trữ bắt buộc tối thiểu 5% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ lỗ lũy kế cho đến khi số dư không thấp hơn 10% vốn cấp 1 hoặc trích lập nhiều hơn phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Ban Điều hành. Trong năm 2017, SHB Lào đã thực hiện tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% lợi nhuận sau thuế.

4.25 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của SHB và vì thế không được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất của SHB.

4.26 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Theo Thông tư 02, tổ chức tín dụng chỉ thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) vào các nhóm quy định tại Điều 10 của Thông tư 02 để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Theo đó, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Cấn trừ

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi SHB có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và SHB dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

4.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của SHB tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của SHB là chia theo khu vực địa lý. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu là chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.29 Lợi ích của nhân viên

4.29.1 Các khoản đóng góp theo lương

Nhân viên SHB tại Việt Nam khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. SHB tại Việt Nam sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 26,00% lương cơ bản hàng tháng của họ. Từ ngày 1 tháng 6 năm 2017, mức đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên là 25,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14 tháng 4 năm 2017. Ngoài ra, SHB tại Việt Nam không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.29.2 Trợ cấp thôi việc tự nguyện

Theo Điều 48 của Bộ luật Lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012, SHB có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc tự nguyện bằng một nửa tháng lương cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu (06) tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động nghỉ việc.

4.29.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 04/2009/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, SHB tại Việt Nam có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 2,00% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp để đóng vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.30 Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

4.31 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của SHB nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi SHB và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

5.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị: triệu VND

	Tin dụng	Đầu tư	Dịch vụ	Kinh doanh và huy động vốn	Tổng cộng
Năm 2017					
Doanh thu	18.440.199	1.224.736	1.824.574	1.285.861	22.775.370
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
1. Tài sản bộ phận	208.722.772	23.430.203	165.767	33.943.598	266.262.340
2. Tài sản phân bổ	7.825.912	45.120	4.216.239	7.660.470	19.747.741
Tổng tài sản	216.548.684	23.475.323	4.382.006	41.604.068	286.010.081
1. Nợ phải trả bộ phận	(393.624)	-	(103.677)	(270.228.036)	(270.725.337)
2. Nợ phân bổ	(235.210)	(1.356)	(126.721)	(230.237)	(593.524)
Tổng công nợ	(628.834)	(1.356)	(230.398)	(270.458.273)	(271.318.861)

5.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị: triệu VND

I. Kết quả kinh doanh bộ phận	Nước ngoài	Việt Nam			Tổng cộng
		Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	
Thu nhập lãi thuần	326.282	3.077.240	486.679	906.459	4.796.660
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27.086	1.409.160	2.701	17.918	1.456.865
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.580	42.067	1.672	8.928	54.247
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	-	16.456	-	-	16.456
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	(12.372)	-	-	(12.372)
Lãi thuần từ hoạt động khác	(1.810)	131.274	165	7.863	137.492
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	-	2.816	-	-	2.816
Chi phí hoạt động	(110.053)	(2.110.510)	(204.175)	(472.159)	(2.896.897)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	243.085	2.556.131	287.042	469.009	3.555.267
trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(51.137)	(1.439.981)	(33.500)	(105.338)	(1.629.956)
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	191.948	1.116.150	253.542	363.671	1.925.311
II. Tài sản					
1. Tiền mặt, vàng	49.850	1.014.234	118.504	263.960	1.446.548
2. Tiền gửi tại NHNN	771.700	2.961.064	3.736	6.159	3.742.659
3. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	1.028.993	32.482.469	1.441	613	33.513.516
4. Cho vay và ứng trước khách hàng	5.660.999	139.157.737	17.376.168	33.246.647	195.441.551
5. Đầu tư tài chính	1.370	21.559.374	-	-	21.560.744
6. Tài sản cố định	21.195	3.887.117	15.405	28.600	3.952.317
7. Tài sản khác	767.927	23.584.928	228.476	1.771.415	26.352.746
Tổng tài sản	8.302.034	224.646.923	17.743.730	35.317.394	286.010.081
III. Nợ phải trả					
1. Tiền gửi và vay các TCTD khác	385.187	55.372.994	543	38	55.758.762
2. Tiền gửi khách hàng	710.597	146.056.773	13.740.270	34.382.130	194.889.770
3. Huy động khác	-	13.355.681	2.654.299	21.450	16.031.430
4. Nợ phải trả khác	69.292	3.745.073	274.427	550.107	4.638.899
Tổng nợ phải trả	1.165.076	218.530.521	16.669.539	34.953.725	271.318.861

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TIỀN MẶT, VÀNG

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Tiền mặt bằng VND	886.482	765.199
Tiền mặt bằng ngoại tệ	557.448	525.163
Vàng tiền tệ	2.618	1.332
	1.446.548	1.291.694

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	2.970.959	1.880.377
Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương Lào	48.354	185.140
Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia	723.346	653.240
	3.742.659	2.718.757

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VND và tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,2%/năm và 0,05%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1,2%/năm và 0,05%/năm).

Theo quy định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc. Trong tháng 12 năm 2017, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3% và 8% (2016: 3% và 8%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, và tỷ lệ tương ứng là 1% và 6% (2016: 1% và 6%) đối với tiền gửi của khách hàng bằng VND và ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên.

Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia

Tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Campuchia bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ, tiền gửi thanh toán, tiền gửi có kỳ hạn và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Quốc gia Campuchia. Tiền gửi dự trữ bắt buộc được tính dựa trên số dư tiền gửi bình quân ngày, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 8% đối với khoản tiền gửi bằng đồng Riels và 12,5% đối với khoản tiền gửi bằng ngoại tệ. Khoản dự trữ 8% bằng đồng Riels không được hưởng lãi suất, khoản dự trữ 12,5% bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất theo tỷ lệ do Prakas quy định về xác định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất là 0,38%/năm đến 0,78%/năm). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ký quỹ được hưởng lãi suất 0,46%/năm, tiền gửi có kỳ hạn được hưởng lãi suất 1,03%, tiền gửi thanh toán không được hưởng lãi suất.

Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương Lào

Tiền gửi tại Ngân hàng Trung ương Lào bao gồm khoản tiền gửi ký quỹ, tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc theo quy định của Ngân hàng Trung ương Lào. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc phải duy trì là 5% cho tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng với tiền Lao Kíp và 10% cho tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng đối với ngoại tệ. Tiền gửi ký quỹ và tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Trung ương Lào không được hưởng lãi suất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Tiền gửi tại các TCTD khác	27.859.510	23.230.559
Tiền gửi thanh toán	20.812.077	12.320.394
Bằng VND	19.799.397	11.706.516
Bằng ngoại tệ	1.012.680	613.878
Tiền gửi có kỳ hạn	7.047.433	10.910.165
Bằng VND	3.130.000	8.165.137
Bằng ngoại tệ	3.917.433	2.745.028
Cho vay các TCTD khác	5.654.006	6.911.000
Bằng VND	5.654.006	6.911.000
Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác	-	(5.137)
	33.513.516	30.136.422

Phân tích chất lượng dư nợ cho vay, tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	12.701.439	17.816.028
Nợ có khả năng mất vốn	-	5.137
	12.701.439	17.821.165

9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Cổ phiếu do các TCKT trong nước phát hành	3.889	64.374
Cổ phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	-	1.008
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.839)	(24.483)
	1.050	40.899

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Chứng khoán vốn		
Đã niêm yết	3.889	25.427
Chưa niêm yết	-	39.955
	3.889	65.382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)		
	Tài sản triệu VND	Nợ phải trả triệu VND	Giá trị ròng triệu VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	635.472	(499.207)	136.265
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	31.290	(28.974)	2.316
Giao dịch hoán đổi kỳ hạn	604.182	(470.233)	133.949
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Công cụ TC phái sinh tiền tệ	1.043.249	(998.671)	44.578
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	878.539	(865.115)	13.424
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	164.710	(133.556)	31.154

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân	196.082.946	161.341.033
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	7.548	6.299
Các khoản trả thay khách hàng	35.359	47.338
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	2.164.713	808.887
	198.290.566	162.203.557
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	-	172.628
	198.290.566	162.376.185

11.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	190.368.695	156.920.432
Nợ cần chú ý	3.298.174	2.239.145
Nợ dưới tiêu chuẩn	669.686	263.785
Nợ nghi ngờ	1.088.771	993.341
Nợ có khả năng mất vốn	2.865.240	1.786.854
	198.290.566	162.203.557
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	-	172.628
	198.290.566	162.376.185

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

11.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay ban đầu

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Nợ ngắn hạn	83.106.717	73.797.009
Nợ trung hạn	53.433.957	38.022.985
Nợ dài hạn	61.749.892	50.383.563
	198.290.566	162.203.557
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	-	172.628
	198.290.566	162.376.185

Lãi suất cho vay trong năm 2017 như sau:

	31/12/2017 %/năm	31/12/2016 %/năm
Tại thị trường Việt Nam		
Cho vay bằng VND	7,50 – 12,00	5,01 – 11,25
Cho vay bằng ngoại tệ	1,90 – 5,01	1,00 – 5,03
Tại thị trường Lào		
Cho vay bằng LAK	5,00 – 14,50	8,00 – 14,50
Cho vay bằng ngoại tệ	6,25 – 9,50	6,25 – 9,50
Tại thị trường Campuchia		
Cho vay bằng ngoại tệ	2,00 – 10,00	2,00 – 10,00

11.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2017 triệu VND	%	31/12/2016 triệu VND	%
Công ty Nhà nước	7.657.939	3,86	7.231.657	4,45
Công ty TNHH Nhà nước	13.486.439	6,80	12.412.504	7,64
Công ty TNHH khác	35.056.234	17,68	24.494.250	15,08
Công ty cổ phần vốn Nhà nước	16.986.532	8,57	15.114.294	9,31
Công ty cổ phần khác	80.842.480	40,77	69.049.630	42,52
Công ty hợp danh	8.321	0,00	96.250	0,06
Doanh nghiệp tư nhân	2.527.685	1,27	1.565.104	0,96
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	499.434	0,25	59.215	0,04
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	66.194	0,03	64.345	0,05
Hộ kinh doanh, cá nhân	38.821.106	19,58	30.331.453	18,68
Thành phần kinh tế khác	2.338.202	1,19	1.784.855	1,11
	198.290.566	100,00	162.203.557	99,90
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	-	-	172.628	0,10
	198.290.566	100,00	162.376.185	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

11.4 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	31/12/2017 triệu VND	%	31/12/2016 triệu VND	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	43.249.519	21,81	34.501.644	21,25
Khai khoáng	7.659.777	3,86	8.483.683	5,22
Công nghiệp chế biến, chế tạo	27.452.713	13,84	25.232.054	15,54
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	10.757.675	5,43	8.427.214	5,19
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	118.922	0,06	154.238	0,09
Xây dựng	27.913.697	14,08	22.636.557	13,94
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	32.346.233	16,31	25.922.633	15,96
Vận tải kho bãi	3.158.672	1,59	3.326.876	2,05
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.331.461	0,67	1.213.657	0,75
Thông tin và truyền thông	111.063	0,06	143.909	0,09
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.263.714	1,14	983.861	0,61
Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.700.331	7,92	10.597.684	6,53
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	599.078	0,30	591.889	0,36
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.127.811	0,57	1.237.078	0,76
Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc	42.649	0,02	51.676	0,03
Giáo dục và đào tạo	420.811	0,21	179.654	0,11
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	121.718	0,06	137.533	0,08
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	257.293	0,13	313.037	0,19
Hoạt động dịch vụ khác	20.154.350	10,17	17.758.144	10,94
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	3.503.079	1,77	310.536	0,19
	198.290.566	100,00	162.203.557	99,90
Các khoản phải thu giao dịch chứng khoán của SHBS	-	-	172.628	0,10
	198.290.566	100,00	162.376.185	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Áp dụng chính sách kế toán riêng được kiến nghị trong Đề án sáp nhập HBB vào SHB chỉnh sửa, bổ sung cho giai đoạn 2016-2020, đối với các khoản nợ tổn động tài chính, Ngân hàng đã thực hiện:

- ▶ Phân bổ dự phòng cho các khoản dư nợ đang thuộc Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin"), các công ty thành viên Vinashin, các khoản dư nợ chuyển sang Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí (bao gồm cả các khoản được hoán đổi và không được hoán đổi) trong 10 năm, đến năm 2024;
- ▶ Phân bổ dự phòng cho các khoản nợ tổn động, nợ xấu của HBB trong tối đa 8 năm, đến năm 2020.

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2017 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i> <i>triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung</i> <i>triệu VND</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>triệu VND</i>
Số dư đầu năm	731.053	1.066.332	1.797.385
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	887.806	394.053	1.281.859
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(231.740)	-	(231.740)
Chênh lệch tỷ giá	<u>2.010</u>	<u>(499)</u>	<u>1.511</u>
Số dư cuối năm	<u>1.389.129</u>	<u>1.459.886</u>	<u>2.849.015</u>

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm 2016 như sau:

	<i>Dự phòng cụ thể</i> <i>triệu VND</i>	<i>Dự phòng chung</i> <i>triệu VND</i>	<i>Tổng cộng</i> <i>triệu VND</i>
Số dư đầu kỳ	473.031	948.355	1.421.386
Dự phòng rủi ro trích lập trong năm	409.322	117.037	526.359
Tăng do sáp nhập VVF	15.403	940	16.343
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro trong năm	(167.263)	-	(167.263)
Chênh lệch tỷ giá	<u>560</u>	<u>-</u>	<u>560</u>
Số dư cuối kỳ	<u>731.053</u>	<u>1.066.332</u>	<u>1.797.385</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

13.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	12.268.348	10.788.497
Chứng khoán nợ	12.234.750	10.754.899
Trái phiếu Chính phủ	7.996.543	6.426.047
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	2.799.851	2.599.788
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	1.438.356	1.729.064
Chứng khoán vốn	33.598	33.598
Chứng khoán vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	796	796
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	32.802	32.802
Dự phòng giảm giá chứng khoán sẵn sàng để bán	(125.904)	(125.790)
- Dự phòng cụ thể	(107.901)	(108.050)
- Dự phòng chung	(18.003)	(17.740)
	12.142.444	10.662.707

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ ba (3) năm đến mười (10) năm và được hưởng lãi suất từ 4,60%/năm đến 12,20%/năm.

Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành có thời hạn từ một (1) năm đến mười (10) năm và được hưởng lãi suất từ 6,70%/năm đến 9,00%/năm.

Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ một (1) năm đến mười lăm (15) năm và được hưởng lãi suất 8,98%/năm.

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Trái phiếu niêm yết	7.534.542	5.911.589
Trái phiếu chưa niêm yết	4.700.208	4.843.310
Chứng khoán vốn niêm yết	1.598	1.598
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	32.000	32.000
	12.268.348	10.788.497

13.2 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	8.118.810	7.824.444
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác	2.564.052	1.615.409
	10.682.862	9.439.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

13.2 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

13.2.1 Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Mệnh giá trái phiếu đặc biệt	8.118.810	7.824.444
Dự phòng trái phiếu đặc biệt (*)	(1.602.984)	(1.254.887)
	6.515.826	6.569.557

(*) Áp dụng chính sách kế toán riêng được trình bày tại Thuyết minh số 4.3, dự phòng cho trái phiếu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") được phân bổ đến năm 2024.

13.2.2 Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn khác

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.564.052	1.615.409
Trái phiếu Chính phủ	149.719	-
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	1.799.797	999.879
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	614.536	615.530
Dự phòng chung chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	(14.358)	(1.050)
	2.549.694	1.614.359

Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn hai mươi (20) năm và được hưởng lãi suất 7,40%/năm.

Chứng khoán nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành có thời hạn từ sáu (6) tháng đến mười (10) năm và được hưởng lãi suất từ 7,00%/năm đến 8,20%/năm

Chứng khoán nợ do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành có thời hạn từ chín (9) năm đến mười (10) năm và được hưởng lãi suất từ 8,90%/năm đến 15,25%/năm

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Trái phiếu niêm yết	149.719	-
Chứng khoán nợ khác chưa niêm yết	2.414.333	1.615.409
	2.564.052	1.615.409

13.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.914.895	5.200.317
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	684.000
Nợ có khả năng mất vốn	150.000	-
	6.064.895	5.884.317

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác	227.250	229.393
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(11.785)	(6.444)
	215.465	222.949

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

15.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định hữu hình trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND

Nguyên giá

Số đầu năm	325.290	314.867	202.081	93.743	26.723	962.704
Mua trong năm	-	20.356	9.950	4.961	3.088	38.355
Tăng do hoàn thành mua sắm TSCĐ	52.749	-	-	-	-	52.749
Thanh lý, nhượng bán	(15.356)	(863)	(3.107)	(3.528)	(2.836)	(25.690)
Thoái vốn SHBS	-	(14.099)	(518)	-	(90)	(14.707)
Thay đổi khác	448	35	8	(2.471)	-	(1.980)
Số cuối năm	<u>363.131</u>	<u>320.296</u>	<u>208.414</u>	<u>92.705</u>	<u>26.885</u>	<u>1.011.431</u>

Giá trị hao mòn lũy kế

Số đầu năm	83.639	227.524	121.024	82.601	23.870	538.658
Khấu hao trong năm	18.151	37.784	19.140	5.131	3.012	83.218
Thanh lý, nhượng bán	(11.640)	(789)	(3.072)	(3.171)	(2.768)	(21.440)
Thoái vốn SHBS	-	(14.099)	(518)	-	(90)	(14.707)
Thay đổi khác	197	21	10	50	-	278
Số cuối năm	<u>90.347</u>	<u>250.441</u>	<u>136.584</u>	<u>84.611</u>	<u>24.024</u>	<u>586.007</u>

Giá trị còn lại của TSCĐ

Số đầu năm	<u>241.651</u>	<u>87.343</u>	<u>81.057</u>	<u>11.142</u>	<u>2.853</u>	<u>424.046</u>
Số cuối năm	<u>272.784</u>	<u>69.855</u>	<u>71.830</u>	<u>8.094</u>	<u>2.861</u>	<u>425.424</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

15.2 Tài sản cố định vô hình

Biến động của tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	_____ triệu VND	_____ triệu VND	_____ triệu VND	_____ triệu VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	3.478.880	207.848	40.188	3.726.916
Mua trong năm	12.215	13.770	155	26.140
Thanh lý, nhượng bán	(4.294)	-	-	(4.294)
Thoái vốn SHBS	-	(9.787)	(440)	(10.227)
Giảm khác	-	(20)	(26)	(46)
Số cuối năm	<u>3.486.801</u>	<u>211.811</u>	<u>39.877</u>	<u>3.738.489</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	5.647	160.748	22.515	188.910
Khấu hao trong năm	158	27.122	5.557	32.837
Thoái vốn SHBS	-	(9.677)	(439)	(10.116)
Giảm khác	-	(19)	(16)	(35)
Số cuối năm	<u>5.805</u>	<u>178.174</u>	<u>27.617</u>	<u>211.596</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>3.473.233</u>	<u>47.100</u>	<u>17.673</u>	<u>3.538.006</u>
Số cuối năm	<u>3.480.996</u>	<u>33.637</u>	<u>12.260</u>	<u>3.526.893</u>

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Biến động của bất động sản đầu tư trong năm như sau:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
	_____ triệu VND	_____ triệu VND	_____ triệu VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.822	13.579	17.401
Thanh lý, nhượng bán	<u>(3.822)</u>	<u>(13.579)</u>	<u>(17.401)</u>
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	586	-	586
Khấu hao trong năm	<u>586</u>	-	<u>586</u>
Thanh lý, nhượng bán	<u>(1.172)</u>	-	<u>(1.172)</u>
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	<u>3.236</u>	<u>13.579</u>	<u>16.815</u>
Số cuối năm	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	Thuyết minh	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 (trình bày lại) triệu VND
Các khoản lãi, phí phải thu		7.955.903	7.875.554
Các khoản phải thu		13.411.455	8.510.417
- Các khoản phải thu	17.1	13.326.319	8.395.922
- Mua sắm TSCĐ và XDCB dở dang	17.2	85.136	114.495
Tài sản Có khác		5.395.762	6.719.575
- Các khoản ủy thác đầu tư	17.3	1.926.309	1.926.309
- Tài sản Có khác	17.4	3.469.453	4.793.266
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	17.5	(410.374)	(212.446)
		26.352.746	22.893.100

17.1 Các khoản phải thu

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 (trình bày lại) triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	113.775	73.950
Phải thu cán bộ công nhân viên	19.637	66.244
Phải thu nội bộ khác	94.138	7.706
Các khoản phải thu bên ngoài	13.212.544	8.321.972
Tạm ứng nộp thuế TNDN (Thuyết minh số 22)	-	229
Phải thu ngân sách	24.816	62.751
Các khoản bán nợ VAMC chưa nhận được trái phiếu	-	232.623
Đặt cọc mọi giới chứng khoán	250.000	70.000
Phải thu của SHBS	-	63.086
Phải thu liên quan thư tín dụng trả chậm	8.095.834	6.804.949
Phải thu tiền bán chứng khoán	3.495.389	-
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ tư vấn	416.070	-
Phải thu về thuê đất của công ty con	625.557	627.993
Phải thu khác	304.878	460.341
	13.326.319	8.395.922

17.2 Mua sắm TSCĐ và XDCB dở dang

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Mua sắm trụ sở, quyền sử dụng đất	43.333	33.778
Xây dựng cơ bản dở dang	26.903	71.552
Các tài sản khác	14.900	9.165
	85.136	114.495

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

17.3 Các khoản ủy thác

Chi tiết các khoản ủy thác của SHB tại ngày cuối năm tài chính bao gồm:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Ủy thác quản lý danh mục đầu tư	651	651
Ủy thác REPO tài sản	1.405.398	1.405.398
Ủy thác khác	520.260	520.260
	1.926.309	1.926.309

17.4 Tài sản Có khác

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Chi phí chờ phân bổ	345.267	165.682
Tài sản gán nợ chờ xử lý	1.428.242	1.278.693
Các khoản chờ thanh toán khác	627.735	2.123.118
Nợ cho vay chờ xử lý – Vinashin	828.584	948.584
Hàng hóa bất động sản của SHAMC	97.191	133.139
Tài sản Có khác	142.434	144.050
	3.469.453	4.793.266

Các khoản nợ cho vay chờ xử lý – Vinashin được xử lý và phân loại lại sang các tài sản có khác theo hướng dẫn của NHNN.

17.5 Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Dự phòng ủy thác đầu tư	386.400	129.700
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	23.974	82.746
	410.374	212.446

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Các khoản nợ Chính phủ và NHNN bao gồm khoản vay tái chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng tại NHNN kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến một (1) năm, lãi suất từ 3,50%/năm đến 4,25% (năm 2016: 3,50%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016 (trình bày lại)
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi từ các TCTD khác	33.297.858	23.299.257
Tiền gửi không kỳ hạn	19.995.524	11.890.660
Bằng VND	19.036.291	11.834.285
Bằng ngoại tệ	959.233	56.375
Tiền gửi có kỳ hạn	13.302.334	11.408.597
Bằng VND	11.250.300	9.236.500
Bằng ngoại tệ	2.052.034	2.172.097
Vay các TCTD khác	11.606.727	10.010.175
Bằng VND	10.261.036	8.511.444
Bằng ngoại tệ	905.643	1.082.467
Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II, III và từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế thuộc Ngân hàng Thế giới (*)	440.048	416.264
Phải trả trong nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm	8.095.834	6.804.949
	53.000.419	40.114.381

(*) Vay từ Dự án Tài chính Nông thôn II và Dự án Tài chính Nông thôn III là các khoản vay từ Ngân hàng Thế giới nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các hộ gia đình với mục tiêu phát triển nông thôn và giảm nghèo. Lãi suất cho vay tới các hộ gia đình tùy theo mức lãi suất áp dụng của Ngân hàng trong từng giai đoạn.

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các tổ chức tín dụng khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	%/năm	%/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	1,20% - 5,00%	1,90% - 5,90%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	1,60% - 3,00%	0,10% - 1,75%
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	1,10% - 5,95%	3,30% - 6,00%
Tiền vay các TCTD khác bằng ngoại tệ	0,75% - 2,79%	1,51% - 2,36%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

20.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	31/12/2017	31/12/2016
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	17.752.881	19.060.922
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	16.214.179	17.487.499
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.538.702	1.573.423
Tiền gửi có kỳ hạn	176.152.566	146.322.581
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	164.002.428	132.528.676
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	12.150.138	13.793.905
Tiền gửi vốn chuyên dùng	89.831	24.389
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	89.809	204
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	22	24.185
Tiền ký quỹ	894.492	1.168.325
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	872.353	1.156.856
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	22.139	11.469
	194.889.770	166.576.217

20.2 Thuyết minh theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2017	31/12/2016
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi của TCKT	58.819.060	58.026.164
Tiền gửi của cá nhân	125.990.775	102.675.897
Tiền gửi của các đối tượng khác	10.079.935	5.874.156
	194.889.770	166.576.217

Mức lãi suất tiền gửi khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
	%/năm	%/năm
Tại thị trường Việt Nam		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	1,00% - 7,60%	1,00% - 7,20%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,00%	0,00% - 2,00%
Tại thị trường Lào		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng LAK	2,57% - 12,75%	3,20% - 12,75%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,00% - 6,25%	1,60% - 6,00%
Tại thị trường Campuchia		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,70% - 5,75%	3,10% - 5,85%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2017	31/12/2016
<i>Tổ chức tài trợ, ủy thác đầu tư</i>	<i>triệu VND</i>	<i>triệu VND</i>
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III	418.205	389.848
Vay dài hạn Dự án Phát triển Năng lượng tái tạo	470.391	419.039
Vay trung, dài hạn từ Dự án chuyển đổi Nông thôn bền vững	173.399	-
Vay trung, dài hạn từ Dự án Tài trợ lưới điện thông minh	2.166	-
	1.064.161	808.887

Vay từ Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và Dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn III là các khoản vay từ Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) thông qua Ban Quản lý các dự án tín dụng quốc tế ODA - NHNN nhằm cho vay lại đối với các TCTD tham gia để cung cấp các khoản vay tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ đáp ứng các điều kiện theo quy định của dự án.

Vay dài hạn từ Dự án Phát triển Năng lượng Tái tạo là khoản vay từ Ngân hàng Thế giới thông qua Bộ Tài chính, nhằm thông qua các Tổ chức Tín dụng tham gia để cung cấp các khoản vay tới các dự án đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo.

Vay trung, dài hạn từ Dự án chuyển đổi Nông thôn bền vững là khoản vay lại từ Ngân hàng thế giới để cung cấp vốn tới các khoản vay trong 02 ngành lúa gạo và cà phê ở 02 vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Tây Nguyên.

22. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2017		31/12/2016	
	<i>triệu VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>triệu VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>
Kỳ phiếu	11.744.634	2 - 9 tháng	13.767.675	2 - 9 tháng
Trái phiếu	3.000.000	6 - 10 năm	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	222.635	6 - 8 năm	-	-
	14.967.269		13.767.675	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ	13.593	3.630
Các khoản phải trả công nhân viên	4.086	-
Các khoản phải trả khác	9.507	3.630
Các khoản phải trả bên ngoài	487.721	449.020
Thuế GTGT	43.051	41.891
Thuế TNDN	178.226	60.315
Các khoản phải nộp Nhà nước khác	8.236	15.392
Các khoản chờ thanh toán	256.349	274.454
Phải trả hoạt động khác	1.859	56.968
Quỹ khen thưởng phúc lợi	34.384	24.009
	535.698	476.659

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: triệu VND

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	41.801	133.870	(132.620)	43.051
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	29.007	32.116	(58.642)	2.481
Thuế TNDN	60.315	386.182	(268.271)	178.226
Các loại thuế khác	15.126	33.449	(40.339)	8.236
	146.249	585.617	(499.872)	231.994

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế tại Việt Nam (năm 2016: 20%).

Đối với SHB Campuchia, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Campuchia. Theo Luật Thuế ngày 8 tháng 1 năm 1997, số thuế thu nhập doanh nghiệp của SHB Campuchia được xác định là số lớn hơn giữa giá trị thuế phải nộp tối thiểu, được xác định bằng 1% tổng doanh thu (có bao gồm thuế giá trị gia tăng) hoặc 20% lợi nhuận thu được. Thuế TNDN của SHB Campuchia cho năm 2017 được xác định bằng 20% lợi nhuận thu được.

Đối với SHB Lào, Ngân hàng thực hiện tính và xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo các quy định về thuế thu nhập tại Lào. Theo Pháp lệnh Thuế số 001/PRD do Thủ tướng Lào ban hành ngày 1 tháng 3 năm 2011, số thuế TNDN của SHB Lào được xác định bằng 24% lợi nhuận thu được.

Các báo cáo thuế của SHB sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với từng loại nghiệp vụ và tại từng quốc gia có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế nước sở tại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế có thể khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của SHB và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của SHB được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

24.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.925.311	1.156.439
Điều chỉnh cho các khoản:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(51.950)	(2.127)
- Chi phí không được khấu trừ	3.715	4.884
- Lợi nhuận từ chi nhánh nước ngoài	-	(74.165)
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(158.950)	-
- Lỗ không chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(35.755)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN của Ngân hàng	1.682.371	1.085.031
Chi phí thuế TNDN của hệ thống Ngân hàng mẹ	343.415	217.006
Chi phí thuế TNDN của các công ty con	42.492	26.372
Điều chỉnh lại chi phí thuế của công ty con	276	-
Tổng chi phí thuế TNDN trong năm	386.183	243.378
Thuế TNDN phải trả đầu năm	60.315	63.597
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(38.888)	(81.906)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của hoạt động kinh doanh	(229.073)	(164.533)
Điều chỉnh theo quyết toán thuế của ngân hàng mẹ	(343)	-
Điều chỉnh thuế của các công ty con	127	-
Tăng do sáp nhập VVF	-	(221)
Chênh lệch tỷ giá	(95)	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	178.226	60.315

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ DỮ TRỮ

25.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn của Ngân hàng trong năm hiện hành được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đơn vị: triệu VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	11.196.891	101.716	(5.260)	25.013	682.932	329.292	1.022	897.661	2.306	13.231.573
Thay đổi trong kỳ										
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.539.128	-	1.539.128
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo Nghị Quyết năm 2017	-	-	-	-	-	1.620	-	(1.620)	-	-
Quỹ khác thuộc về cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	230	-	-	-	(230)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị Quyết năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	(20.000)	-	(20.000)
Thuế giữ lại từ chuyển lợi nhuận của công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(5.566)	-	(5.566)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	(3.238)	-	(3.238)
Điều chỉnh thuế phải nộp của SHBAMC	-	-	-	-	-	-	-	(153)	-	(153)
Tạm trích quỹ năm 2018	-	-	-	-	135.459	74.806	-	(210.265)	-	-
Thanh lý SHBS	-	-	-	-	(15.000)	(15.000)	-	(19.391)	(2.076)	(51.467)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	(16)	-	959	-	946
Số dư cuối kỳ	11.196.891	101.716	(5.260)	25.013	803.621	390.702	1.022	2.177.515	-	14.691.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ DỮ TRỮ (tiếp theo)

25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng tại ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2017	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.119.689.100	1.119.689.100
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.119.689.100	1.119.689.100
Cổ phiếu phổ thông	1.119.689.100	1.119.689.100
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	496.186	496.186
Cổ phiếu phổ thông	496.186	496.186
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.119.192.914	1.119.192.914
Cổ phiếu phổ thông	1.119.192.914	1.119.192.914
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

25.2 Các quỹ của Ngân hàng

Theo các quy định của pháp luật, Ngân hàng phải trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính. Việc trích lập sẽ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hàng năm theo quy định của pháp luật.

Trên thực tế trong năm 2017, Ngân hàng đã tạm trích lập các quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% Lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% Lợi nhuận sau thuế	25% vốn điều lệ

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn Chế độ Tài chính đối với Công ty Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản trực thuộc Ngân hàng Thương mại của Bộ Tài chính, các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thực hiện việc trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc theo các quy định hiện hành của Nhà nước áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập công ty.

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, kể từ năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015, SHAMC không tiếp tục trích Quỹ dự phòng tài chính.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN VÀ CÁC QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

25.2 Các quỹ của Ngân hàng (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng TNHH Sài Gòn – Hà Nội Lào (SHB Lào)

Theo Quy định về quỹ dự trữ bắt buộc số 01/BOL do Thống đốc Ngân hàng Trung ương Lào ban hành ngày 28 tháng 8 năm 2001, và các quy định có liên quan, các ngân hàng thương mại thực hiện trích lập quỹ dự trữ bắt buộc tối thiểu 5% của lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ lỗ lũy kế cho đến khi số dư không thấp hơn 10% vốn cấp 1 hoặc trích lập nhiều hơn phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Ban Điều hành. Trong năm 2017, SHB Lào đã thực hiện tạm trích quỹ dự trữ bắt buộc bằng 10% lợi nhuận sau thuế.

Đại hội đồng Cổ đông của Ngân hàng sẽ thông qua chính thức việc trích lập các quỹ dự trữ cho năm tài chính 2017 của Ngân hàng mẹ và các công ty con.

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng	1.539.128	913.248
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.019.466.887	1.019.466.887
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.510	896

27. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Thu nhập lãi tiền gửi	393.956	328.026
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	14.658.175	12.894.127
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán nợ	1.139.572	961.944
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.854.823	304.781
Thu nhập từ hoạt động bảo lãnh	173.688	79.775
	18.220.214	14.568.653

28. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Trả lãi tiền gửi	11.493.165	9.301.976
Trả lãi tiền vay	473.635	301.591
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.124.006	722.892
Chi phí hoạt động tín dụng khác	332.748	66.746
	13.423.554	10.393.205

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	1.526.170	409.808
Dịch vụ thanh toán	191.422	135.519
Hoạt động ngân quỹ	16.011	17.618
Dịch vụ đại lý, tư vấn	1.242.838	191.869
Dịch vụ khác	75.899	64.802
Chi phí hoạt động dịch vụ	69.305	71.743
Dịch vụ thanh toán	44.470	21.980
Hoạt động ngân quỹ	10.179	19.206
Dịch vụ khác	14.656	30.557
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.456.865	338.065

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	855.265	521.178
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	479.847	121.513
Thu từ kinh doanh vàng	176	1.285
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	79.396	132.659
Thu từ chênh lệch tỷ giá	295.846	265.721
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	801.018	419.138
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	434.067	130.232
Chi về kinh doanh vàng	88	1.248
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	145.906	115.624
Chi từ chênh lệch tỷ giá	220.957	172.034
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	54.247	102.040

31. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2017 triệu VND	2016 triệu VND
Lãi/(lỗ) mua bán chứng khoán kinh doanh	5.056	(2.170)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng chứng khoán kinh doanh	11.400	(7.934)
Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	16.456	(10.104)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2017 triệu VND	2016 (trình bày lại) triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	23.163	17.582
Chi phí mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(23.225)	(8.795)
Hoàn nhập/trích lập chứng khoán sẵn sàng để bán	(114)	1.552
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán sẵn sàng để bán	(176)	10.339
Chi phí về mua bán chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	1.111	-
Hoàn nhập/trích lập dự phòng chứng khoán HTM	(13.307)	-
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	(12.196)	-
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư	(12.372)	10.339

33. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2017 triệu VND	2016 (trình bày lại) triệu VND
Thu từ xử lý tài sản xiết nợ	135.956	-
Thu hồi nợ đã xử lý rủi ro trong những năm trước	16.912	52.998
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	203.443	538.765
Thu nhập khác	3.667	144.660
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác	359.978	736.423
Chi xử lý tài sản xiết nợ	149.304	-
Chi công tác xã hội	7.387	29.885
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	16.229	160.710
Lỗ bán khoản đầu tư	24.051	-
Chi về hoạt động kinh doanh khác	25.515	197.632
Chi phí về hoạt động kinh doanh khác	222.486	388.227
Lãi thuần từ hoạt động khác	137.492	348.196

34. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2017 triệu VND	2016 (trình bày lại) triệu VND
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, mua cổ phần		
- từ chứng khoán vốn đầu tư	900	-
- từ góp vốn, đầu tư dài hạn	1.916	2.127
	2.816	2.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2017 <i>triệu VND</i>	2016 <i>triệu VND</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	28.134	35.777
Chi phí cho nhân viên	1.566.067	1.393.682
Chi lương và phụ cấp	1.356.709	1.246.423
Các khoản chi đóng góp theo lương	84.156	73.781
Chi trợ cấp và chi khác cho nhân viên	125.202	73.478
Chi về tài sản	408.687	413.712
Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	116.641	123.355
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	468.580	397.015
Trong đó:		
- Công tác phí	20.176	13.921
- Chi về các hoạt động đoàn thể của TCTD	107	103
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của KH	143.148	121.078
Hoàn nhập dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn	5.947	(1.464)
Chi dự phòng rủi ro khác	276.334	147.959
	2.896.897	2.507.759

36. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thuần thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	31/12/2017 <i>triệu VND</i>	31/12/2016 <i>triệu VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	1.446.548	1.291.694
Tiền gửi tại NHNN	3.742.659	2.718.757
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD khác	20.812.077	12.320.394
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	7.047.433	10.011.302
	33.048.717	26.342.147

37. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	Thực tế phát sinh năm 2017	Thực tế phát sinh năm 2016
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	6.402	6.351
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (triệu VND)	1.356.709	1.246.423
III. Thu nhập bình quân/tháng (triệu VND/người/tháng)	17.66	16.35

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ SỔ SÁCH TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG VAY

	Giá trị sổ sách (triệu VND)	
	31/12/2017	31/12/2016
Bất động sản	180.743.105	142.242.648
Động sản	44.428.824	41.864.819
Chứng từ có giá	31.913.273	22.282.769
Tài sản khác	228.243.002	178.136.039
	485.328.204	384.526.275

39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường là người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng vào ngày cuối năm tài chính như sau:

	31/12/2017 triệu VND	31/12/2016 triệu VND
Bảo lãnh vay vốn	179.955	176.415
Cam kết giao dịch hối đoái	18.542.149	20.258.207
Cam kết giao dịch hoán đổi	18.542.149	20.258.207
Cam kết trong nghiệp vụ LC	14.695.470	10.670.815
Bảo lãnh khác	23.117.644	12.157.598
Các cam kết khác	-	250.000
	56.535.218	43.513.035

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với SHB. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với SHB nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi SHB (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào SHB và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới SHB;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát SHB;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà SHB là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Tổng Giám đốc của SHB hoặc công ty mẹ của SHB;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Tóm tắt giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Các giao dịch	triệu VND
Thu cổ tức từ công ty liên quan	1.157
Thu lãi ủy thác đầu tư	4.395
Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	14.486

Tóm tắt các khoản phải thu, phải trả các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Các giao dịch	Phải thu triệu VND	Phải trả triệu VND
Lãi phải thu từ cho vay, UTĐT, đầu tư trái phiếu	231.773	-
Tiền gửi không kỳ hạn	-	72.387
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.435.002
Vốn góp của các bên liên quan	-	1.191.991

41. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

Đơn vị: triệu VND

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	Các cam kết tín dụng	CCTC phải sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	224.200.529	265.557.695	37.986.227	134.895	22.951.210
Nước ngoài	7.603.553	1.095.784	6.842	1.370	-
	231.804.082	266.653.479	37.993.069	136.265	22.951.210

42. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mục tiêu của SHB là tối đa hóa giá trị đầu tư của cổ đông, giữ vững tốc độ tăng trưởng lợi nhuận và đảm bảo tình hình tài chính lành mạnh. Do vậy, việc sử dụng các công cụ tài chính, bao gồm nhận tiền gửi của khách hàng và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp SHB đạt được mức chênh lệch lãi suất cần thiết. Xét từ khía cạnh quản lý rủi ro, điều này đòi hỏi SHB kết hợp một cách cân đối giữa các cam kết ngoại bảng (như bảo lãnh và thư tín dụng) với các khoản cho vay (bằng đồng nội tệ cũng như ngoại tệ) đối với các cá nhân và tổ chức thuộc các mức độ tin cậy khác nhau. Bên cạnh đó, SHB cũng đầu tư một phần vốn lưu động vào các chứng khoán đầu tư hay cho các ngân hàng khác vay. Những rủi ro liên quan đến trao đổi ngoại tệ và thay đổi lãi suất được quản lý thông qua áp dụng hạn mức trạng thái nhằm hạn chế sự tập trung quá mức, đồng thời tham gia vào các hoạt động có tác dụng cân bằng lẫn nhau để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu bảng cân đối kế toán hợp nhất của SHB có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, SHB đã sử dụng cầm nang tín dụng trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của SHB. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác và các giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. SHB thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc áp dụng các quy trình quản lý rủi ro nội bộ cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung, theo đó toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của SHB đều do Hội sở chính thực hiện. Việc đó cho phép SHB giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

43. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

SHB kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức thanh toán tương ứng với mức độ rủi ro mà SHB có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực, khu vực địa lý, ngành nghề.

SHB đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về tình hình tài chính, khả năng trả nợ của các bên đối tác dựa trên các yếu tố định tính, định lượng. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

43.1 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá trị của SHB bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC.

SHB đánh giá rằng SHB hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

43. RỦI RO TÍN DỤNG(tiếp theo)

43.2 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá chủ yếu bao gồm các khoản cho vay khách hàng được SHB phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 và các khoản phải thu quá hạn theo quy định của Thông tư 02 số Thông tư 09 nhưng có đầy đủ tài sản đảm bảo, bao gồm bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản đảm bảo khác.

Ngoài ra các tài sản tài chính này còn bao gồm các khoản cho vay Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam ("Vinashin", được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Tàu Thủy – "SBIC") và các đơn vị thành viên liên quan. Các tài sản này sẽ được xử lý theo chủ trương chung của Chính phủ.

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

44.1 Rủi ro lãi suất

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 20.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế

Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục tài sản và nguồn vốn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và công nợ của SHB:

- ▶ Tiền mặt, vàng; góp vốn đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác) được xếp loại khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- ▶ Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại đến một tháng.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:
 - ▶ Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - ▶ Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - ▶ Các chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh là chứng khoán vốn được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD; các khoản cho vay khách hàng; các khoản ủy thác; các khoản nợ Chính phủ và NHNN Việt Nam; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng và khoản mục tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá; nguồn vốn ủy thác đầu tư; cho vay mà TCTD chịu rủi ro được xác định như sau:
 - ▶ Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - ▶ Các khoản mục có lãi suất thả nổi: Thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- ▶ Thời hạn định lại lãi suất của các khoản nợ khác được xếp vào khoản mục không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất.

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế (tiếp theo)

Bảng dưới đây thể hiện kỳ định lại lãi suất của tài sản và công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Đơn vị: triệu VND

	Quá hạn	Không bị ảnh hưởng do định lại lãi suất	Thay đổi lãi suất trong khoảng thời gian					Tổng
			Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	1.446.548	-	-	-	-	-	1.446.548
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.742.659	-	-	-	-	3.742.659
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	24.430.584	5.056.692	3.958.965	67.275	-	33.513.516
Chứng khoán kinh doanh	-	3.889	-	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	136.265	-	-	-	-	-	136.265
Cho vay khách hàng (*)	7.921.871	-	63.617.993	87.724.107	17.485.187	13.213.372	7.573.437	198.290.566
Chứng khoán đầu tư (*)	150.000	8.152.409	-	357	1.099.861	3.789.029	7.083.406	22.951.210
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	227.250	-	-	-	-	-	227.250
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	3.952.317	-	-	-	-	-	3.952.317
Tài sản Có khác (*)	3.627.176	23.135.944	-	-	-	-	-	26.763.120
Tổng tài sản	11.699.047	37.054.622	91.791.236	92.781.156	22.544.013	17.069.676	14.656.843	291.027.340
Nợ phải trả								
Tiền gửi và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	38.683.596	11.599.233	5.137.570	332.474	2.047	55.758.762
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.362.701	42.185.113	43.709.958	40.181.015	6.447.810	194.889.770
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	1.061.995	-	2.166	1.064.161
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	5.185.000	6.559.000	1.000.634	14.967.269
Các khoản nợ khác	-	4.638.899	-	-	-	-	-	4.638.899
Tổng nợ phải trả	-	4.638.899	101.046.297	53.784.346	55.094.523	47.072.489	7.452.657	271.318.861
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	11.699.047	32.415.723	(9.255.061)	38.996.810	(32.550.510)	(30.002.813)	7.204.186	19.708.479

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

SHB được thành lập và hoạt động chủ yếu tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của SHB cũng là VND. Các tài sản của SHB chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản khác của SHB lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. SHB đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được SHB sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

4. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.2 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo loại tiền tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm

Đơn vị: triệu VND

	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Các ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản				
Tiền mặt, vàng	34.847	507.125	18.095	560.067
Tiền gửi tại NHNN	-	1.394.747	-	1.394.747
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	106.368	4.059.295	773.852	4.939.515
Chứng khoán kinh doanh (*)	-	-	-	-
Các công cụ tài chính phái sinh	95.407	710.063	-	805.470
Cho vay khách hàng (*)	18.850	14.318.366	693.129	15.030.345
Chứng khoán đầu tư (*)	-	-	-	-
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	16.877	4.318	21.195
Các tài sản Có khác (*)	40	9.530.765	53.964	9.584.769
Tổng tài sản	255.512	30.537.238	1.543.358	32.336.108
Nợ phải trả				
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	12.011.323	-	12.011.323
Tiền gửi của khách hàng	251.617	13.374.249	86.514	13.712.380
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	4.897.685	190.398	5.088.083
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD nhận rủi ro	2.166	-	-	2.166
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-
Các khoản nợ khác	351	72.740	18.734	91.825
Vốn và quỹ khác	-	115.605	41.629	157.234
Tổng nợ phải trả	254.134	30.471.602	337.275	31.063.011
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.378	65.636	1.206.083	1.273.097
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	1.378	65.636	1.206.083	1.273.097

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. RỦI RO THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

44.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro SHB gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các công nợ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi SHB có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, SHB phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của SHB. Đồng thời, SHB cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. SHB cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và công nợ của SHB:

- ▶ Tiền gửi tại NHNN được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc. Số dư của tiền gửi dự trữ bắt buộc phụ thuộc vào thành phần và kỳ hạn của các khoản tiền gửi khách hàng của Ngân hàng.
- ▶ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư là chứng khoán nợ được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ▶ Chứng khoán kinh doanh được xếp vào loại kỳ hạn đến 1 tháng.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Ngoài ra, các khoản cho vay khách hàng được thể hiện bằng giá trị gốc không bao gồm dự phòng rủi ro.
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần, các khoản đầu tư chứng khoán vốn được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ▶ Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ▶ Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.

44.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Phân loại tài sản và công nợ theo thời gian đáo hạn còn lại vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Quá hạn		Trong hạn				Đơn vị: triệu VND	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm		Tổng
Tài sản								
Tiền mặt, vàng	-	-	1.446.548	-	-	-	-	1.446.548
Tiền gửi tại NHNN	-	-	3.742.659	-	-	-	-	3.742.659
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	24.430.584	5.056.692	4.026.240	-	-	33.513.516
Chứng khoán kinh doanh	-	-	3.889	-	-	-	-	3.889
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	136.265	-	-	-	-	136.265
Cho vay khách hàng (*)	4.623.697	3.298.174	17.663.184	17.537.801	61.711.683	59.586.956	33.869.071	198.290.566
Chứng khoán đầu tư (*)	150.000	-	33.599	-	2.489.040	13.557.465	6.721.106	22.951.210
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	227.250	227.250
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	811.584	2.342	15.491	153.589	2.969.311	3.952.317
Tài sản Có khác (*)	3.626.455	721	16.204.082	1.875.293	4.761.060	286.886	8.623	26.763.120
Tổng tài sản	8.400.152	3.298.895	64.472.394	24.472.128	73.003.514	73.584.896	43.795.361	291.027.340
Nợ phải trả								
Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	37.812.185	11.407.248	6.257.516	261.492	20.321	55.758.762
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.362.701	42.185.113	83.890.973	6.447.810	3.173	194.889.770
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay chịu rủi ro	-	-	6.882	27.856	105.430	456.246	467.747	1.064.161
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	11.744.000	-	3.223.269	14.967.269
Các khoản nợ khác	-	-	4.638.899	-	-	-	-	4.638.899
Tổng nợ phải trả	-	-	104.820.667	53.620.217	101.997.919	7.165.548	3.714.510	271.318.861
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	8.400.152	3.298.895	(40.348.273)	(29.148.089)	(28.994.405)	66.419.348	40.080.851	19.708.479

(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU SO SÁNH

Cho mục đích trình bày Báo cáo tài chính và để đảm bảo số liệu so sánh, Ngân hàng đã thực hiện trình bày lại một số các chỉ tiêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và trong năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	31/12/2016 triệu VND	Số liệu (trình bày lại) triệu VND	31/12/2016 (trình bày lại) triệu VND
Bảng cân đối kế toán			
Tài sản có khác	16.088.151	6.804.949	22.893.100
Các khoản phải thu	1.705.468	6.804.949	8.510.417
Tiền gửi và vay các TCTD khác	33.309.432	6.804.949	40.114.381
Vay các TCTD khác	10.010.175	6.804.949	16.815.124

	2016 triệu VND	Số liệu (trình bày lại) triệu VND	2016 (trình bày lại) triệu VND
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	10.539	(200)	10.339
Thu nhập từ hoạt động khác	736.223	200	736.423
Chi phí hoạt động khác	(371.907)	(16.320)	(388.227)
Lãi thuần từ hoạt động khác	364.316	(16.120)	348.196
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	(14.193)	16.320	2.127

46. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của SHB.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

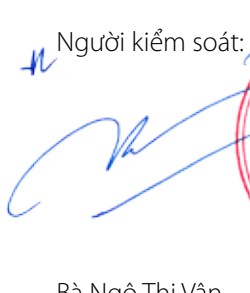
	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
USD	22.425	22.159
EUR	27.259	23.936
GBP	30.693	28.091
CHF	23.306	22.357
JPY	202	195
SGD	16.980	15.717
AUD	17.718	16.422
HKD	2.906	2.935
CAD	18.054	16.943
LAK	2,6966	2,7071
THB	694,6	631,41

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Hạnh Hoa
Kế toán

Người kiểm soát:



Bà Ngô Thị Vân
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Văn Lê
Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 6 tháng 4 năm 2018



Đối tác tin cậy, giải pháp phù hợp

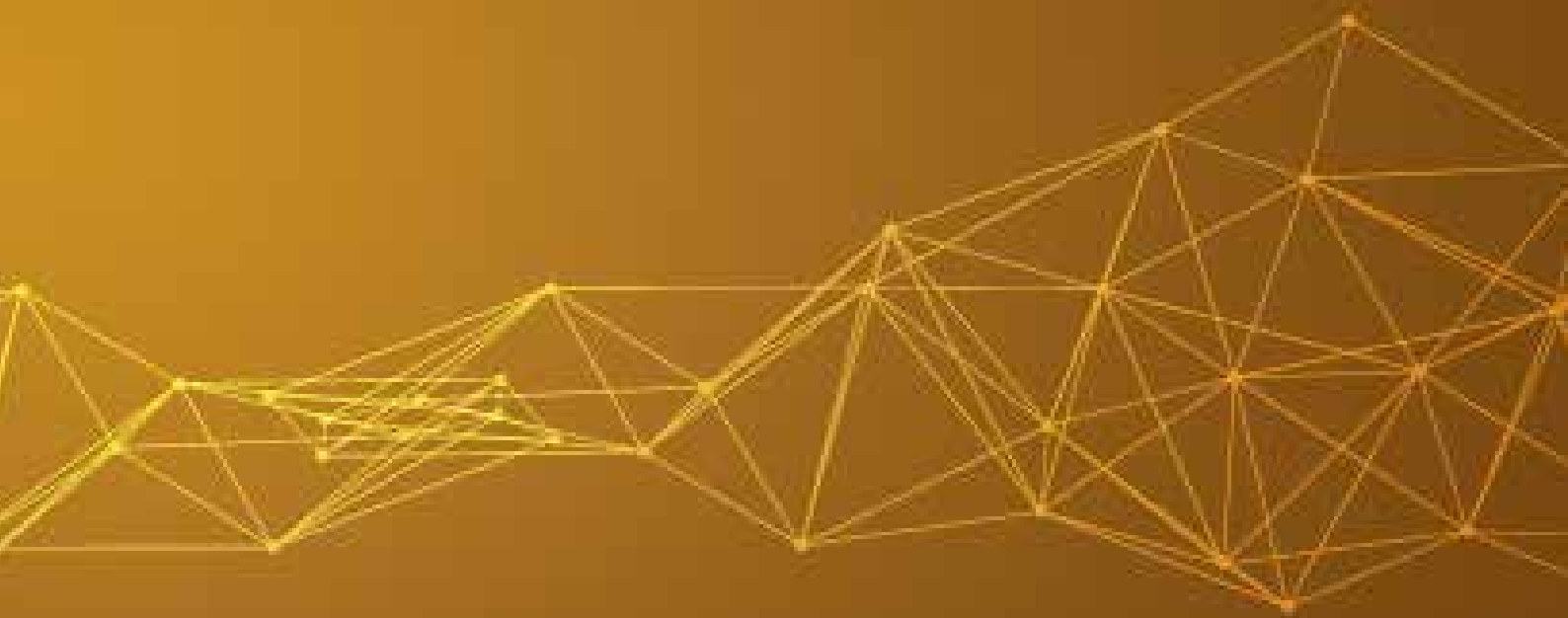
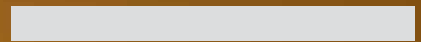


MẠNG LƯỚI



“

Mạng lưới rộng khắp với trên 500 điểm giao dịch tại 40 tỉnh thành của Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia.



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



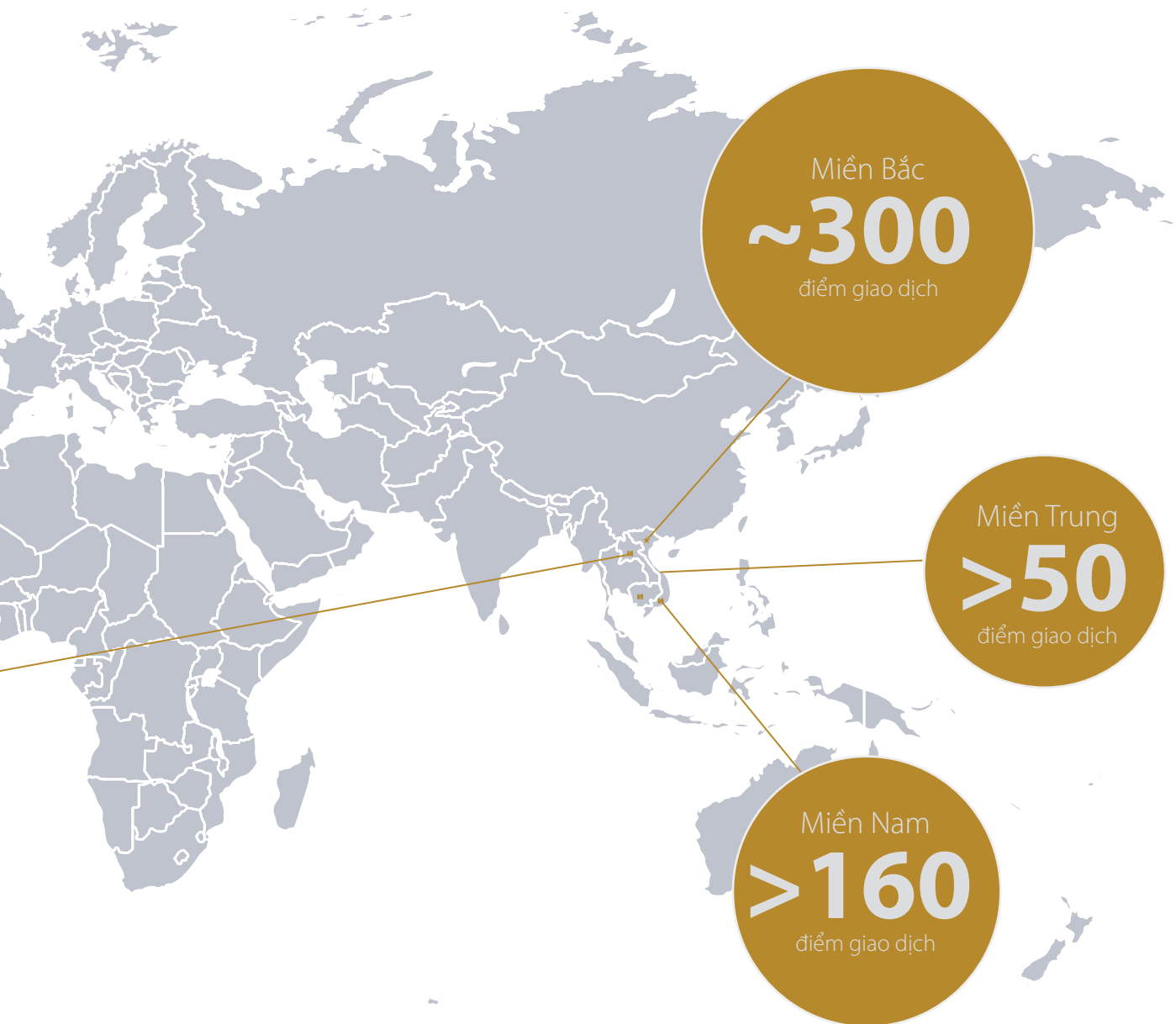
Lào
& Campuchia

07

điểm giao dịch



Mạng lưới rộng khắp với trên 500 điểm giao dịch tại 40 tỉnh thành của Việt Nam và hai nước Lào, Campuchia.



DANH SÁCH CHI NHÁNH

SHB Chi nhánh Hà Nội

Số 49 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Tel: (024) 6256 3666

Fax: (024) 6256 3616

SHB Chi nhánh Thăng Long

Số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ,
Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: (024) 6 276 9189

Fax: (024) 6 279 6167

SHB Chi nhánh Ba Đình

Số 21 Láng Hạ, phường Thành Công,
Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Tel: (024) 3 8460 135

Fax: (024) 3 7263 595

SHB Chi nhánh Hàng Trống

Số 71B Hàng Trống, phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3 9289 175

Fax: (024) 3 9289 262

SHB Chi nhánh Hàm Long

Số 67C Hàm Long, phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3 9432 958

Fax: (024) 3 9432 436

SHB Chi nhánh Hoàn Kiếm

Số 40 phố Hàng Giấy, phường Đồng Xuân,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3825 8926 / (024) 3928 3054

Fax: (024) 3825 8745

SHB Chi nhánh Tây Hà Nội

Căn dịch vụ số 101, Lô C, Khu D5, Nguyễn Phong
Sắc, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tel: (024) 6 2690 530

Fax: (024) 6 2690 531

SHB Chi nhánh Tây Nam Hà Nội

Số 98 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,
Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Tel: (024) 3.7552510

Fax: (024) 3 7563 120

SHB Chi nhánh Vạn Phúc

Số 34 - 36 phố Liễu Giai, phường Cống Vị,
Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Tel: (024) 3 7262 025

Fax: (024) 3 7262 236

SHB Chi nhánh Hàn Thuyên

Số 11 Hàn Thuyên, phường Phạm Đình Hổ,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (024) 3 6248 028

Fax: (024) 3 6248 029

SHB Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính

Tầng 1, Tòa nhà 17T1, KĐT Trung Hòa - Nhân
Chính, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (024) 6 2815 158

Fax: (024) 6 2815 159

SHB Chi nhánh Hà Đông

Số 16-18, đường Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán,
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Tel: (024) 3 3516688

Fax: (024) 3 3546 513

SHB Chi nhánh Lào Cai

Phố Lý Công Uẩn, ngã 6, phường Kim Tân,
TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Tel: (021) 4389 9696

Fax: (021) 4389 9695

SHB Chi nhánh Lạng Sơn

Số 20 đường 17/10, phường Vĩnh Trại,
TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

Tel: (0205) 389 8222

Fax: (0205) 389 8212

SHB Chi nhánh Vĩnh Phúc

Số 361 đường Mê Linh, phường Liên Bảo,
TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Tel: (0211) 3 710 145

Fax: (0211) 3 710 146

SHB Chi nhánh Bắc Ninh

Ngã 6, phường Đại Phúc,
Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 3874636

Fax: (0222) 3874959

SHB Chi nhánh Kinh Bắc

Đường Lý Thái Tổ, phường Đông Ngàn,
thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Tel: (0222) 3 743 036

Fax: (0222) 3 742 444

SHB Chi nhánh SHB Hưng Yên

Đường 196, thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào,
tỉnh Hưng Yên

Tel: (0221) 3742 688

Fax: (0221) 3742 886

SHB Chi nhánh Quảng Ninh

Số 18, Đường 25/4, phường Bạch Đằng,
TP Hạ Long, Quảng Ninh

Tel: (0203) 3723 855

Fax: (0203) 3723 866

SHB Chi nhánh Hải Phòng

Tòa nhà DG Tower, số 15 Trần Phú, phường Lương
Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Tel: (0225) 3652 668

Fax: (0225) 3652 669

SHB Chi nhánh Thanh Hóa

Trung tâm thương mại Thanh Hóa số 27 – 29
Đường Lê Lợi, P. Lam Sơn,

Tp. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa

Tel: (0237) 3855111

Fax: (0237) 3752555

SHB Chi nhánh Nghệ An

Chung cư Tecco Tower số 215 đường Lê Lợi,
Phường Lê Lợi, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Tel: (0238) 3560388

Fax: (0238) 356 0399

SHB Chi nhánh Huế

Số 28 đường Lý Thường Kiệt, phường Vinh Ninh,
TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tel: (0234) 3966688

Fax: (0234) 3944666

SHB Chi nhánh Đà Nẵng

Số 205-207 Nguyễn Văn Linh, phường Nam
Dương, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: (0236) 3584 599

Fax: (0236) 3655 399

SHB Chi nhánh Quảng Nam

Số 215 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh,
Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

Tel: (0235) 3815888

Fax: (0235) 3815777

SHB Chi nhánh Khánh Hòa

11 Lý Thánh Tôn, P. Vạn Thạnh, TP. Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Tel: (0258) 3828777

Fax: (0258) 3828766

SHB Chi nhánh Lâm Đồng

135-145 Phan Đình Phùng, phường 2, TP. Đà Lạt,
tỉnh Lâm Đồng.

Tel: (0263) 3512251

Fax: (0263) 3512000

SHB Chi nhánh Gia Lai

Số 87 Hoàng Văn Thụ, phường Diên Hồng, thành
phố TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Tel: (0269) 3828333

Fax: (0269) 3828499

SHB Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 41-43-45 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. HCM.

Tel: (028) 3821 1112

Fax: (028) 3823 0204

SHB Chi nhánh Sài Gòn

Lô H3, Đường Hoàng Diệu, phường 6, quận 4,
TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3 9434 224

Fax: (028) 3 9434 299

SHB Chi nhánh Phú Nhuận

Số 127 Trần Huy Liệu, phường 12, Q Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (028) 3997 1122

Fax: (028) 3997 1133

SHB Chi nhánh Bình Dương

Số 302, khu 01, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tel: (0274) 3834 101

Fax: (0274) 3834 100

SHB Chi nhánh Đồng Nai

Số 10-11, đường Nguyễn Ái Quốc, KP 8, P. Tân Phong, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Tel: (0251) 8871 666

Fax: (0251) 8871 670

SHB Chi nhánh Vũng Tàu

12G3 Khu Trung Tâm Thương mại, đường Nguyễn Thái Học, P. 7, Tp Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Tel : (0254) 3577676

Fax: (0254) 3577686

SHB Chi nhánh Bình Phước

Số 147 đường Hùng Vương, phường Tân Bình, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Tel: (0271) 3 838 123

Fax: (0271) 3 838 126

SHB Chi nhánh Long An

Số 135 – 137, đường Hùng Vương, Phường 2, Tp. Tân An, tỉnh Long An

Tel: (0272) 3 567 567

Fax: (0272) 3 567 667

SHB Chi nhánh Cần Thơ

Số 138 đường 3/2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Tel: (0292) 3838 389

Fax: (0292) 3839 987

SHB Chi nhánh Kiên Giang

Lô C10 – 50 + 51 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Tel: (0297) 3.947303

Fax : (0297)3947313

SHB Chi nhánh An Giang

Số 6-8 Nguyễn Huệ A, phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Tel: (0296) 3940 309

Fax: (0296) 3941 969

SHB Chi nhánh cấp II Por Senchey

Số 250-252, đường Russie, phường Cacap, quận Por Senchey, Phnom Penh, Cambodia

Tel: +855 23 890 353

Fax: +855 23 890 363

SHB Chi nhánh cấp II Kampong Thom

Làng Stoeung Sen, xã Kampong Krobao, Tp. Stoeung Sen, tỉnh Kampong Thom, Cambodia

Tel: +855 62 210 479

Fax: +855 62 210 478

SHB Chi nhánh cấp II Nehru

Số 161CD, đường Nehru, phường Phsar Depo I, quận Toul Kouk, Phnom Penh, Cambodia

Tel: +855 23 882 358

Fax: +855 23 882 368

SHB Chi nhánh Thái Bình

Số 431 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Tel: (0227) 6278555

Fax: (0227) 6252626

SHB Chi nhánh Sóc Trăng

Số 2 Trần Hưng Đạo, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Tel: (0299) 3819 888

Fax: (0299) 3819 666

SHB Chi nhánh Ninh Bình

Số 55 đường Trần Hưng Đạo, phường Đông Thành, Tp. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình

Tel: (0229) 3888 542

Fax: (0229) 3888 543

SHB Chi nhánh Tuyên Quang

Số 138 đường Nguyễn Trãi, tổ 14, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang

Tel: (0207) 3827 579

Fax: (0207) 3827 588

SHB Chi nhánh Thái Nguyên

TTTTM Chợ Minh Cầu, số 2, Đường Minh Cầu, P. Phan Đình Phùng, Tp. Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Tel: (0208) 3655 588

Fax: (0208) 3756 866

SHB Chi nhánh Tiền Giang

Số 210, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Tel : (0273) 3877 789

Fax: (0273) 3877 669

SHB Chi nhánh Đồng Tháp

Số 193-195 đường Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Tel: (0277) 353 4488

Fax : (0277) 353 8788

SHB Chi nhánh Cà Mau

Số 132A, đường Nguyễn Tất Thành, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tel: (0290) 3582592

Fax: (0290) 3582593

SHB Chi nhánh Quảng Ngãi

Số 252-254-256 Đường Hùng Vương, P. Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Tel: (0255) 3739777

Fax: (0255) 3739775

SHB Chi nhánh Hà Nam

PG1 – 05, PG1 – 06 Vincom Shophouse Phủ Lý, Đường Biên Hòa, Phường Minh Khai, Tp. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam

Tel: (0226) 2460909

Fax: (0226) 2460011

SHB Chi nhánh Hà Tĩnh

Số 52 Phan Đình Phùng, Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Tel : (0239) 373766

Fax: (0239) 3668877

SHB Chi nhánh Bình Định

85 Mai Xuân Thưởng, TP Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Tel : (0256) 3636688

SHB Chi nhánh Đắk Lắk

18A Nguyễn Tất Thành, Phường Tự An, TP Buôn Mê Thuật, tỉnh Đắk Lắk

Tel : (0262) 369 7979

Fax: (0262) 357 6879

SHB Chi nhánh Tây Ninh

Số 409 đường 30 tháng 04 , khu phố 1, phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tel : (0276) 3898 999

Fax: (0276) 3898 988



Hội sở chính

77 Trần Hưng Đạo

Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3942 3388

Fax: (024) 3941 0944

Email: shbank@shb.com.vn

www.shb.com.vn